



VIETNAM ASSOCIATION OF
SCIENCE AND TECHNOLOGY
IN POLAND



FOUNDATION
„FOR VIETNAM'S SEAS AND ISLANDS”
IN EUROPE



ASSOCIATION OF
VIETNAMESE PEOPLE
IN POLAND

The Second International Scientific Conference On The East Vietnam Sea



BIỂN ĐÔNG HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Vác-sa-va, ngày 24.05.2024

CO-ORGANIZERS:



SPONSORS:



MEDIAS:





BIỂN ĐÔNG - HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Vác-sa-va 24.05.2024

PHIÊN I:

Chủ tọa:

- TS Lã Đức Trung
- Paweł Behrendt

Diễn giả:

I.1. TS Trần Đức Anh Sơn - Trường Đại học Đông Á, Đà Nẵng, Việt Nam

e-mail : anhsontd@gmail.com

Tham luận: **Chủ quyền và cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa trong lịch sử**

I.2. Paweł Behrendt – Viện nghiên cứu Châu Á và Toàn cầu mang tên Michał Boym

e-mail: pawel.behrendt@polska-azja.pl

Tham luận: **Giải pháp khả thi cho tranh chấp Biển Đông**

I.3. GS TSKH Małgorzata Pietrasiak - Đại học Tổng hợp Lodz, Ba Lan

e-mail: małgorzata.pietrasiak@uni.lodz.pl

TS Michał Zaręba - Đại học Tổng hợp Lodz, Ba Lan

Tham luận: **Chiến lược “phòng vệ nước đôi” của Việt Nam trong tranh chấp các quần đảo trên Biển Đông Việt Nam**

PHIÊN II :

Chủ tọa:

- GS TSKH Mai Xuân Lý
- TS Đỗ Thanh Hải

Diễn giả:

II.1. TS Trần Đức Anh Sơn - Trường Đại học Đông Á, Đà Nẵng, Việt Nam

e-mail: anhsontd@gmail.com

Tham luận: **Thư tịch và bản đồ cổ chứng minh chủ quyền của Việt Nam
đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa**

II.2. GS TSKH Marek Jan Wasinski - Đại học Tổng hợp Lodz, Ba Lan

e-mail: mwasinski@wpia.uni.lodz.pl

Tham luận: **Luật quốc tế như là một thành phần tranh luận trong các tranh chấp
liên quan Quyền lực đế quốc**

II.3. TS Robert Czulda - Đại học Tổng hợp Lodz, Ba Lan

e-mail: robert.czulda@uni.lodz.pl

Tham luận: **Xây dựng quân sự ở Biển Đông –
Góc nhìn về tương lai an ninh của Việt Nam**

PHIÊN III :

Chủ tọa:

- GS TSKH Anna Wysocka
- TS Nguyễn Quốc Cường

Diễn giả:

III.1. GS TSKH Anna Wysocka - Viện Khoa học Địa chất, Viện Hàn lâm KH Ba Lan

e-mail: anna.wysocka@uw.edu.pl

Tham luận: **Nghiên cứu địa chất của các nhà khoa học Ba Lan tại Việt Nam –
Lịch sử và triển vọng**

III.2. GS TSKH Jarosław Stolarski - Viện Cổ sinh vật học, Viện Hàn lâm KH Ba Lan

e-mail: stolacy@twarda.pan.pl

Dr hab. Przemysław Gorzelak

Tham luận: **Chương trình hợp tác nghiên cứu giữa Ba Lan và Việt Nam về rạn
rạn san hô ở Biển Đông Việt Nam**

III.3. GS TSKH Mariusz Ziółkowski, Trung tâm Nghiên cứu An-đi, ĐHTH Vác-sa-va

e-mail: mziolkowski@uw.edu.pl

Tham luận: **Khảo cổ và phục chế, trùng tu và bảo tồn di sản**



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



CHỦ QUYỀN VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TẠI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA TRONG LỊCH SỬ

TS Trần Đức Anh Sơn

Trường Đại học Đông Á, Đà Nẵng, Việt Nam

e-mail : anhsontd@gmail.com

MỞ ĐẦU

Quần đảo Hoàng Sa là một trong hai quần đảo lớn ở Biển Đông. Từ đầu thế kỷ XVII, các chúa Nguyễn cai trị ở Đàng Trong (nay là vùng đất từ Quảng Trị đến miền Đông Nam Bộ Việt Nam), đã lập đội Hoàng Sa, đưa người và thuyền bè ra khai thác và quản lý khu vực Bãi Cát Vàng và một phần Bãi Cát Dài ở Biển Đông, chính là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa ngày nay. Cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII, chúa Nguyễn chính thức xác lập quyền quản lý về mặt nhà nước đối với miền Đông Nam Bộ, lấy Sài Gòn, Gia Định làm trung tâm thu hút các nguồn lực và làm bàn đạp tiến ra chiếm lĩnh các vùng biển đảo ở khu vực nam Biển Đông và vịnh Thái Lan. Bên cạnh đội Hoàng Sa trấn giữ các quần đảo giữa Biển Đông, chúa Nguyễn còn đặt ra đội Bắc Hải có trách nhiệm khai thác hoá vật, kiểm tra, kiểm soát thực thi chủ quyền của Việt Nam ở phía nam Biển Đông cho đến vùng biển Tây Nam Bộ.

Năm 1802, Nguyễn Ánh (Gia Long) đánh bại Tây Sơn, lập nên triều Nguyễn (1802 - 1945), cai quản một nước Việt Nam thống nhất và rộng dài như ngày nay. Năm 1803, vua cho tái lập các đội Hoàng Sa và Bắc Hải, có chức năng khai thác và quản lý toàn bộ khu vực Biển Đông. Năm 1816, vua Gia Long tuyên bố chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa.

Từ đó đến nay, các nhà nước kế tục ở Việt Nam đã liên tục thực thi và bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa (và quần đảo Trường Sa), cho đến khi Trung Quốc cưỡng chiếm một phần quần đảo này vào năm 1956 và xâm chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa vào năm 1974. Mặc dù quần đảo Hoàng Sa đang bị Trung Quốc chiếm đóng trái phép, nhưng nhà nước Việt Nam, từ chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam trước năm 1975 đến nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, với những chứng cứ lịch sử và pháp lý rõ ràng.

Tham luận này giới thiệu quá trình chiếm hữu, xác lập, thực thi chủ quyền và cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa từ thế kỷ XVII đến nay, với những sử liệu khách quan và trung thực, nhằm góp thêm minh chứng cho công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

A. QUÁ TRÌNH KHAI PHÁ, XÁC LẬP VÀ THỰC THI CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

1. Tên gọi, vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên quần đảo Hoàng Sa

1.1. Tên gọi

Theo nhiều thư tịch cổ của Việt Nam¹, từ trước thế kỷ XVII, người Việt đã đặt chân đến vùng đảo, đá ngầm, bãi ngầm ở giữa Biển Đông, mà họ đặt tên Nôm là 壠葛鑽 (*Bãi Cát Vàng*) hoặc 璘鑽 (*Cồn Vàng*). Trong các nguồn sử liệu Việt Nam viết bằng chữ Hán, vùng đảo này được ghi bởi nhiều tên khác nhau qua các thời kỳ lịch sử: 黃沙洲 (*Hoàng Sa châu*), 黃沙渚 (*Hoàng Sa chử*), 黃沙 (*Hoàng Sa*), 大黃沙 (*Đại Hoàng Sa*), 大長沙 (*Đại Trường Sa*), 萬里黃沙 (*Vạn Lý Hoàng Sa*), 萬里長沙 (*Vạn Lý Trường Sa*)...²

Trên các bản đồ và hải đồ quốc tế, quần đảo này được các nhà địa lý, các nhà hàng hải phương Tây ghi tên là: *Pracel*, *Paracel Islands*, *Paracels*, *Paraselso*... Các tên *Pracel* hay *Paracel* đã xuất hiện trên một số bản đồ phương Tây đầu tiên vẽ về vùng biển Đông Nam Á như bản đồ của Diego Ribeiro (vẽ năm 1529), bản đồ của Bartholomeu Velho (1560), bản đồ của João de Lisboa (1560)³, bản đồ của Lazaro Luis (1563), bản đồ của Fernão Vaz Dourado (1571), bản đồ của anh em Van Langren (1595), bản đồ của Plancius (1604), bản đồ của Mercator (1613)... Theo Pierre-Yves Manguin, chữ *Parcel* (hay *Pracel*) là tiếng Bồ Đào Nha cổ, nghĩa là “đá ngầm” (*recif*) hay “cao tảng” (*haut-font*).⁴ Còn A. Brébion lại cho rằng do có một thương thuyền của Công ty Đông Ấn Hà Lan (*Vereenigde Oost-Indische Compagnie in Dutch - VOC*), tên là *Paracelse*, bị đắm tại vùng biển này vào thế kỷ XVI, nên người phương Tây gọi quần đảo này là *Paracel*.⁵

Tuy nhiên, cho đến thế kỷ XVIII, cả người Việt và người phương Tây đều tưởng rằng ở giữa Biển Đông chỉ có một dải đảo và bãi ngầm, người Việt gọi chung là *Hoàng Sa* hay là

¹ Chẳng hạn:

- Đỗ Bá, *Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, biên soạn vào thế kỷ XVII, tập hợp trong *Hồng Đức bản đồ*, bản chép tay chữ Hán, lưu trữ tại Toyo Bunko (Đông Dương Văn khố) ở Tokyo, Nhật Bản.

- Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2007.

- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.

² Dẫn theo: Nguyễn Q. Thắng, *Hoàng Sa, Trường Sa lãnh thổ Việt Nam nhìn từ công pháp quốc tế* (Tái bản), Nxb Tri Thức, Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, tr. 218.

³ Các nhà nghiên cứu Việt Nam thường gọi bản đồ này là bản đồ *Livro de Marinharia*. *Livro de Marinharia* là tài liệu do João de Lisboa biên soạn vào năm 1560, gồm 258 tờ, trong đó có 20 tờ bản đồ vẽ nhiều vùng ở trên thế giới. Tài liệu này đang lưu trữ tại *Arquivo Nacional da Torre do Tombo* (Văn khố quốc gia Bồ Đào Nha), ký hiệu PR-TT-CRT-166. Nguồn: <http://digitarq.dgarq.gov.pt/viewer?id=4162625>.

⁴ Pierre Yves Manguin, “Les Portugais sur la côte du Vietnam et du Champa”, *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient (B.E.F.E.O.)*, Paris, 1972.

⁵ Dẫn theo: Thái Văn Kiểm, “Những sử liệu Tây phương minh chứng chủ quyền của Việt Nam và quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa từ thời Pháp thuộc đến nay”, *Sử Địa - Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa*, Số 29, Sài Gòn, 1975, tr. 36.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Đại Trường Sa. Từ cuối thế kỷ XVII, chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã lập đội Hoàng Sa, hàng năm cử đội này ra Hoàng Sa để thăm dò, đo đạc hải trình, khai thác yến sào trên đảo và thu nhặt hải vật từ các tàu bị chìm ở trong vùng biển đảo này. Dần dần người Việt mới phân biệt quần đảo Hoàng Sa với các đảo, bãi ngầm, đá ngầm... khác ở vùng biển phía nam quần đảo Hoàng Sa và bắt đầu cử người thăm dò và khai phá vùng biển đảo này. Theo sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (biên soạn vào năm 1776), thì vào nửa sau thế kỷ XVIII, ngoài đội Hoàng Sa, chính quyền chúa Nguyễn còn lập thêm đội Bắc Hải trực thuộc đội Hoàng Sa nhưng phụ trách việc thăm dò và khai thác hải sản từ vùng biển phía nam quần đảo Hoàng Sa xuống đến tận vùng biển Côn Lôn, Hà Tiên.⁶ Đến triều vua Minh Mạng (1820 - 1841), trên bản đồ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* (vẽ vào năm 1838), lần đầu tiên có sự phân biệt chính thức giữa Hoàng Sa với Vạn Lý Trường Sa.

Tương tự, người phương Tây thường dùng tên *Pracel* (*Parcel, Paracel, Paracels...*) để chỉ chung cho cả dải đảo, đá ngầm, bãi ngầm, cồn san hô... nằm ở vùng biển ngoài khơi Đàng Trong. Hình vẽ *Pracel* trên các bản đồ của phương Tây thường được thể hiện như một lưỡi dao dài và cong, điểm đầu ở phía bắc ghi là *I. de Pracel* (đảo Hoàng Sa), điểm cuối ở phía nam ghi là *Pulo Sissi* (Cù Lao Thu). Đến năm 1787 - 1788, khi đoàn khảo sát Kergariou - Locmaria xác định rõ ràng và chính xác vị trí của *Paracels* (quần đảo Hoàng Sa) như hiện nay, thì họ mới phân biệt *Paracels* ở phía bắc với một quần đảo khác ở cách 500 km về phía nam, mà *Đại Nam nhất thống toàn đồ* đã định danh là *Vạn Lý Trường Sa*. Đến thập niên 1940 thì người Pháp mới đặt tên quần đảo ở phía nam này là *Spratley*⁷, chính là quần đảo Trường Sa ngày nay.

Tuy nhiên, trong nhiều tư liệu khác của triều Nguyễn, sự phân biệt giữa Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa (quần đảo Trường Sa) vẫn chưa thật rõ ràng. Thậm chí, đến năm 1956, cách hiểu “hai quần đảo là một” vẫn xuất hiện trong một văn bản của chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam khi văn bản này ghi rằng “Hoàng Sa bao gồm cả *Paracel* và *Spratly*”.⁸

Song có một điều rất nhất quán là trong các tài liệu thư tịch của phương Tây vào các thế kỷ XVII - XIX, thì vùng đảo, đá, bãi cạn, cồn san hô... mà người Việt ghi là *Bãi Cát Vàng* hay *Côn Vàng* (chữ Nôm) hoặc *Hoàng Sa* (chữ Hán) thì luôn được người phương Tây ghi là *Paracel* (hay *Paracels, Pracel, Parcels, Paracelso...* tùy theo ngôn ngữ của từng nước). Đặc biệt, tờ bản đồ *An Nam đại quốc họa đồ* do giám mục Jean Louis Taberd vẽ vào năm 1838 đã thể hiện quần đảo Paracel kèm theo ghi chú “*Paracel seu Cát Vàng*”⁹ (Paracel hoặc

⁶ Nguyễn Nhã, “Vài nét về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, www.hoangsa.org.

⁷ Nguyễn Nhã, “Vài nét về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, www.hoangsa.org.

⁸ Nguyễn Nhã, “Vài nét về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, www.hoangsa.org.

⁹ Tiếng Latin “*seu*” có nghĩa là “hoặc là”.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

là Cát Vàng). Cũng chính giám mục Taberd trong bài viết in trên tạp chí *The Journal of the Asiatic Society of Bengal* vào năm 1837 đã viết: “Quần đảo *Pracel* hay *Paracels* là một khu vực chằng chịt những hòn đảo nhỏ, đá ngầm và bãi cát... Những người dân xứ *Cochinchina*¹⁰ gọi khu vực đó là *Cồn Vàng*... Vào năm 1816, nhà vua (Gia Long) đã tới long trọng cấm lá cờ của mình và đã chính thức giữ chủ quyền ở các hòn đảo này, mà chắc chắn là sẽ không có một ai tìm cách tranh giành với ông”.¹¹

Đối với Trung Quốc, do ít có sự gắn bó với vùng biển này, nên họ gọi quần đảo Hoàng Sa bằng rất nhiều tên và thay đổi liên tục. Chỉ từ năm 1907 trở đi, Trung Quốc mới gọi quần đảo Hoàng Sa là 西沙群岛 (Xisha qundao).¹²

1.2. Vị trí địa lý

Quần đảo Hoàng Sa thuộc Biển Đông, có tọa độ địa lý từ 15°45' đến 17°15' vĩ độ Bắc, 111° đến 113° kinh độ Đông. Biển Đông¹³ là cửa ngõ thông thương hàng hải quan trọng bậc nhất giữa các quốc gia thuộc vành đai Thái Bình Dương với vùng Đông Nam Á, Ấn Độ, Tây Á, Địa Trung Hải và cả châu Đại Dương trong hàng trăm năm qua.

Toàn bộ quần đảo Hoàng Sa có tổng diện tích khoảng 16.000 km², nằm song song với bờ biển các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam và một phần Quảng Ngãi. Điểm xa nhất về phía tây của quần đảo Hoàng Sa, tức là điểm gần nhất tính từ Việt Nam, là mũi đất thuộc đảo Tri Tôn, cách Cù Lao Ré (tức đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) của Việt Nam là 123 hải lý (khoảng 228 km). Trong khi đó, khoảng cách gần nhất từ quần đảo Hoàng Sa đến đảo Hải Nam của Trung Quốc là khoảng 140 hải lý (khoảng 254 km).¹⁴

Hiện tại, quần đảo Hoàng Sa là một đơn vị hành chính cấp huyện thuộc sự quản lý của thành phố Đà Nẵng. Huyện đảo này nằm cách bờ biển Đà Nẵng 170 hải lý (khoảng 315 km), có diện tích tự nhiên là 305 km², chiếm 23,77 % diện tích tự nhiên của thành phố Đà Nẵng¹⁵, trong đó diện tích toàn bộ phần nổi của quần đảo khoảng 10 km².

1.3. Các nhóm đảo và bãi ngầm chính

¹⁰ *Cochinchina* hay *Cochin-Chine* là tên mà người phương Tây dùng để gọi xứ Đàng Trong lúc bấy giờ, tức là vùng đất từ nam tỉnh Quảng Bình trở vào phía nam.

¹¹ James Prinsep, F.R.S. [Ed.], *The Journal of the Asiatic Society of Bengal*, Vol. VI, Calcutta, 1837, p. 745.

¹² 西沙群岛, âm Hán - Việt là *Tây Sa quần đảo*, Trung Hoa đại lục phiên âm Latin là *Xisha Qundao*, Đài Loan phiên âm Latin là *Hsisa Qundao*, nhưng thường gọi tắt là *Hsisa*.

¹³ Biển Đông, tên quốc tế là *South China Sea*, Trung Quốc gọi là *Huananhai* (biển Hoa Nam) hay *Nanhai* (Nam Hải).

¹⁴ Vũ Hữu San, *Địa lý Biển Đông với Hoàng Sa và Trường Sa*, Bản tiếng Việt, In lần thứ ba, ĐH Stanford, Hoa Kỳ, 2007, tr. 134, tr. 205.

¹⁵ Số liệu thống kê của năm 2007 của thành phố Đà Nẵng, <http://www.danang.gov.vn>.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Hoàng Sa là quần đảo san hô gồm trên 30 đảo, đá, cồn san hô, đá ngầm và bãi cạn. Các đảo, đá, cồn, bãi... này chìm nổi theo mực nước thủy triều, nên cách tính số lượng đảo trong các tài liệu có sự khác biệt. Theo các tài liệu được công bố gần đây¹⁶ thì quần đảo Hoàng Sa gồm hai nhóm đảo chính là *Nhóm đảo Nguyệt Thiềm* (Crescent Group) ở tây nam và *Nhóm đảo An Vĩnh* (Amphitrite Group) ở đông bắc. Hai nhóm đảo này gồm khoảng 30 đảo, đá, bãi, cồn, hòn, trong đó có 15 đảo, ba bãi, ba đá, một cồn, một hòn đã được đặt tên.¹⁷ Các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa không cao so với mực nước biển. Cao nhất là đảo Hòn Đá (15,24 m), thấp nhất là đảo Tri Tôn (3,048 m). Ngoài ra, còn có nhiều bãi ngầm, đá ngầm... nằm rải rác trong một phạm vi rộng lớn xung quanh hai nhóm đảo chính này.¹⁸

1.3.1. Nhóm đảo Nguyệt Thiềm

Nhóm đảo Nguyệt Thiềm, còn có tên là *Trăng Khuyết*, *Lưỡi Liềm* hay *Nhóm Tây*, tên tiếng Anh là *Crescent Group*, tên tiếng Pháp là *Croissant Groupe*, hiện nay Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) gọi là *Yongle qundao* (Vĩnh Lạc quần đảo). Nhóm đảo này nằm về phía tây nam của quần đảo, gần đất liền của Việt Nam, tọa độ 16°31' vĩ độ Bắc và 111°38' kinh độ Đông. Nhóm đảo này gồm bảy đảo chính là: Hoàng Sa, Hữu Nhật, Duy Mộng, Quang Hòa, Quang Ảnh, Bạch Quy, Tri Tôn và các bãi ngầm cùng vô số mỏm đá.¹⁹

* *Đảo Hoàng Sa*: Tên tiếng Anh là *Pattle Island*, tên tiếng Pháp là *Île Pattle*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Shanhudao* (San Hô đảo), tọa độ 16°32' vĩ độ Bắc và 111°36' kinh độ Đông. Đảo hình bầu dục, độ cao 9 m, dài khoảng 950 m, rộng gần 700 m, diện tích khoảng 0,5 km², kể cả vòng san hô bao quanh.

* *Đảo Hữu Nhật*: Tên tiếng Anh là *Robert Island*, tên tiếng Pháp là *Île Robert*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Guanquandao* (Cam Tuyền đảo), tọa độ 16°31' vĩ độ Bắc và 111°34' kinh độ Đông. Đảo có hình bầu tròn, độ cao 8 m, đường kính 800 m, chu vi 2.000 m, diện tích khoảng 0,6 km², có vành đai san hô bao ngoài, giữa là vùng biển lặng. Tên đảo Hữu Nhật được đặt theo tên của vị Chánh đội trưởng thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật (1804 –

¹⁶ Chẳng hạn:

- Vũ Hữu San, *Địa lý Biển Đông với Hoàng Sa và Trường Sa*, Bản tiếng Việt, In lần thứ ba, ĐH Stanford, Mỹ, 2007.

- Nguyễn Quang Trung Tiên, “Tên gọi các đảo ở Hoàng Sa”, *Nghiên cứu và Phát triển*, Số 2 (79)/2010, tr. 32-44.

- Hân Nguyễn Nguyễn Nhã, “Địa lý quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, *Lao Động Cuối tuần*, Số 27, Ngày 15.7.2007.

¹⁷ Nguyễn Nhã, “Vài nét về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, www.hoangsa.org.

¹⁸ Thông tin về tên gọi các đảo, bãi ngầm, cồn, đá... liệt kê trong sách này dẫn theo: Nguyễn Quang Trung Tiên, “Bài đã dẫn”, tr. 32-44.

¹⁹ Tọa độ các đảo trong phần này dẫn theo: Vũ Hữu San, *Sách đã dẫn*, tr. 259-271 và tr. 353-354 và: Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Tài liệu tham khảo phục vụ công tác tập huấn tuyên truyền về biển, đảo*, Nxb Thông tin và Truyền thông, 2013, tr. 110-117.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

1854), người được vua Minh Mạng phái ra Hoàng Sa đo đạc thủy trình và vẽ bản đồ vào năm 1836.

* *Đảo Duy Mộng*: Tên tiếng Anh là *Drummond Island*, tên tiếng Pháp là *Île Drummond*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Jinqingdao* (Tấn Khanh đảo), tọa độ $16^{\circ}28'$ vĩ độ Bắc và $111^{\circ}44'$ kinh độ Đông. Đảo hình bầu dục, độ cao khoảng 4 m, diện tích khoảng $0,41 \text{ km}^2$. Trên đảo có nhiều cây nhỏ, giữa đảo là vùng đất trống, có thể định cư được. Đảo có một con lạch nhỏ, có thể dùng ghe nhỏ vào sâu trong nội địa.

* *Đảo Quang Hòa*: Tên tiếng Anh là *Duncan Island*, tên tiếng Pháp là *Île Duncan*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Chenhangdao* (Thâm Hàng đảo), tọa độ $16^{\circ}27'$ vĩ độ Bắc và $111^{\circ}42'$ kinh độ Đông. Diện tích gần $0,5 \text{ km}^2$. Cạnh đảo lớn còn có đảo nhỏ, nối liền nhau bằng bãi cát dài. Một vài bản đồ địa chất phân biệt đảo Quang Hòa thành hai đảo Quang Hòa Đông và Quang Hòa Tây. Đảo Quang Hòa Đông có chu vi khoảng 2.700 m, diện tích khoảng $0,48 \text{ km}^2$. Đảo Quang Hòa Tây có hình gần tròn, chu vi khoảng 1.000 m, diện tích khoảng $0,09 \text{ km}^2$.

* *Đảo Quang Ảnh*: Tên tiếng Anh là *Money Island*, tên tiếng Pháp là *Île Money*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Jinyindao* (Kim Ngân đảo), tọa độ $16^{\circ}50'$ vĩ độ Bắc và $112^{\circ}20'$ kinh độ Đông. Đảo mang tên Phạm Quang Ảnh, Đội trưởng đội Hoàng Sa thời Nguyễn, từng nhiều lần đem hải đội ra Hoàng Sa thăm dò, đo đạc hải trình, thu lượm hải vật. Trong một lần đi Hoàng Sa, Phạm Quang Ảnh cùng 24 dân binh gặp bão, mất tích giữa biển. Để ghi nhớ công lao, tên của ông được đặt cho đảo này. Đảo hình bầu dục, hơi tròn, chu vi khoảng 2.100 m, diện tích khoảng $0,3 \text{ km}^2$.

* *Đảo Bạch Quy* (còn gọi là *Đá Rùa Trắng*): Tên tiếng Anh là *Passu Keah Island*, tên tiếng Pháp là *Île Passoo Keah*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Panshiyu* (Bàn Thạch dữ), tọa độ $16^{\circ}03'$ vĩ độ Bắc và $111^{\circ}47'$ kinh độ Đông. Đảo là một dải san hô hình bầu dục, độ cao 15 m, địa thế trơ trọi, rất khó sinh tồn.

* *Đảo Tri Tôn*: Tên tiếng Anh là *Triton Island*, tên tiếng Pháp là *Île Triton*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Zhongjiandao* (Trung Kiến đảo), tọa độ $15^{\circ}47'$ vĩ độ Bắc và $111^{\circ}12'$ kinh độ Đông, gần bờ biển Việt Nam nhất so với các đảo khác của Hoàng Sa. Đây là hòn đảo đơn độc, ít người lui tới, nhưng vùng biển quanh đảo có rất nhiều hải sâm, ba ba và san hô nhiều màu.

1.3.2. Nhóm đảo An Vĩnh

Vào nửa sau thế kỷ XVIII, trong lúc nhóm đảo Nguyệt Thiềm ở phía tây nam quần đảo Hoàng Sa vẫn còn chưa chuẩn xác trong ghi chép của các nhà hàng hải phương Tây, thì *Nhóm đảo An Vĩnh* ở phía đông bắc lại được họ biết đến khá nhiều dưới cái tên *Les*



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Triangles (Nhóm đảo Tam giác). Tên *Triangles* xuất phát từ vị trí các đảo trong nhóm sắp theo hình tam giác, đến thế kỷ XVIII thì ít người dùng đến tên gọi này nữa.

Nhóm đảo này còn có tên là *Nhóm Bắc*, tên tiếng Anh là *Amphitrite Group*, tên tiếng Pháp là *Amphytrite Groupe*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Xuande qundao* (Tuyên Đức quần đảo). Nhóm đảo này nằm ở phía đông bắc quần đảo Hoàng Sa, tọa độ 16°53' vĩ độ Bắc và 112°17' kinh độ Đông. Tên nhóm đảo này được đặt theo tên xã An Vĩnh ở Quảng Ngãi, quê hương của đội Hoàng Sa từ thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn.²⁰

Nhóm đảo An Vĩnh gồm các đảo lớn và cao nhất trong các đảo của quần đảo Hoàng Sa, và cũng là các đảo san hô lớn nhất Biển Đông, như: *đảo Phú Lâm, đảo Cây, đảo Linh Côn, đảo Trung, đảo Bắc, đảo Nam, đảo Hòn Đá*.

* *Đảo Phú Lâm*: Tên tiếng Anh là *Woody Island*, tên tiếng Pháp là *Île Boisée*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Yongxingdao* (Vĩnh Hưng đảo), tọa độ 16°50' vĩ độ Bắc và 112°20' kinh độ Đông. Đảo Phú Lâm ở cạnh đảo Hòn Đá, cách đảo Hoàng Sa khoảng 87 km, là đảo quan trọng nhất của nhóm đảo An Vĩnh, dài 1,7 km, rộng 1,2 km, diện tích khoảng 1,3 km².

* *Đảo Linh Côn*: Tên tiếng Anh là *Lincoln Island*, tên tiếng Pháp là *Île Lincoln*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Dongdao* (Đông đảo), tọa độ 16°40' vĩ độ Bắc và 112°44' kinh độ Đông. Linh Côn là đảo lớn nhất trong quần đảo Hoàng Sa, diện tích khoảng 1,62 km², cao khoảng 4,5 m, vòng san hô bao quanh đảo kéo dài về phía nam, dài tới gần 15 hải lý.

* *Đảo Cây* (còn gọi là *Đảo Cù Mộc*): Tên tiếng Anh là *Tree Island*, tên tiếng Pháp là *Île Arbre*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Zhaoshudao* (Triệu Thuật đảo), tọa độ 16°59' vĩ độ Bắc và 112°16' kinh độ Đông.

²⁰ An Vĩnh là một xã ở đất liền, mạn nam cửa biển Sa Kỳ, thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Thời các chúa Nguyễn (thế kỷ XVI - XVIII), sáu họ tộc xã An Vĩnh ở đất liền đều có con em ra đảo Lý Sơn khai khẩn (cùng với dân xã An Hải ở mạn bắc cửa biển Sa Kỳ và dân các nơi khác), lập thành hai phường: An Vĩnh và An Hải, trực thuộc xã An Vĩnh trong đất liền. Dân hai phường này dù sinh ra và lớn lên ở Lý Sơn, nhưng vẫn chịu ràng buộc nghĩa vụ với quê gốc. Những người tham gia vào đội Hoàng Sa thời các chúa Nguyễn cũng chủ yếu lấy từ xã An Vĩnh. Năm 1804, hai phường An Vĩnh và An Hải được tách ra thành các đơn vị hành chính độc lập với xã gốc. Từ đó, nghĩa vụ đi Hoàng Sa thường do dân ở hai phường An Vĩnh và An Hải trên đảo Lý Sơn thực hiện. Đội Hoàng Sa vào thời kỳ đầu của vương triều Nguyễn gồm 70 người, có lấy dân xã An Vĩnh sung vào, hàng năm cứ đến tháng 3 đi thuyền ra khai thác sản vật trên các đảo cho triều đình, đến tháng 8 thì về. Những người trong đội Hoàng Sa gắn liền với việc chinh phục Hoàng Sa có nhiều nhân vật nổi tiếng như: Phạm Quang Ảnh, Phạm Hữu Nhật, Võ Văn Khiết, Võ Văn Hùng, Phạm Văn Sanh, Phạm Văn Nhiên, Phạm Văn Nguyên..., cùng rất nhiều người vô danh khác đều là con dân xã An Vĩnh. Chính từ sự ghi nhận những đóng góp to lớn của dân xã An Vĩnh (trên đất liền) và phường An Vĩnh (trên đảo Lý Sơn) dưới thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn, mà tên An Vĩnh được dùng để đặt tên cho nhóm đảo này. Dẫn theo: Nguyễn Quang Trung Tiên, “Bài đã dẫn”, tr. 39.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

* *Đảo Trung* (còn gọi là *Đảo Giữa*): Tên tiếng Anh là *Middle Island*, tên tiếng Pháp là *Île du Milieu*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Zhongdao* (Trung đảo), tọa độ 16°57' vĩ độ Bắc và 112°19' kinh độ Đông.

* *Đảo Bắc*: Tên tiếng Anh là *North Island*, tên tiếng Pháp là *Île du Nord*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Beidao* (Bắc đảo), tọa độ 16°58' vĩ độ Bắc và 112°18' kinh độ Đông.

* *Đảo Nam*: Tên tiếng Anh là *South Island*, tên tiếng Pháp là *Île du Sud*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Nandao* (Nam đảo), tọa độ 16°57' vĩ độ Bắc và 112°19' kinh độ Đông.

* *Đảo Hòn Đá*: Tên tiếng Anh là *Rocky Island*, tên tiếng Pháp là *Île Rocheuse*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Shidao* (Thạch đảo), tọa độ 16°51' vĩ độ Bắc và 112°21' kinh độ Đông.

1.3.3. Các bãi ngầm, cồn, đá

* *Bãi Addington*: Tên tiếng Anh là *Addington Patch*, tọa độ 15°36' vĩ độ Bắc và 114°25' kinh độ Đông.

* *Bãi Balfour*: Tên tiếng Anh là *Balfour Shoal*, tọa độ 15°27' vĩ độ Bắc và 114°00' kinh độ Đông.

* *Bãi Bassett*: Tên tiếng Anh là *Bassett Shoal*, tọa độ 15°27' vĩ độ Bắc và 114°10' kinh độ Đông.

* *Bãi Carpenter*: Tên tiếng Anh là *Carpenter Shoal*, tọa độ 16°03' vĩ độ Bắc và 114°10' kinh độ Đông.

* *Bãi Cathay*: Tên tiếng Anh là *Cathay Shoal*, tọa độ 15°55' vĩ độ Bắc và 113°58' kinh độ Đông.

* *Bãi Cawston*: Tên tiếng Anh là *Cawston Shoal*, tọa độ 15°31' vĩ độ Bắc và 113°46' kinh độ Đông.

* *Bãi Egeria*: Tên tiếng Anh là *Egeria Bank*, tọa độ 16°01' vĩ độ bắc và 114°56' kinh độ đông.

* *Bãi Hand*: Tên tiếng Anh là *Hand Shoal*, tọa độ 15°59' vĩ độ Bắc và 114°38' kinh độ Đông.

* *Bãi Hardy*: Tên tiếng Anh là *Hardy Patch*, tọa độ 16°05' vĩ độ Bắc và 114°46' kinh độ Đông.

* *Bãi Herald*: Tên tiếng Anh là *Herald Bank*, tọa độ 15°44' vĩ độ Bắc và 112°14' kinh độ Đông.

* *Bãi Howard*: Tên tiếng Anh là *Howard Shoal*, tọa độ 15°51' vĩ độ Bắc và 114°47' kinh độ Đông.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

* *Bãi Learmonth*: Tên tiếng Anh là *Learmonth Shoal*, tọa độ 15^o42' vĩ độ Bắc và 114^o40' kinh độ Đông.

* *Bãi ngầm Bắc* (còn gọi là *Côn Bắc*): Tên tiếng Anh là *North Reef*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Beijiao* (Bắc tiêu), tọa độ 17^o06' vĩ độ Bắc và 111^o30' kinh độ Đông.

* *Bãi ngầm Châu Nhai*: Tên tiếng Anh là *Bremen Bank*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Xinmeitan* (Tân Mễ than), tọa độ 16^o18' vĩ độ Bắc và 112^o28' kinh độ Đông.

* *Bãi ngầm Khám Phá* (còn gọi là *Đá Lồi*): Tên tiếng Anh là *Discovery Reef*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Huaguangjiao* (Hoa Quang tiêu), tọa độ 16^o14' vĩ độ Bắc và 111^o41' kinh độ Đông. Đây là bãi ngầm lớn nhất trong cả quần đảo với một vòng san hô bao quanh chiều dài tới 15 hải lý, bề ngang chừng 5 hải lý.

* *Bãi Ốc Tai Voi*: Tên tiếng Anh là *Herald Bank*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Songtaotan* (Tung Đảo than), tọa độ 15^o44' vĩ độ Bắc và 112^o14' kinh độ Đông.

* *Bãi Quan Sát* (còn gọi là *Côn Quan Sát* hay *Côn Xà Cừ*): Tên tiếng Anh là *Observation Bank*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Yinju* (Ngân dữ), tọa độ 16^o35' vĩ độ Bắc và 111^o42' kinh độ Đông.

* *Bãi Quảng Ngãi*: Tên tiếng Anh là *Jehangir Bank* hay *Jehangire Reef*, tọa độ 16^o21' vĩ độ Bắc và 112^o40' kinh độ Đông. Quảng Ngãi là quê hương của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải do chính quyền chúa Nguyễn thành lập để khai thác nguồn lợi hải sản, xác lập và thực thi chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ thế kỷ XVII. Tên *Jehangire* được đặt theo chiếc tàu nhìn thấy bãi ngầm này vào ngày 25.10.1806.

* *Bãi Smith*: Tên tiếng Anh là *Smith Shoal*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Meixiansha* (Mỹ Khê ám sa), tọa độ 15^o27' vĩ độ Bắc và 114^o12' kinh độ Đông.

* *Bãi Sơn Dương* (còn gọi là *Đá Hải Sâm*): Tên tiếng Anh là *Antelope Reef*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Lingyangjiao* (Linh Dương tiêu), tọa độ 16^o28' vĩ độ Bắc và 111^o34' kinh độ Đông, phía nam đảo Hữu Nhật và phía đông đảo Quang Ảnh, toàn san hô ngầm chưa nổi lên mặt nước.

* *Bãi Stewart*: Tên tiếng Anh là *Stewart Bank*, tọa độ 17^o20' vĩ độ Bắc và 118^o50' kinh độ Đông.

* *Bãi Vọng Các*: Tên tiếng Anh là *Bangkok Shoal*, tọa độ 16^o00' vĩ độ Bắc và 114^o05' kinh độ Đông.

* *Bãi Xiêm La*: Tên tiếng Anh là *Siamese Shoal*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Ximenansha* (Tây Môn ám sa), tọa độ 15^o58' vĩ độ Bắc và 114^o04' kinh độ Đông.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

* *Đá Bông Bay* (còn gọi là *Cồn Bông Bay*): Tên tiếng Anh là *Bombay Reef*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Languajiao* (Lãng Hoa tiêu), tọa độ 16°02' vĩ độ Bắc và 112°32' kinh độ Đông.

* *Đá Chim Yến*: Tên tiếng Anh là *Vuladdore Bank*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Yuzhuojiao* (Ngọc Trác tiêu), tọa độ 16°20' vĩ độ Bắc và 112°01' kinh độ Đông, phía đông nam nhóm đảo Nguyệt Thiềm.

* *Đá Nam* (còn gọi là *Cồn Cát Nam*): Tên tiếng Anh là *South Sand*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Nanshazhou* (Nam Sa châu), tọa độ 16°56' vĩ độ Bắc và 112°20' kinh độ Đông.

* *Đá Tây* (còn gọi là *Cồn Cát Tây*): Tên tiếng Anh là *West Sand*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Xishazhou* (Tây Sa châu), tọa độ 16°58' vĩ độ Bắc và 112°12' kinh độ Đông.

* *Đá Tháp* (còn gọi là *Hòn Tháp*): Tên tiếng Anh là *Pyramid Rock*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Gaojianshi* (Cao Tiêm thạch), tọa độ 16°34' vĩ độ Bắc và 112°38' kinh độ Đông.

Ngoài ra, còn có hai bãi ngầm rất rộng cũng liên quan vùng biển Hoàng Sa là *Macclesfield Bank* và *Scarborough Shoal*.

* *Bãi ngầm Macclesfield*: Tên tiếng Anh là *Macclesfield Bank*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Zhongsha qundao* (Trung Sa quần đảo), tọa độ 15°50' vĩ độ Bắc và 114°20' kinh độ Đông chỉ gồm các bãi ngầm không có đảo, chiều dài tới hơn 100 hải lý, rộng khoảng 60 hải lý.

* *Bãi ngầm Scarborough*: Tên tiếng Anh là *Scarborough Shoal*, hiện nay Trung Quốc gọi là *Huangyandao* (Hoàng Nham đảo), tọa độ 15°08' vĩ độ Bắc và 117°46' kinh độ Đông. Trong bãi có một vài mỏm đá cao chừng 3 m, phần lớn còn lại là bãi đá ngầm nằm chìm sát mặt nước khi thủy triều dâng.

1.4. Điều kiện tự nhiên

1.4.1. Khí hậu

Quần đảo Hoàng Sa nằm trong vùng biển có khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, thường có sương mù và nhiều bão tố đi qua. Tuy nhiên, so với những vùng đất cùng vĩ độ ở trong lục địa thì do nằm giữa Biển Đông nên Hoàng Sa có khí hậu ôn hòa, không quá lạnh về mùa đông và không quá nóng về mùa hè.

Độ ẩm trên các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa đều cao, ít khi xuống dưới 80%. Độ ẩm trung bình vào tháng 6 khoảng 85%. Mưa ở quần đảo Hoàng Sa thường không kéo dài. Lượng mưa trung bình trong năm là 1.170 mm. Mưa nhiều nhất trong tháng 10 (17 ngày, 228 mm).

Vùng quần đảo Hoàng Sa thường có bão những lúc giao mùa, nhất là từ tháng 6 đến tháng 8 hàng năm. Từ tháng 9 trở đi, bão bắt đầu giảm dần nhưng có khi đến tháng 1 năm



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

sau vẫn còn có bão ở quần đảo Hoàng Sa. Những lúc có bão, biển thường động dữ dội và thường kéo dài trong nhiều ngày.

1.4.2. Sinh vật và tiềm năng khoáng sản

Trên các đảo, đá, bãi ngầm... và ở trong vùng biển thuộc quần đảo Hoàng Sa có rất nhiều loài sinh vật sinh sống như: chim yến, chim hải âu, rùa, đồi mồi, vich, đồn đột, ốc tai voi, ốc hương, các loài cá, tôm, mực... Phần lớn các loài sinh vật này đều tương tự như sinh vật sống trong các vùng biển đảo Việt Nam như quần đảo Trường Sa, Cù Lao Ré, Cù Lao Chàm... Theo kết quả khảo sát của nhà nghiên cứu người Pháp H. Fontaine tại Hoàng Sa, vào các thập niên 1940 - 1950, các sinh vật sống ở các đảo của Hoàng Sa và Trường Sa đều là những loài đã gặp ở đất liền Việt Nam, có môi trường sinh sống gần với Việt Nam hơn là Trung Hoa, các sinh vật ở Hoàng Sa và Trường Sa không có nhiều liên hệ với sinh vật ở Trung Quốc.²¹

Những khảo sát về các loài thảo mộc sinh sống trên các đảo của Hoàng Sa của H. Fontaine đã đưa ra kết luận là không có loại thảo mộc nào ở đây có nguồn gốc bản địa. Tất cả đều du nhập từ đất liền bằng nhiều cách khác nhau. Cũng theo kết quả nghiên cứu của H. Fontaine và Lê Văn Hội²², thì những thảo mộc hiện có ở Hoàng Sa đều tìm thấy ở các tỉnh miền Trung Việt Nam. Những loài cây như: mù u, nhàu, bàng... ở Hoàng Sa, Trường Sa đều thấy có ở Cù Lao Ré hay những nơi khác dọc bờ biển Việt Nam. Các thư tịch thời Nguyễn như: *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhị kỷ, quyển 104), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (quyển 207), *Việt sử cương giám khảo lược* (quyển 4)... cũng góp phần chứng thực nguồn gốc từ đất liền của nhiều loài thảo mộc ở trên quần đảo Hoàng Sa.²³

Tài nguyên khoáng sản trong lòng biển và trên các đảo, đá, bãi ngầm ở quần đảo Hoàng Sa rất phong phú, trong đó có nhiều tài nguyên có giá trị như phốt phát, dầu khí, đặc biệt là băng thạch, một loại nhiên liệu hóa thạch quý hiếm, có giá trị kinh tế rất cao, được đánh giá là có trữ lượng rất lớn.

2. Quá trình khai phá, xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa

2.1. Khai phá và xác lập chủ quyền trong các thế kỷ XVI - XVII

Nhiều nguồn sử liệu của Việt Nam, của phương Tây và của cả Trung Quốc đã phản ánh và ghi nhận quá trình khai phá, xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với

²¹ Nguyễn Nhã, “Vài nét về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, www.hoangsa.org.

²² H. Fontaine et Lê Văn Hội, “Contribution à la connaissance de la flore des Îles Paracels”, *Annales de la faculté des sciences*, Saigon, 1957, pp. 133-137.

²³ Chẳng hạn sự kiện vua Minh Mạng sai người ra đảo Hoàng Sa vào năm 1833 trồng nhiều cây cối để sau này cây to lớn xanh tốt, sẽ giúp các con tàu đi qua vùng biển đảo này nhận biết. Nhờ đó có thể tránh bớt nạn mắc cạn.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

quần đảo Hoàng Sa. Theo đó, từ thế kỷ XVI, ngư dân Việt Nam đã khám phá những hòn đảo và vùng biển trong quần đảo Hoàng Sa, họ đến đây để khai thác hải sản. Sang thế kỷ XVII, chính quyền của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã thành lập một lực lượng chuyên nghiệp, đặt tên là *đội Hoàng Sa*, để khai thác các nguồn lợi tại quần đảo này, đồng thời bắt đầu quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

Sử liệu có niên đại sớm nhất mà Việt Nam còn lưu giữ được là tập bản đồ *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* do Đỗ Bá, tên chữ là Công Đạo, soạn vẽ vào khoảng năm 1686. Trong tập bản đồ này có tờ bản đồ vẽ huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi, phía trên có phần chú dẫn miêu tả vị trí một hòn đảo nằm ở ngoài khơi phủ này, gọi là 擺葛鑽 (*Bãi Cát Vàng*). Chú dẫn của Đỗ Bá cũng cho biết, hàng năm chúa Nguyễn đều sai binh thuyền đi ra đảo để khai thác nguồn lợi tại vùng biển đảo này. Chữ *Toản tập* trong nhan đề của tập bản đồ này chứng tỏ Đỗ Bá đã soạn vẽ tập bản đồ này trên cơ sở khảo cứu và chỉnh lý những bản đồ có từ trước. Theo Võ Long Tê, mặc dù *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* được soạn vẽ vào cuối thế kỷ XVII, nhưng tư liệu mà Đỗ Bá sử dụng để vẽ tập bản đồ này là dựa theo các bản đồ có từ thế kỷ XV, được tập hợp trong bộ *Hồng Đức bản đồ*.²⁴ Hồng Đức là niên hiệu của vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497). Như vậy là từ thế kỷ XV người Việt đã biết tới hòn đảo mà Đỗ Bá gọi là 擺葛鑽.²⁵ Ba chữ 擺葛鑽 là chữ Nôm chứng tỏ những người đặt tên cho hòn đảo này không phải là những học giả tinh thông Hán học, mà là những ngư dân ít học, đã trực tiếp khám phá và khai thác các nguồn lợi ở đây và đã đặt tên hòn đảo giống như những gì họ đã nhìn thấy nơi đây.

Về sau, chính quyền các chúa Nguyễn đã tiếp tục khai thác các nguồn lợi trên đảo và trong vùng biển quanh đảo thông qua hoạt động của đội Hoàng Sa. Đây chính là bằng chứng đầu tiên về việc khai phá và xác lập chủ quyền của người Việt đối với quần đảo Hoàng Sa.

Một nhà sư người Trung Quốc là Thích Đại Sán (Thạch Liêm hòa thượng), trú trì chùa Trường Thọ ở Quảng Châu (Trung Quốc), được chúa Nguyễn Phúc Chu (1675 - 1725) mời đến Đàng Trong vào các năm 1695 - 1696, đã khẳng định tính xác thực của việc chúa Nguyễn cử người ra Hoàng Sa (mà ông gọi là *Vạn Lý Trường Sa*) để khai thác hải vật từ các tàu đắm. Trong tác phẩm *Hải ngoại ký sự* (viết vào năm 1696), Thích Đại Sán viết: “Vì có những cồn cát nằm thẳng bờ biển, chạy dài từ đông bắc qua tây nam; động cao dựng đứng như vách tường, bãi thấp cũng ngang mặt nước biển; mặt cát khô rắn như sắt, rũi thuyền chạm phải ắt tan tành; bãi cát rộng cả trăm dặm, chiều dài thăm thẳm chẳng biết bao nhiêu mà kể, gọi là Vạn Lý

²⁴ Bản chép tay *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* của Đỗ Bá sáp nhập với bộ *Hồng Đức bản đồ*, ký hiệu 100891, đang lưu trữ tại Toyo Bunko (Đông Dương văn khố) ở Tokyo, Nhật Bản.

²⁵ Võ Long Tê, *Les archipels de Hoàng Sa et de Trường Sa selon les anciens ouvrages Vietnamiens d'histoire et de géographie*, Sài Gòn, 1974, pp. 34-35.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

*Trường Sa, mù tím chẳng thấy cỏ cây nhà cửa. Nếu thuyền bị trái gió, trái nước tấp vào, đâu không tan nát, cũng không gạo không nước, trở thành ma đói mà thôi. Khoảng ấy cách Đại Việt bảy canh đường, bảy canh ước chừng bảy trăm dặm. Thời Quốc vương trước, hàng năm sai thuyền lớn đi dọc theo bãi cát, lượm vàng bạc khí cụ của các thuyền bị nạn tấp vào. Mùa thu nước ròng, chảy rút về hướng đông, một ngọn sóng có thể đưa thuyền đi, trôi xa cả trăm dặm; sức gió chẳng mạnh, sợ có hiểm họa Trường Sa”.*²⁶ Những ghi chép của Thích Đại Sán trong *Hải ngoại ký sự* là hoàn toàn phù hợp với sử liệu của Việt Nam viết về đội Hoàng Sa, đồng thời ông cũng khách quan ghi nhận chủ quyền của Việt Nam lúc đó đối với quần đảo này.

2.2. Tiếp tục khai thác và xác lập chủ quyền trong thế kỷ XVIII

Sang thế kỷ XVIII, việc khai thác và xác lập chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa vẫn được tiếp tục.

Năm 1774, Đoan Quận công Bùi Thế Đạt vẽ *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ*, bản đồ xứ Đàng Trong, cũng đã vẽ hình thể của quần đảo này và đặt tên Nôm là Bãi Cát Vàng, coi đây là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam

Lê Quý Đôn trong sách *Phủ biên tạp lục* viết về lịch sử, địa lý, hành chính xứ Đàng Trong (biên soạn năm 1776), đã dành nhiều trang viết về quần đảo Hoàng Sa, mà ông gọi là Đại Trường Sa, ghi nhận các hoạt động khai thác và xác lập chủ quyền của chúa Nguyễn tại quần đảo Hoàng Sa (và quần đảo Trường Sa) thông qua đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải. Hoạt động của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải kéo dài từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XVIII, được tổ chức có hệ thống và liên tục, hàng năm đều ra đảo từ tháng 3 đến tháng 8. Các thủy thủ do chính quyền tuyển dụng, hưởng bổng lộc của nhà nước, giấy phép và lệnh ra đảo do chính quyền cấp.

Các bộ chính sử của triều Nguyễn như *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Hoàng Việt địa dư chí*... đều ghi chép vào các thế kỷ XVI - XVIII, các chúa Nguyễn đã tổ chức khai thác các nguồn lợi ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và các đảo khác, như: lập đội Thanh Châu phụ trách các đảo ngoài khơi Quy Nhơn lấy tổ chim yến; lập đội Hải Môn hoạt động ở các đảo ngoài khơi Bình Thuận như đảo Phú Quý; lập đội Bắc Hải trực thuộc đội Hoàng Sa nhưng phụ trách các đảo xa về phía nam, gồm quần đảo Trường Sa, đảo Côn Lôn và các đảo thuộc chủ quyền của nước ta trong vùng vịnh Thái Lan.²⁷

²⁶ Dẫn theo: Nguyễn Nhã, *Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 47.

²⁷ Dẫn theo: *Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, bộ phận lãnh thổ của Việt Nam*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1982, tr. 13-14.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Kế tiếp các chúa Nguyễn, nhà Tây Sơn (1771 - 1801), dù ở trong tình trạng chiến tranh với họ Nguyễn và các thế lực xâm lược bên ngoài như Xiêm La (1785), Mãn Thanh (1788 - 1789) vẫn luôn quan tâm đến việc duy trì hoạt động của Đội Hoàng Sa. Một thư tịch cổ vừa được phát hiện trong những năm gần đây, đề ngày 14 tháng 2 năm Thái Đức thứ 9 (1786) của quan Thái phó Tổng lý quân binh dân chư vụ thượng tướng công của triều Tây Sơn gửi cho Cai đội Hoàng Sa có ghi: “Sai Hội Đức hầu, Cai đội Hoàng Sa luôn xem xét, đốc suất trong đội cấm biển hiệu thủy quân, cưỡi bốn chiếc thuyền câu vượt biển, thẳng đến Hoàng Sa và các xứ cù lao ngoài biển, thu lượm vàng bạc, đồ đồng và các thứ đại bác, tiểu bác, đôi mồi, hải ba, cá quý... mang về kinh đô dâng nộp theo lệ”.²⁸ Điều này chứng tỏ nhà Tây Sơn vẫn tiếp tục duy trì hoạt động của đội Hoàng Sa nhằm khai thác các lợi ích kinh tế và kiểm soát chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa.

2.3. Chính thức chiếm hữu và thực thi chủ quyền trong thế kỷ XIX

Sang thế kỷ XIX, triều Nguyễn (1802 - 1945) đã tiếp nối sự nghiệp của các triều đại trước, chính thức chiếm hữu và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa.

Vị vua đầu tiên của triều Nguyễn là vua Gia Long (1802 - 1820) đã củng cố chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa bằng cách chính thức chiếm hữu quần đảo. Theo sách *Đại Nam thực lục chính biên* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, năm 1803 vua Gia Long đã “sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa”, năm 1815 “sai Phạm Quang Ảnh dẫn đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để khảo sát và thăm dò đường biển”.²⁹ Đặc biệt, năm 1816, vua Gia Long đã ra lệnh cho đội Hoàng Sa và thủy quân của triều đình ra thăm dò, đo đạc thủy trình và cắm cờ trên quần đảo Hoàng Sa để biểu tượng cho chủ quyền của Việt Nam.³⁰ Đến năm 1817 thì tiếp nhận địa đồ đảo Hoàng Sa do thuyền Ma Cao vẽ dâng và ban thưởng cho họ về việc này.

Sự chiếm hữu quần đảo Hoàng Sa theo lệnh của vua Gia Long cũng được ghi nhận trong nhiều tài liệu của các học giả phương Tây vào đầu thế kỷ XIX như: hồi ký *Le mémoire sur la Cochinchine* của Jean Baptiste Chaigneau công bố vào năm 1820; bài viết của giám mục Jean Louis Tabert in trên tạp chí *The Journal of the Asiatic Society of Bengal* xuất bản tại Calcutta (Ấn Độ) năm 1837; quyển sách *L'univers. Histoire et description de tous les peuples. Japon, Indo-Chine, etc.* của Dubois de Jancigny xuất bản tại Paris năm 1850...

Hoạt động thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa được tiến hành liên tục và triệt để hơn dưới triều Minh Mạng (1820 - 1841). Năm 1833, vua Minh Mạng phái người ra

²⁸ Dẫn theo: Nguyễn Quang Ngọc, “Chủ quyền của Việt Nam trên các vùng quần đảo giữa Biển Đông dưới thời Tây Sơn”, <http://biengioihaidao.wordpress.com/category/tu-lieu-lich-su/page/2/>. Truy cập ngày 26.7.2013.

²⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhất kỷ, quyển 50, tờ 6, bản ký hiệu R.777, lưu trữ tại Thư viện Quốc gia (Hà Nội, Việt Nam).

³⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sách đã dẫn*, đệ nhất kỷ, quyển 52, tờ 11.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Hoàng Sa dựng miếu, lập bia và trồng cây.³¹ Năm 1834, vua sai Giám thành vệ đội trưởng Trương Phúc Sĩ cùng hơn 20 thủy quân đi ra Hoàng Sa vẽ bản đồ.³² Năm 1835, vua sai Cai đội thủy quân Phạm Văn Nguyên đem lính và thợ ở Giám thành vệ cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định chở vật liệu ra Hoàng Sa dựng miếu, lập bia đá và xây bình phong trước miếu.³³ Năm 1836, vua sai Chánh đội trưởng thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền ra Hoàng Sa đo đạc, vẽ bản đồ các đảo, hòn, bãi cát... thuộc quần đảo này. Khi ra đo đạc ở Hoàng Sa, Phạm Hữu Nhật đã mang theo 10 cọc gỗ, trên cọc có khắc dòng chữ Hán (Việt dịch): “*Năm Minh Mạng thứ 17, Bình Thân, Chánh đội trưởng thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh đi Hoàng Sa trông nom đo đạc, đến đây khắc lưu chữ này*”.³⁴ Đây là hình thức cắm mốc chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa do Phạm Hữu Nhật thực hiện theo lệnh của vua Minh Mạng. Những chuyến đi ra Hoàng Sa đo đạc, lập bản đồ từ năm 1834 đến năm 1836 của các vị: Trương Phúc Sĩ, Phạm Văn Nguyên, Phạm Hữu Nhật... cùng binh lính, phu thuyền trong đội Hoàng Sa đã cung cấp thông tin, dữ liệu để triều đình Minh Mạng hoàn thành bản đồ hành chính chính thức của nước Đại Nam vào năm 1838. Đó là *Đại Nam nhất thống toàn đồ*, bản đồ đầu tiên của nước ta có sự phân biệt Hoàng Sa với Vạn Lý Trường Sa.

Từ năm 1834 đến năm 1839, vua Minh Mạng đã liên tục thưởng công cho những người đi ra Hoàng Sa thăm dò, đo đạc, vẽ bản đồ. Đối với những người tuy không đi được đến Hoàng Sa để làm nhiệm vụ vì gặp phải gió bão mà phải trở về đất liền, nhà vua cũng ra lệnh thưởng, đồng thời cũng phạt nặng những người không hoàn thành nhiệm vụ tuần phòng ngoài biển.

Các triều Thiệu Trị (1841 - 1847) và Tự Đức (1848 - 1883) đều duy trì việc quản lý hành chính trên các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa. Hoạt động này nhằm mục đích cung cấp những hiểu biết tốt nhất về địa lý và hải trình ở vùng biển đảo này và giúp cho việc thu thuế ngư dân trong vùng.³⁵

Như vậy, triều Nguyễn không chỉ quan tâm đến việc khai thác quần đảo Hoàng Sa mà còn nhận thức được vị trí chiến lược của quần đảo này, xem đó là lãnh thổ biên phòng của Việt Nam và tổ chức cả một chương trình dài hạn để củng cố biên cương, thực thi chủ quyền và bảo vệ lãnh thổ.

³¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sách đã dẫn*, đệ nhất kỷ, quyển 52, tờ 15.

³² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sách đã dẫn*, đệ nhị kỷ, quyển 122, tờ 22.

³³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sách đã dẫn*, đệ nhị kỷ, quyển 154, tờ 4.

³⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sách đã dẫn*, đệ nhị kỷ, quyển 165, tờ 24-25.

³⁵ Dẫn theo: Monique Chemillier-Gendreau, *Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 43.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Ngoài ra, triều Nguyễn còn thể hiện rõ trách nhiệm quản lý của nhà nước Việt Nam khi nhận thấy những hiểm nguy do hình thế địa lý của quần đảo Hoàng Sa gây ra cho tàu thuyền đi qua vùng biển này nên đã tìm cách hạn chế bớt những hiểm nguy đó bằng việc cho người ra đảo trồng cây, dựng bia... làm dấu để tàu thuyền dễ nhận biết. Sách *Đại Nam thực lục chính biên* có ghi: “Tháng 8 mùa thu năm Quý Ty, Minh Mạng năm thứ 14 (1833)... vua bảo bộ Công rằng: trong hải phận Quảng Ngãi, có một dải Hoàng Sa, xa trông trời nước một màu, không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây, thuyền buôn thường bị hại. Nay nên dự bị thuyền mành, đến sang năm sẽ phái người tới đó dựng miếu, lập bia và trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn xanh tốt, người dễ nhận biết ngõ hầu tránh khỏi được nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời”.³⁶ Đây là ý thức trách nhiệm cao cả của một nhà nước thật sự làm chủ quần đảo Hoàng Sa đối với giao thông hàng hải quốc tế trong vùng biển này.

Ngoài ra, những hoạt động xác lập chính thức và thực thi chủ quyền liên tục của triều Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa đã được phản ánh trong châu bản³⁷ triều Nguyễn. Trong kho tàng châu bản triều Nguyễn đang lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I và Ủy ban Biên giới Quốc gia (Bộ Ngoại giao) có 17 tờ châu bản của các triều vua Minh Mạng (1820 - 1841), Thiệu Trị (1841 - 1847) và Bảo Đại (1926 - 1945) có nội dung liên quan đến quá trình xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa.³⁸ Những châu bản này ghi nhận triều Nguyễn thường xuyên cử người ra Hoàng Sa để làm các nhiệm vụ: khảo sát, cắm mốc, đo vẽ bản đồ; thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn đối với thuyền bè của Việt Nam cũng như thuyền bè của các nước khác gặp nạn trên vùng biển Hoàng Sa; ban hành và thực thi các chính sách ưu đãi đối với những người được triều đình cử đi công vụ trên quần đảo Hoàng Sa; đồng thời có chính sách thưởng phạt nghiêm minh đối với những người được triều đình cử đi công vụ tại Hoàng Sa đã lập được công lớn (thưởng) hoặc không hoàn thành nhiệm vụ (phạt). Đây là những văn bản chính thức của triều Nguyễn khẳng định nhà nước Việt Nam thời kỳ này đã xác lập và thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa (và quần đảo Trường Sa) một cách liên tục, hòa bình, bằng các hoạt động do nhà nước tổ chức, với sự chỉ đạo trực tiếp của nhà vua. Những hoạt động này tiếp nối những gì mà các triều đại phong kiến Việt Nam trước đó đã thực hiện, trải

³⁶ Dẫn theo: Từ Đặng Minh Thu, “Chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Thử phân tích lập luận của Việt Nam và Trung Quốc”. Nguồn: http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai11/200711_Tu-Dang-MinhThu.htm.

³⁷ Châu bản là một loại văn bản hành chính của vương triều Nguyễn (1802 - 1945), trên đó có bút tích của các vua triều Nguyễn, viết bằng mực đỏ.

³⁸ Bộ Ngoại giao - Ủy ban Biên giới Quốc gia, *Tuyển tập các châu bản triều Nguyễn về thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa - Collection of Official Documents of the Nguyen Dynasty on the Exercise of sovereignty of Vietnam in over Hoang Sa (Paracels) & Truong Sa (Spratlys) Archipelagoes - Collection des documents officiels de la dynastie des Nguyen prouvant la souveraineté du Vietnam sur les archipels de Hoang Sa (Paracels) et de Truong Sa (Spratleys) - 关于越南对黄沙群岛和长沙群岛行驶主权的版本选集*, Nxb Tri Thức, Hà Nội, 2013.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

suốt 300 năm và không hề có lời phản đối nào từ nhà nước Trung Hoa và các nhà nước lân bang đương thời.

Như vậy, chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa (và quần đảo Trường Sa) đã được thụ đắc qua hai phương pháp phối hợp với nhau:

1. *Chủ quyền lịch sử bắt nguồn từ sự sử dụng và chiếm hữu lâu đời một “lãnh thổ vô chủ” (res nullius) dưới thời các chúa Nguyễn (trong các thế kỷ XVII - XVIII);*
2. *Chủ quyền bắt nguồn từ sự chính thức ‘chiếm hữu thực sự’ và thực thi chủ quyền một cách liên tục dưới thời các vua triều Nguyễn (thế kỷ XIX).³⁹*

Thực ra, việc thụ đắc bằng phương pháp 1 cũng đã đủ để tạo chủ quyền cho Việt Nam, và như vậy, Việt Nam đã có “chủ quyền lịch sử” từ thế kỷ XVII. Chủ quyền này lại được củng cố thêm khi triều Nguyễn chính thức chiếm hữu thực sự quần đảo Hoàng Sa vào năm 1816.

3. Tổ chức quản lý hành chính của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa

3.1. Tổ chức quản lý hành chính thời Pháp thuộc (1884 - 1950)

Ngày 6.6.1884, triều Nguyễn ký với Pháp *Hiệp ước Giáp Thân* (còn gọi là *Hiệp ước Patenôtre*), theo đó, Pháp sẽ đại diện quyền lợi của Đại Nam (quốc hiệu của Việt Nam lúc đó) trong quan hệ đối ngoại và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Đại Nam. Theo đó, Pháp sẽ đại diện cho Đại Nam tiếp tục thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.⁴⁰

Đối với quần đảo Hoàng Sa, vào năm 1899, Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer ra lệnh xây dựng tại đảo Hoàng Sa (Île Pattle) một ngọn hải đăng để hướng dẫn cho tàu thuyền đi qua vùng biển Hoàng Sa. Việc nghiên cứu do các cơ quan của chính quyền thuộc địa tiến hành. Nhưng do thiếu ngân sách nên việc này đã không được thực hiện.⁴¹

³⁹ Đây là nội dung thứ 2 và nội dung thứ 3 trong bốn nội dung của nguyên tắc “chiếm hữu thật sự” đã được đưa ra trong *Định ước Berlin* ký ngày 26.6.1885 và được tái khẳng định trong *Tuyên bố của Viện Pháp luật quốc tế Lausanne* năm 1888 về nguyên tắc “chiếm hữu thực sự” có giá trị phổ biến trong luật pháp quốc tế để xem xét giải quyết các tranh chấp chủ quyền lãnh thổ giữa các quốc gia trên thế giới. Nội dung chủ yếu của nguyên tắc “chiếm hữu thật sự” trong luật pháp quốc tế, gồm: [1]. *Việc xác lập chủ quyền lãnh thổ phải do nhà nước tiến hành*; [2]. *Sự chiếm hữu phải được tiến hành một cách hòa bình trên một vùng lãnh thổ vô chủ (res nullius) hoặc là trên một vùng lãnh thổ đã bị từ bỏ bởi một quốc gia đã làm chủ nó trước đó (derelicto). Việc sử dụng vũ lực để xâm chiếm là hành động phi pháp*; [3]. *Quốc gia chiếm hữu phải thực thi chủ quyền của mình ở những mức độ cần thiết, tối thiểu thích hợp với các điều kiện tự nhiên và dân cư trên vùng lãnh thổ đó*; và [4]. *Việc thực thi chủ quyền phải liên tục, hòa bình*.

⁴⁰ Do nội dung của bài viết này chủ yếu tập trung vào vấn đề chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa trên cơ sở kế thừa kết quả của đề tài *Fond tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với huyện đảo Hoàng Sa - Thành phố Đà Nẵng*, nên chúng tôi chỉ tóm lược những hoạt động quản lý hành chính của người Pháp ở quần đảo Hoàng Sa, không giới thiệu những hoạt động tương tự ở quần đảo Trường Sa.

⁴¹ Dẫn theo: Monique Chemillier-Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 44.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 1920, Công ty Mitsui-Bussan Kaisha của Nhật Bản đã liên hệ với chính quyền Pháp ở Đông Dương để xin phép khai thác phốt phát trên một số đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa.⁴²

Từ năm 1920 trở đi, Pháp thực hiện việc kiểm soát trên biển và kiểm soát hải quan đối với quần đảo Hoàng Sa.⁴³

Năm 1925, tàu De Lanessan chở một đoàn gồm các nhà khoa học người Pháp do A. Krempf, Giám đốc Hải học viện Nha Trang dẫn đầu đi ra quần đảo Hoàng Sa khảo sát về hải dương học, địa chất, sinh vật biển ở vùng biển đảo này.⁴⁴

Năm 1929, phái đoàn Perrier - De Rouville sau khi ra khảo sát quần đảo Hoàng Sa đã đề nghị dựng bốn ngọn hải đăng trên bốn hòn đảo nằm ở bốn góc của quần đảo Hoàng Sa là các đảo Tri Tôn, Đá Bắc, Linh Côn và bãi ngầm Bông Bay.

Trong các năm 1930 - 1932, chính quyền Pháp ở Đông Dương liên tục cử các tàu nghiên cứu khoa học, tàu dân sự và quân sự ra đảo Hoàng Sa như: tàu La Malicieuse (1930), tàu Inconstant (tháng 3.1931), tàu De Lanessan (tháng 6.1931), chiến hạm Alerte (tháng 5.1932),...

Liên tục trong các năm 1930 - 1933, chính quyền Pháp ở Đông Dương đã triển khai quân đội đồn trú ở một số đảo quan trọng trên quần đảo Hoàng Sa⁴⁵, đồng thời xây dựng tổ chức quản lý hành chính tại đây. Cụ thể là ngày 15.6.1932, Toàn quyền Đông Dương Pierre Pasquier ban hành Nghị định số 156-SC thiết lập *Đại lý hành chính Hoàng Sa* thuộc tỉnh Thừa Thiên.⁴⁶ Theo đó, hàng năm, đại diện của chính quyền Pháp ở Trung Kỳ đều phối hợp với đại diện của triều đình Huế đi kinh lý Hoàng Sa. Chế độ phụ cấp và kinh phí trợ cấp cho các viên chức hành chính đại diện và đi kinh lý ở Hoàng Sa được quy định cụ thể, trích từ ngân sách xứ Trung Kỳ.⁴⁷ Cùng với việc thiết lập Đại lý hành chính Hoàng Sa, người Pháp cũng đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở hạ tầng và hoạt động quản lý ở trên quần đảo Hoàng Sa.

Tháng 2.1937, tuần dương hạm Lamotte Piquet của Pháp do phó Đô đốc Istava chỉ huy đã ra thăm quần đảo Hoàng Sa. Cũng trong năm này, Khâm sứ Trung Kỳ đã cử kỹ sư công chính J. Gauthier ra quần đảo Hoàng Sa để nghiên cứu địa điểm xây dựng hải đăng và bãi đáp của thủy phi cơ.

⁴² Dẫn theo: Monique Chemillier-Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 44-45.

⁴³ Dẫn theo: Monique Chemillier-Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 45.

⁴⁴ Dẫn theo: Monique Chemillier-Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 45.

⁴⁵ Bộ Ngoại giao - Ủy ban Biên giới Quốc gia, *Sách đã dẫn*, tr. 38-39.

⁴⁶ Nghị định của Toàn quyền Đông Dương số 156-SC ngày 15.6.1932, về việc lập một đại lý hành chính tại quần đảo Hoàng Sa. Đại lý hành chính là đơn vị hành chính ở xa tỉnh lỵ, thường do phó Công sứ hoặc sĩ quan người Pháp phụ trách lực lượng quân đội thay mặt Công sứ cai quản. Dẫn theo: Monique Chemillier-Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 242.

⁴⁷ Nghị định do Toàn quyền Đông Dương ký ngày 28.1.1934. Dẫn theo: Monique Chemillier-Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 46.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Mặc dù việc quản lý quần đảo Hoàng Sa vào thời điểm này do Khâm sứ Trung Kỳ trực tiếp thực hiện, nhưng Nam triều⁴⁸ cũng phối hợp chặt chẽ với người Pháp trong vấn đề này. Cụ thể là ngày 30.3.1938, vua Bảo Đại đã ký Dụ số 10, tách quần đảo Hoàng Sa khỏi địa hạt tỉnh Nam-Ngãi, cho “*tháp nhập các cù lao Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa-thiên; về phương diện hành chính, các cù lao ấy thuộc dưới quyền quan Tỉnh hiến tỉnh ấy*”. Tờ Dụ còn ghi rõ: “*các Cù lao Hoàng Sa thuộc về chủ quyền nước Nam đã lâu đời và dưới các tiên triều, các cù lao ấy thuộc về địa hạt tỉnh Nam-Ngãi; đến đời Đức Thế Tổ Cao hoàng đế vẫn để y như cũ, là vì nguyên trước sự giao thông với các cù lao ấy đều do các cửa bể tỉnh Nam-Ngãi. Nhờ sự tiến bộ trong việc hàng hải, nên việc giao thông ngày nay có thay đổi; vả lại viên đại diện Chính phủ Nam triều ủy phái ra kinh lý các cù lao ấy cùng quan đại diện Chính phủ bảo hộ có tâu rằng nên tháp các cù lao Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa-thiên thời được thuận tiện hơn*”.⁴⁹ Nam triều còn cử một toán lính người Việt ra trấn đóng các đảo ở Hoàng Sa, phối hợp với lực lượng người Pháp để quản lý quần đảo này.

Trong năm 1938, chính quyền Pháp ở Đông Dương cho xây dựng trên đảo Hoàng Sa một hải đăng, một trạm khí tượng, một trạm vô tuyến TSF và đặt một trạm khí tượng khác trên đảo Phú Lâm. Đặc biệt, người Pháp đã cho dựng trên đảo Hoàng Sa một tấm bia chủ quyền khắc dòng chữ Pháp: *République Française - Empire d'Annam - Archipels des Paracels 1816 - Île de Pattle 1938* (Cộng hòa Pháp - Đế chế An Nam - Quần đảo Hoàng Sa 1816 - Đảo Hoàng Sa 1938).

Ngày 5.5.1939, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévié ký Nghị định số 3282, sửa đổi Nghị định 156-SC ngày 15.6.1932, thành lập hai đại lý hành chính mới ở quần đảo Hoàng Sa, thay thế cho Đại lý hành chính Hoàng Sa thành lập từ năm 1932. Hai đại lý hành chính mới là *Đại lý hành chính Nguyệt Thiêm và các đảo phụ cận* và *Đại lý hành chính An Vĩnh và các đảo phụ cận*, thuộc sự quản lý của tỉnh Thừa Thiên.⁵⁰ Ranh giới hành chính giữa hai đại lý này được phân định bởi kinh tuyến 112⁰Đ (trừ bãi đá ngầm Vuladdore hoàn toàn trực thuộc *Đại lý hành chính Nguyệt Thiêm*). Những phái viên hành chính đứng đầu hai đại lý này, với tư cách đại diện của Khâm sứ Trung Kỳ, đóng trụ sở tại đảo Hoàng Sa và đảo Phú Lâm. Hàng năm, mỗi phái viên được hưởng phụ cấp đại diện và kinh lý là 400 đồng (tiền Đông Dương), lấy từ ngân sách địa phương xứ Trung Kỳ.

Trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ II, một số đảo thuộc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã bị người Nhật chiếm đóng nhưng chính quyền Pháp vẫn duy trì lực lượng đồn trú ở đảo chính Hoàng Sa và các đảo phụ cận, tiếp tục quản lý hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và nhiều lần ra tuyên bố phản kháng Nhật Bản cưỡng chiếm các đảo ở Hoàng Sa và Trường Sa.

⁴⁸ Nam triều, Chính phủ Nam triều hay triều đình An Nam là những cách gọi khác đối với triều Nguyễn dưới triều vua Bảo Đại (1926 - 1945).

⁴⁹ Dụ số 10 của vua Bảo Đại ký ngày 29 tháng 2 năm Bảo Đại thứ 13 (30.3.1938).

⁵⁰ Nghị định số 3282 do Toàn quyền Đông Dương Jules Brévié ký ngày 5.5.1939.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Sau sự kiện “Nhật đảo chính Pháp” ở Đông Dương vào ngày 9.3.1945, lính Pháp đồn trú trên đảo Hoàng Sa bị hải quân Nhật bắt làm tù binh và người Nhật bắt đầu trấn giữ đảo này cùng với các đảo: Phú Lâm, Linh Côn và Hữu Nhật mà họ đã chiếm đóng từ năm 1938.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, Nhật Bản bại trận rút khỏi Đông Dương nhưng quân Nhật đồn trú ở trên đảo Hoàng Sa mãi đến năm 1946 mới rút hết. Thay thế quân Nhật là một phân đội bộ binh Pháp đổ bộ từ tàu Savorgnan de Brazza lên đảo Hoàng Sa từ tháng 5.1946, nhưng đơn vị này chỉ ở đó vài tháng rồi rút đi do cuộc chiến tranh Đông Dương.

Sau khi quân Pháp rút đi, Chính phủ Trung Hoa Dân quốc cho quân đổ bộ lên đảo Hoàng Sa vào tháng 11.1946 và đến tháng 1.1947 thì chiếm thêm đảo Phú Lâm. Chính phủ Pháp chính thức phản đối hành động này của Trung Hoa Dân quốc và nhanh chóng điều động một đơn vị lính Pháp đến đồn trú ở đảo Hoàng Sa thuộc quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 8.3.1949, Tổng thống Pháp Vincent Auriol và cựu hoàng Bảo Đại đã ký *Hiệp ước Elysée*, thành lập Quốc gia Việt Nam⁵¹, đặt trong khối Liên hiệp Pháp, đứng đầu là Quốc trưởng Bảo Đại. Tuy nhiên, do Chính phủ Quốc gia Việt Nam còn non trẻ nên các quyền quan trọng về quân sự, tài chính và ngoại giao ở Việt Nam đều do Cao ủy Pháp tại Đông Dương nắm giữ. Quân đội Pháp tại Đông Dương thay mặt Chính phủ Quốc gia Việt Nam triển khai các hoạt động quân sự trên lãnh thổ Việt Nam và trên các vùng biển đảo thuộc chủ quyền Việt Nam, trong đó có quần đảo Hoàng Sa. Trong năm 1949, Pháp vẫn duy trì lực lượng đồn trú ở đảo Hoàng Sa, trong khi binh lính Trung Hoa Dân quốc đã rút khỏi đảo Phú Lâm từ tháng 4.1950.

Ngày 14.10.1950, Chính phủ Pháp chính thức chuyển giao cho Chính phủ Quốc gia Việt Nam quyền quản lý hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Thủ hiến Trung phần Phan Văn Giáo đã chủ tọa việc chuyển giao quyền hành ở quần đảo Hoàng Sa. Người Pháp chính thức chấm dứt việc quản lý đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.⁵²

3.2. Tổ chức quản lý hành chính thời Quốc gia Việt Nam và thời Việt Nam Cộng hòa (1950 - 1975)

⁵¹ Quốc gia Việt Nam ra đời từ *Hiệp ước Elysée* ký ngày 8.3.1949 giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Quốc trưởng Bảo Đại. Về danh nghĩa, Quốc gia Việt Nam thuộc khối Liên hiệp Pháp, độc lập, đối kháng và tồn tại trên cùng lãnh thổ với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh khai sinh vào ngày 2.9.1945. Chính phủ Quốc gia Việt Nam tồn tại trong sáu năm (1949 - 1955). Năm 1955, Ngô Đình Diệm phế truất Quốc trưởng Bảo Đại, giải tán Chính phủ Quốc gia Việt Nam, thành lập Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam.

⁵² Tuy nhiên, trên thực tế, người Pháp vẫn duy trì những hoạt động nghiên cứu đối với quần đảo Hoàng Sa. Chẳng hạn, vào năm 1953, Pháp đã cử tàu *Ingenieur en elef Girod* ra quần đảo Hoàng Sa khảo sát về hải dương, địa chất, địa lý và môi trường.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Sau khi tiếp nhận quyền quản lý quần đảo Hoàng Sa, Chính phủ Quốc gia Việt Nam đã giữ nguyên tổ chức hành chính và cơ sở vật chất mà người Pháp đã xây dựng ở nơi này trước đây.

Ngày 7.9.1951, khi tham dự Hội nghị ký kết hiệp ước hòa bình với Nhật Bản do 48 nước trong phe Đồng minh tổ chức ở San Francisco (Hoa Kỳ), Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Chính phủ Quốc gia Việt Nam là Trần Văn Hữu đã tuyên bố hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam mà không gặp phải bất kỳ sự phản đối nào của các quốc gia tham dự hội nghị này.

Sau khi Hiệp định Genève về Việt Nam được ký kết và có hiệu lực (từ tháng 7.1954), hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở phía nam vĩ tuyến 17, trực thuộc sự quản lý của Chính phủ Quốc gia Việt Nam theo một điều khoản của hiệp định này.

Tháng 4.1956, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thay thế cho chính quyền Quốc gia Việt Nam tiếp quản nhóm đảo Nguyệt Thiềm ở phía tây quần đảo Hoàng Sa và các đảo thuộc quần đảo Trường Sa.⁵³

Ngày 8.6.1956, Ngoại trưởng Việt Nam Cộng hòa ra tuyên bố tái khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Cũng trong năm này, hải quân Việt Nam Cộng hòa đã hỗ trợ Sở Hàm mò, kỹ nghệ và tiểu công nghiệp miền Nam ra khảo sát bốn đảo: Hoàng Sa, Quang Ảnh, Hữu Nhật và Duy Mộng trong quần đảo Hoàng Sa.

Dựa vào quy định tổ chức nền hành chính quốc gia từ vĩ tuyến 17 trở vào và việc ấn định đơn vị hành chính tỉnh Quảng Nam⁵⁴, vào ngày 13.7.1961, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ký sắc lệnh 174-NV chuyển quần đảo Hoàng Sa từ sự quản lý của tỉnh Thừa Thiên vào tỉnh Quảng Nam, đồng thời, lấy trọn quần đảo này để thành lập một đơn vị hành chính, đặt tên là xã Định Hải, thuộc quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam.⁵⁵ Xã Định Hải được đặt dưới quyền quản lý của một phái viên hành chính.

Tiếp đến, để thực thi việc cải tổ nền hành chính ở miền Nam Việt Nam cho phù hợp với tình thế đương thời, vào ngày 6.2.1968, Hội đồng tỉnh Quảng Nam đã nhóm họp để đề xuất việc sáp nhập xã Định Hải (bao gồm quần đảo Hoàng Sa) vào một đơn vị hành chính trên đất liền. Tiếp đó, ngày 9.8.1969, Hội đồng xã Hòa Long, quận Hòa Vang nhóm họp và đồng thuận sáp nhập xã Định Hải vào quận Hòa Vang. Tỉnh trưởng tỉnh Quảng Nam đồng thuận với việc sáp nhập này và kiến nghị gửi lên Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tán đồng việc này. Ngày 21.10.1969, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đồng ý sáp nhập xã Định Hải (quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam) vào xã Hòa Long cùng quận.⁵⁶ Từ đây, việc quản

⁵³ Nhóm đảo An Vĩnh ở phía đông quần đảo Hoàng Sa đã bị quân đội Trung Quốc chiếm đóng khi quân đội Việt Nam Cộng hòa chưa kịp tiếp quản.

⁵⁴ Dự số 57-a ngày 24.10.1956 về tổ chức nền hành chính quốc gia từ vĩ tuyến 17° Bắc trở vào và Nghị định số 335-NC/P6 ngày 24.6.1958 ấn định đơn vị hành chính tỉnh Quảng Nam của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa.

⁵⁵ Sắc lệnh số 174-NV ngày 13.7.1961 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

⁵⁶ Nghị định số 709-BNV/HCDP/26 ngày 21.10.1969 của Tổng trưởng Nội vụ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

lý hành chính quần đảo Hoàng Sa được giao phó cho đơn vị hành chính cấp cơ sở trên đất liền đảm nhận, cho đến khi Trung Quốc dùng vũ lực đánh chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa vào tháng 1.1974.

3.3. Tổ chức quản lý hành chính từ năm 1975 đến nay

Sau ngày đất nước thống nhất (30.4.1975), mặc dù quần đảo Hoàng Sa đã bị Trung Quốc cưỡng chiếm hoàn toàn vào năm 1974, nhưng Việt Nam vẫn không ngừng các hoạt động nhằm xác định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa.

Năm 1976, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Việt Nam) được thành lập, chính thức kế thừa quyền sở hữu các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ các nhà nước trước đó, có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền đối với hai quần đảo này.

Ngày 12.5.1977, Chính phủ Việt Nam ra *Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam*, khẳng định rõ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam.

Ngày 9.12.1982, Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam ra Quyết định số 194-HĐBT thành lập huyện đảo Hoàng Sa, bao gồm các đảo của quần đảo Hoàng Sa, trực thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Đây là một văn kiện pháp lý khẳng định quyền quản lý hành chính của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa đang bị Trung Quốc chiếm giữ.

Ngày 6.11.1996, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX của Việt Nam đã ra nghị quyết tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng. Theo đó, huyện đảo Hoàng Sa được sáp nhập vào thành phố Đà Nẵng. Từ ngày 1.1.1997, Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc trung ương, chính thức quản lý huyện đảo Hoàng Sa. Do Trung Quốc đang chiếm giữ quần đảo này nên Cơ quan thường trú Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Hoàng Sa trú đóng trong trụ sở của Sở Nội vụ Đà Nẵng (Số 132, đường Yên Bái, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng).

Năm 2008, UBND huyện Hoàng Sa bắt đầu tuyển dụng công chức hành chính để hoạt động. Đặc biệt, ngày 25.4.2009, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng chính thức bổ nhiệm chức danh Chủ tịch UBND huyện đảo Hoàng Sa, do ông Đặng Công Ngữ, Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng kiêm nhiệm.

Từ năm 2010, Chủ tịch UBND huyện đảo Hoàng Sa đã bổ nhiệm chức danh Chánh văn phòng UBND huyện Hoàng Sa, đảm trách các sự vụ hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

Ngày 1.5.2014, ông Đặng Công Ngữ, Chủ tịch huyện đảo Hoàng Sa, nghỉ hưu theo chế độ, UBND thành phố Đà Nẵng bổ nhiệm ông Võ Công Chánh, Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch huyện đảo Hoàng Sa thay ông Đặng Công Ngữ.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Tháng 6.2016, sau khi ông Võ Công Chánh được điều động đi nhận nhiệm vụ khác, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã bổ nhiệm ông Võ Ngọc Đồng, tân Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng, kiêm nhiệm chức vụ Chủ tịch UBND huyện Hoàng Sa. Ngày 30.6.2021, ông Võ Ngọc Đồng tiếp tục được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã bổ nhiệm giữ chức Chủ tịch UBND huyện Hoàng Sa (nhiệm kỳ 2021 - 2026). Đồng thời, UBND thành phố Đà Nẵng cũng bổ nhiệm ông Lê Phú Nguyên giữ chức phó Chủ tịch UBND huyện Hoàng Sa (nhiệm kỳ 2021 - 2026). Ngoài ra, ngày 28.3.2018, sau 3 năm xây dựng, Nhà Trưng bày Hoàng Sa, do UBND thành phố Đà Nẵng đầu tư, đã khánh thành tại đường Hoàng Sa, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Đây là nơi trưng bày, triển lãm hơn 500 tư liệu, bản đồ, hình ảnh, hồ sơ pháp lý và hàng chục công trình nghiên cứu về lịch sử khai phá, chiếm hữu, xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và biển đảo Việt Nam.

Như vậy, kể từ thế kỷ XVI, khi những ngư dân Việt Nam đầu tiên đặt chân lên các hòn đảo hoang vắng, vô chủ trong quần đảo Hoàng Sa cho đến ngày nay, các thế hệ người dân Việt Nam và các nhà nước Việt Nam đã liên tục khám phá, khai thác, xác lập và thực thi chủ quyền, tiến đến tổ chức quản lý hành chính quần đảo Hoàng Sa trong suốt hơn năm thế kỷ qua. Đó là một quá trình lịch sử lâu dài, liên tục và hợp pháp, với những hành động cụ thể được ghi nhận trong các nguồn sử liệu của Việt Nam, của phương Tây và của cả Trung Quốc, nước đang chiếm đóng trái phép quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

B. TRANH CHẤP CHỦ QUYỀN VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

Người Việt đã có một quá trình khai phá, xác lập, thực thi chủ quyền kéo dài suốt năm thế kỷ trên quần đảo Hoàng Sa (và quần đảo Trường Sa). Điều này được ghi lại trong nhiều nguồn sử liệu của Việt Nam, của phương Tây và của cả Trung Quốc. Trong khi đó, các bộ chính sử của các triều đại Trung Hoa từ thời Tần - Hán (221 trước CN - 220 sau CN) cho đến thời Thanh (1644 - 1911) khi viết về phần lãnh thổ phía nam của Trung Quốc đều không miêu tả xa hơn vùng đất châu Nhai thuộc phủ Quỳnh Châu (đảo Hải Nam). Tương tự, các bản đồ do Trung Quốc vẽ từ thời thượng cổ cho đến cuối thời Thanh đều giới hạn cương vực Trung Quốc đến đảo Hải Nam, không hề đề cập hai quần đảo mà Trung Quốc gọi là *Xisha Qundao* (西沙群島: Tây Sa quần đảo) và *Nansha Qundao* (南沙群島: Nam Sa quần đảo), tức là quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Thế nhưng từ năm 1909, Trung Quốc bắt đầu tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam và sau này tiếp tục tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa. Tuy nhiên, khác với quần đảo Trường Sa là ngoài Trung Quốc còn có một số nước như Philippines, Malaysia, Đài Loan, Brunei cùng tranh chấp chủ quyền với Việt Nam, cuộc tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam chủ yếu là do



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Trung Quốc thực hiện. Cuộc tranh chấp này bắt đầu từ khi Tổng đốc Lương Quảng là Trương Nhân Tuấn ra lệnh cho thuộc cấp là Thủy sư đô đốc Lý Chuẩn đưa thuyền ra thị sát Hoàng Sa vào năm 1909 và tiếp tục kéo dài cho đến nay với mức độ ngày càng nghiêm trọng và nguy hiểm hơn.

Thực ra, mầm mống của việc Trung Quốc tranh chấp chủ quyền với Việt Nam tại Hoàng Sa được manh nha hình thành từ trước đó, khi chính quyền Pháp lần lượt ký ba bản hiệp ước với nhà Nguyễn (năm 1884) và nhà Thanh (năm 1885 và năm 1887).

Sự thống trị của Pháp ở Việt Nam được bắt đầu bằng *Hiệp ước Giáp Tuất* ký tại Sài Gòn ngày 15.3.1874, xác lập chế độ bảo hộ của Pháp tại Nam Kỳ, và tiếp tục xác nhận bởi *Hiệp ước Giáp Thân* (còn gọi là *Hiệp ước Patenôtre*) ký tại Huế ngày 6.6.1884, chính thức xác lập chế độ bảo hộ của Pháp trên toàn cõi Việt Nam, buộc Việt Nam từ bỏ quan hệ thần phục với Trung Hoa.

Hiệp ước Giáp Thân đã mang lại cho Pháp những thẩm quyền quan trọng để thống trị Việt Nam, trong đó có thẩm quyền đối với lãnh thổ và hoạt động bảo vệ chủ quyền lãnh thổ Việt Nam. Ngoài Nam Kỳ đã trở thành thuộc địa từ trước, với *Hiệp ước Giáp Thân*, người Pháp tiếp tục thực hiện quyền kiểm soát ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Quân đội Pháp có thể di chuyển và đồn trú ở khắp lãnh thổ Việt Nam lúc đó.

Ngày 17.10.1887, Liên bang Đông Dương gồm ba nước Việt - Miên - Lào được thành lập, trở thành một chính quyền thuộc địa, đặt dưới sự cai trị của Toàn quyền Đông Dương và viên Toàn quyền Đông Dương đầu tiên là Ernest Constans (1887 - 1888). Từ lúc này, quyền lực cơ bản của triều đình nhà Nguyễn đối với Việt Nam, kể cả quyền bảo vệ lãnh thổ và quyền ngoại giao được chuyển vào tay người Pháp. Vì thế, xét trên góc độ pháp lý, chính quyền Pháp ở Đông Dương đang thay mặt triều Nguyễn thực thi chủ quyền quốc gia và bảo vệ lãnh thổ quốc gia. Đây cũng chính là thời điểm bắt đầu diễn ra những tranh chấp chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa, mà đối tượng tranh chấp chủ yếu là Trung Quốc, bắt đầu từ hành động “thị sát Tây Sa” vào năm 1909 của chính quyền tỉnh Quảng Đông, được tiếp diễn bởi nhà nước Trung Hoa Dân quốc (1912 - 1949) và nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (từ năm 1949 đến nay).

Sau đây là những mốc chính trong diễn trình tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa mà các nhà nước Trung Quốc đã thực hiện từ cuối thế kỷ XIX đến nay.⁵⁷

1. Thời kỳ 1884 - 1954

Ngày 26.6.1887, Pháp và triều đình Đại Thanh ký kết *Công ước hoạch định biên giới giữa Bắc Kỳ và Trung Quốc*. Văn bản này tuyên bố: “*Tại Quảng Đông, hai bên đồng ý rằng những điểm tranh chấp ở phía đông và đông bắc Móng Cái, ở phía bên kia đường biên giới như đã được ấn định bởi Ủy ban hoạch định biên giới được quy thuộc về Trung Quốc. Những hòn đảo nằm ở*

⁵⁷ Những diễn biến chính của cuộc trong phần 2.1 này chủ yếu được trích dẫn theo: Monique Chemilier - Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 41-56 và: Nguyễn Bá Diễn - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 124-146.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

phía đông đường kinh tuyến Paris 105°43' Đông, nghĩa là của đường thẳng Bắc - Nam đi qua mũi phía đông của đảo Tch'a-Kou (Trà Cỗ) hay Ouanchan và tạo thành biên giới, cũng thuộc về Trung Quốc. Các đảo Cô Tô và những hòn đảo khác ở phía tây kinh tuyến này thuộc về An Nam".⁵⁸

Năm 1895, tàu Bellona của Đức bị đắm gần quần đảo Hoàng Sa. Năm sau, 1896, tàu Imeji Maru⁵⁹ của Nhật Bản cũng bị đắm gần quần đảo này. Hai chiếc tàu này đang vận chuyển đồng và được các công ty của Anh bảo hiểm. Do không thể cứu được hàng hóa trên tàu, nên phần lớn hàng hóa của hai tàu này đều phải bỏ lại nơi tàu bị đắm. Những ngư dân Trung Quốc từ đảo Hải Nam đã đưa xuồng và thuyền buồm đến đây cướp bóc hàng hóa, tài sản trên tàu đắm, chở về đảo Hải Nam bán lại số hàng hóa cướp được này cho chính các chủ tàu. Các công ty bảo hiểm của hai chiếc tàu này đã phản đối hành động cướp hàng của ngư dân Hải Nam và kêu gọi đại diện nước Anh tại Bắc Kinh và lãnh sự Anh tại Hoihow (Hải Khẩu) phản đối. Chính quyền Quảng Đông⁶⁰ đã chối bỏ trách nhiệm với lý do nơi đắm tàu là quần đảo Hoàng Sa, là những hòn đảo bỏ hoang, không thuộc về lãnh thổ của Trung Hoa, cũng không thuộc về Việt Nam và “về mặt hành chính thì các đảo đó không được sáp nhập vào bất kỳ một huyện nào của đảo Hải Nam và không có nhà chức trách đặc biệt nào phụ trách cảnh sát trên các hòn đảo đó”.⁶¹

Tháng 5.1909, Tổng đốc Lương Quảng là Trương Nhân Tuấn sai Thủy sư đô đốc Lý Chuẩn chỉ huy hạm đội gồm ba chiếc thuyền đi ra thám thính quần đảo Hoàng Sa. Ngày 6.6.1909, nhóm của Lý Chuẩn đổ bộ lên đảo Hoàng Sa và tuyên bố “chiếm hữu” quần đảo này.⁶² Chính phủ Pháp cho rằng đây chỉ là hành động đơn phương của chính quyền tỉnh Quảng Đông nên hành động “chiếm hữu danh nghĩa” này hoàn toàn không có giá trị.

Ngày 8.3.1921, Toàn quyền Đông Dương chính thức tuyên bố hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của An Nam thuộc Pháp.

⁵⁸ Dẫn theo: Monique Chemillier - Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 44.

⁵⁹ Tên của con tàu này trong các văn bản đương thời viết không giống nhau, có văn bản viết là *Huneji-Marui*, có văn bản viết là *Imegu-Marui*.

⁶⁰ Lương Quảng gồm tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc.

⁶¹ Dẫn theo: Monique Chemillier-Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 44.

⁶² Theo lệnh của Phó vương Tổng đốc Lương Quảng Trương Nhân Tuấn, Thủy sư đô đốc Lý Chuẩn dẫn ba chiếc pháo thuyền: Phục Ba, Thám Hàng và Quảng Kim đi “thị sát” vùng biển quần đảo Hoàng Sa, Trung Quốc gọi là *Xisha qundao* (Tây Sa quần đảo). Ngày 6.6.1909, đoàn tàu đến quần đảo, đổ bộ lên đảo Phú Lâm, Trung Quốc gọi là *Yongxingdao* (Vĩnh Hưng đảo), treo cờ, bắn súng, thăm một vài đảo khác, chỉ trong 24 giờ rồi xuống thuyền quay về Quảng Châu. Các tài liệu và truyền thông Trung Hoa Dân quốc lúc đó gọi chuyến đi này là chuyến “thị sát Tây Sa”. Đến năm 1932, Trung Hoa Dân quốc coi cuộc đổ bộ của Lý Chuẩn lên một số đảo ở quần đảo Hoàng Sa như là mốc thời gian để xác lập chủ quyền của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa (thực tế là chuyến khảo sát một số đảo nằm ở ngoài khơi phía đông đảo Hải Nam). Chuyến đi của Lý Chuẩn chỉ là một cuộc khảo sát, thăm dò nhỏ nhưng đã được các phương tiện truyền thông Trung Quốc gọi là “thị sát Tây Sa” và dùng làm một trong những căn cứ lịch sử để khẳng định chủ quyền của Trung Quốc tại quần đảo Hoàng Sa cũng như trong tranh chấp về chủ quyền trên Biển Đông. Nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Chu%E1%BA%A9n.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 3.3.1925, Thượng thư bộ Binh của triều đình An Nam là Thân Trọng Huề ra tuyên bố khẳng định Hoàng Sa là lãnh thổ của An Nam.⁶³

Ngày 30.3.1921, Tổng đốc Lương Quang tuyên bố chính quyền quân sự Hoa Nam ở Quảng Đông đã quyết định sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào huyện Nhai thuộc đảo Hải Nam. Pháp không chính thức phản đối, nhưng có một thực tế là chính quyền quân sự Hoa Nam lúc đó không được chính quyền trung ương của Trung Hoa Dân quốc ở Nam Kinh và các nước khác, kể cả Pháp, công nhận.

Từ năm 1925, Pháp bắt đầu cử các chuyến tàu ra khảo sát về hải dương học tại quần đảo Hoàng Sa. Đầu tiên là tàu De Lanessan, đưa các nhà khoa học của Hải học viện Nha Trang do Giám đốc A. Krempt dẫn đầu. Tàu De Lanessan cũng là tàu đưa các nhà khoa học Pháp ra khảo sát quần đảo Trường Sa vào năm 1927 và đưa họ đi khảo sát quần đảo Hoàng Sa lần thứ hai vào tháng 6.1931. Ngoài tàu De Lanessan còn có tàu La Malicieuse (ra Hoàng Sa vào năm 1930), tàu Inconstant (ra Hoàng Sa vào tháng 3.1931),... Người Pháp coi quần đảo Hoàng Sa là lãnh thổ thuộc quyền quản lý của Pháp và họ chủ động cử các tàu thăm dò, nghiên cứu ở vùng biển đảo này.

Năm 1931, chính quyền Trung Hoa Dân quốc ở Nam Kinh ra lệnh khai thác phân chim tại quần đảo Hoàng Sa, ban quyền khai thác cho Công ty Anglo - Chinese Development. Chính phủ Pháp đã gửi thông điệp cho Đại sứ quán Trung Hoa Dân quốc tại Paris ngày 4.12.1931 để phản đối việc này.

Ngày 29.4.1932, Chính phủ Pháp ra kháng nghị, nêu rõ các danh nghĩa lịch sử và các bằng chứng về sự chiếm hữu của nhà nước An Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa⁶⁴, mà nay Pháp đang giữ quyền đại diện. Cũng trong năm 1932, Pháp đề nghị đưa vụ tranh chấp ra các tòa án quốc tế nhưng Trung Hoa Dân quốc phản đối.

Ngày 15.6.1932, Toàn quyền Đông Dương Pierre Pasquier ký Nghị định 156 -SC thành lập *Đại lý hành chính Hoàng Sa* trên đảo Hoàng Sa, trực thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Năm 1938, người Pháp dựng bia chủ quyền trên đảo Hoàng Sa, và xây dựng trên đảo này một hải đăng, một trạm khí tượng và một trạm vô tuyến để phục vụ cho lực lượng Pháp đang đồn trú tại đây.

Ngày 5.5.1939, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévié ký Nghị định 3282, sửa đổi Nghị định ngày 156-SC ngày 15.6.1932, thành lập hai đại lý hành chính mới trên quần đảo Hoàng Sa là *Đại lý hành chính Nguyệt Thiềm và phụ cận* và *Đại lý hành chính An Vĩnh và phụ cận*, trực thuộc tỉnh Thừa Thiên. Trong thời gian đại diện cho triều đình nhà Nguyễn trong

⁶³ Dẫn theo: Nguyễn Nhã, *Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.

⁶⁴ *An Nam* hay *Annam* là tên mà người Pháp gọi nước ta kể từ khi họ xâm lược Việt Nam. Từ sau khi ký *Hiệp ước Giáp Thân* năm 1884, tên *Annam* thường được dùng để chỉ xứ Trung Kỳ (phân biệt với *Tonkin* là Bắc Kỳ và *Cochinchina* là Nam Kỳ). Triều đình nhà Nguyễn ở Huế bấy giờ cũng được người Pháp gọi là *triều đình Annam* hay *Nam triều*.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

vấn đề quốc phòng và đối ngoại, Pháp luôn khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và nhiều lần lên tiếng phản đối các đòi hỏi chủ quyền của nước khác đối với hai quần đảo này.⁶⁵

Ngoài Trung Hoa Dân quốc, trong giai đoạn từ năm 1938 đến năm 1946, quần đảo Hoàng Sa còn bị tranh chấp chủ quyền bởi người Nhật, bấy giờ đang xâm chiếm Trung Quốc và nhiều nước châu Á khác. Năm 1938, Nhật Bản dùng vũ lực đánh chiếm ba đảo chính trong quần đảo Hoàng Sa là: Phú Lâm, Linh Côn và Hữu Nhật. Năm 1939, Nhật Bản công bố chủ quyền tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đổi tên quần đảo Hoàng Sa thành *Hirata Gunto* và quần đảo Trường Sa thành *Shinnan Gunto*.⁶⁶ Trước đó, người Nhật đã chiếm đóng đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ của Trung Quốc. Trước khi Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, lãnh đạo ba nước đồng minh là Hoa Kỳ (do Tổng thống Franklin Delano Roosevelt đại diện), Anh (do Thủ tướng Winston Churchill đại diện) và Trung Hoa Dân quốc (do Tổng thống Tưởng Giới Thạch đại diện) cùng tham gia Hội nghị Cairo (Ai Cập) vào ngày 27.11.1943. Hội nghị ra Tuyên cáo Cairo tuyên bố buộc Nhật Bản phải trả lại cho Trung Hoa Dân quốc tất cả lãnh thổ mà Nhật Bản đã chiếm của Trung Quốc, bao gồm Mãn Châu, Đài Loan và quần đảo Bành Hồ. Tuy nhiên, Tuyên cáo Cairo hoàn toàn không đề cập đến việc bàn giao hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho phía Trung Hoa Dân quốc.⁶⁷

Tuyên cáo Cairo năm 1943 đã được đại diện của Liên Xô tán thành tại Hội nghị Tehran giữa Tổng thống Hoa Kỳ Franklin Delano Roosevelt, Thủ tướng Anh Winston Churchill và Nguyên soái Liên Xô Joseph Stalin vào ngày 30.11.1943. Tại hội nghị này, Joseph Stalin tán thành việc trao trả Mãn Châu, Đài Loan và Bành Hồ cho Trung Hoa Dân quốc, nhưng không hề nhắc đến việc bàn giao hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Hoa Dân quốc.⁶⁸

Ngày 9.3.1945, sau sự kiện “Nhật đảo chính Pháp” ở Đông Dương, quân Pháp đồn trú trên quần đảo Hoàng Sa bị hải quân Nhật bắt làm tù binh và quân đội Nhật Bản bắt đầu trấn giữ quần đảo này.

Sau khi Đức đầu hàng Đồng minh, các nước Hoa Kỳ, Anh và Liên Xô đã tổ chức Hội nghị Potsdam tại Đức (từ ngày 16.7.1945 đến ngày 2.8.1945) để bàn về những biện pháp

⁶⁵ Chẳng hạn: ngày 4.12.1931 và ngày 24.4.1932, Pháp phản kháng Trung Hoa Dân quốc việc chính quyền tỉnh Quảng Đông lúc đó có ý định cho đầu thầu khai thác phân chim trên quần đảo Hoàng Sa; ngày 24.7.1933, Pháp thông báo cho Nhật Bản việc Pháp đưa quân ra đồn trú ở các đảo chính trong quần đảo Hoàng Sa, phía Nhật phản kháng việc này nhưng Pháp đã bác bỏ sự phản kháng đó của Nhật Bản; ngày 4.4.1939, Pháp phản kháng Nhật Bản đặt một số đảo trong quần đảo Trường Sa thuộc quyền tài phán của Nhật... Dẫn theo: Bộ Ngoại giao - Ủy ban Biên giới quốc gia, *Những vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trên Biển Đông*, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2013, tr. 39.

⁶⁶ Dẫn theo: Nguyễn Bá Điển - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 127.

⁶⁷ Nguồn: *U.N. Treaty Series, American Policy 1950 - 1955*.

⁶⁸ *The Conferences at Cairo and Tehran 1943*, The Foreign Relations of the United Nation States, Washington D.C., 1961.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

chế tài áp dụng cho nước Đức và về tương lai chính trị của các nước Đông Âu và Trung Âu sau Chiến tranh thế giới thứ II. Hội nghị này có hai văn kiện quan trọng, trong đó có một văn kiện được ký bởi Tổng thống Hoa Kỳ Harry Truman, Thủ tướng Anh Winston Churchill và Tổng thống Trung Hoa Dân quốc Tưởng Giới Thạch, yêu cầu Nhật Bản đầu hàng vô điều kiện và gián tiếp ấn định thể thức giải giáp quân đội Nhật Bản ở Thái Bình Dương. Đối với Việt Nam, văn kiện này phân định việc giải giáp quân đội Nhật Bản từ vĩ tuyến 16⁰B trở xuống phía nam (bao gồm cả quần đảo Trường Sa) là do quân Anh thực hiện và từ vĩ tuyến 16⁰B trở lên phía bắc (bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa) do quân đội Trung Hoa Dân quốc thực hiện. Theo luật pháp quốc tế, việc giải giáp quân sự không thể là sự tiếp thu hay chiếm hữu lãnh thổ, vì thế cả Anh và Trung Hoa Dân quốc trong trường hợp này đều không thể có chủ quyền lãnh thổ đối với quần đảo Trường Sa hay quần đảo Hoàng Sa thông qua hành vi giải giáp quân sự được các nước Đồng minh ủy quyền.

Ngày 15.8.1945, Nhật Bản đầu hàng phe Đồng minh. Chiến tranh thế giới thứ II đi đến hồi kết. Các nước Đồng minh chuẩn bị giải giáp quân Nhật ở châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam.

Ngày 19.8.1945, Việt Minh giành được chính quyền ở Hà Nội. Ngày 22.8.1945, Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh được thành lập. Ngày 30.8.1945, vua Bảo Đại thoái vị. Ngày 2.9.1945, Hồ Chí Minh tuyên bố nền độc lập của Việt Nam và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ cuối năm 1945, Nhật rút khỏi Đông Dương, nhưng lực lượng của Nhật vẫn đồn trú trên quần đảo Hoàng Sa cho đến năm 1946 mới rút hết. Tháng 5.1946, một phân đội bộ binh Pháp đổ bộ từ tàu Savorgnan de Brazza lên đảo Hoàng Sa để thay thế quân Nhật, nhưng đơn vị này chỉ ở lại Hoàng Sa vài tháng rồi rút đi do cuộc chiến tranh Đông Dương.

Tháng 11.1946, lấy cớ giải giáp quân đội Nhật Bản, các toán quân của Trung Hoa Dân quốc đã đổ bộ lên quần đảo Hoàng Sa sau khi quân Pháp đã rút đi, và đến tháng 12.1946 thì quân đội Trung Hoa Dân quốc đổ bộ lên đảo Ba Bình thuộc quần đảo Trường Sa.

Ngày 28.2.1946, Hiệp ước Pháp - Trung được ký ở Trùng Khánh (Trung Quốc) cho phép quân đội Pháp thay thế quân đội Trung Hoa Dân quốc trú đóng ở miền Bắc Việt Nam.

Ngày 6.3.1946, Chính phủ Hồ Chí Minh ký với đại diện Pháp tại Hà Nội một hiệp định (thường gọi là *Hiệp định sơ bộ*). Theo đó, Cộng hòa Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trở thành thành viên của Liên hiệp Pháp. Tuy nhiên, việc thi hành Hiệp định sơ bộ gặp nhiều khó khăn vì từ tháng 12.1946, chiến sự giữa lực lượng Pháp với lực lượng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mở rộng ra khắp nơi ở Việt Nam. Pháp chủ trương mở rộng chiến tranh để giành lại quyền kiểm soát những vùng đất đã mất về tay của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Pháp khuyến khích lập ra một chính phủ thân Pháp ở



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Việt Nam, đối lập với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và hợp thức hóa chính phủ này bằng một hiệp định ký ngày 8.3.1949.⁶⁹

Tháng 1.1947, lợi dụng tình trạng quân Pháp do lo chiến sự ở trên đất liền và không tiếp tục cử quân đội ra đồn trú các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, Trung Hoa Dân quốc đã cho quân đổ bộ lên đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa. Chính phủ Pháp đã chính thức phản đối và nhanh chóng điều động một đơn vị gồm lính Pháp và lính Việt Nam đến đồn trú ở đảo Hoàng Sa thuộc quần đảo Hoàng Sa. Chính phủ Trung Hoa Dân quốc phản đối, vì thế Pháp và Trung Hoa Dân quốc đã tiến hành thương lượng về vấn đề này tại Paris từ ngày 25.2 đến ngày 4.7.1947. Việc thương lượng không ngã ngũ, Pháp đề nghị đưa vấn đề này ra Tòa án trọng tài quốc tế để giải quyết, nhưng Trung Hoa Dân quốc phản đối đề nghị này.

Ngày 1.12.1947, Tổng thống Trung Hoa Dân quốc là Tưởng Giới Thạch đã ký sắc lệnh đặt tên quần đảo Hoàng Sa là *Hsisa qundao* (西沙群島) và quần đảo Trường Sa là *Nansa qundao* (南沙群島), sáp nhập trái phép hai quần đảo này vào lãnh thổ Trung Hoa Dân quốc.

Ngày 8.3.1949, Tổng thống Pháp Vincent Auriol và cựu hoàng Bảo Đại đã ký *Hiệp ước Elysée*, thành lập Chính phủ Quốc gia Việt Nam đặt trong khối Liên hiệp Pháp, đứng đầu là Quốc trưởng Bảo Đại. Tuy nhiên, các quyền về quân sự, tài chính và ngoại giao ở Việt Nam thì do Cao ủy Pháp tại Đông Dương nắm giữ. Hoạt động quân sự trên lãnh thổ, hoạt động tuần tiễu trên hải phận Việt Nam, bao gồm vùng biển Hoàng Sa, do quân đội Pháp ở Đông Dương thay mặt Chính phủ Quốc gia Việt Nam thực thi.

Tháng 4.1949, Đồng lý văn phòng của Quốc trưởng Bảo Đại là hoàng thân Bửu Lộc đã công khai khẳng định lại các quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa tại một cuộc họp báo quốc tế diễn ra ở Sài Gòn.

Tháng 10.1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) được thành lập đã làm thay đổi cục diện cuộc tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.⁷⁰

Tháng 4.1950, lực lượng Trung Hoa Dân quốc đóng trên đảo Phú Lâm rút đi, tuy nhiên đơn vị lính Pháp đồn trú trên đảo Hoàng Sa vẫn được duy trì.

Ngày 4.12.1950, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc là Chu Ân Lai tuyên bố tán thành bản Tuyên cáo Cairo năm 1943 đã được ký kết giữa Hoa Kỳ, Anh và Trung Hoa Dân quốc, coi đây là văn kiện căn bản cho một hòa ước sẽ ký kết với Nhật Bản (tức là Hòa ước San Francisco ký ngày 8.9.1951)⁷¹, nghĩa là tán thành việc Tuyên cáo Cairo chỉ bắt buộc Nhật

⁶⁹ Dẫn theo: Monique Chemillier-Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 48.

⁷⁰ Dẫn theo: Monique Chemillier-Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 48.

⁷¹ Nguồn: *Chou En Lai's Statement on the Peace Treaty with Japan, People's China*, December 16th, 1950.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Bản trả lại cho Trung Hoa Dân quốc những lãnh thổ mà Nhật Bản đã chiếm của Trung Quốc, bao gồm Mãn Châu, Đài Loan và quần đảo Bành Hồ, nhưng không bao gồm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Mùa hè năm 1951, các bên tham chiến trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ II bắt đầu hình thành bản dự thảo Hiệp ước hòa bình với Nhật Bản. Điều 2 của dự thảo Hiệp ước này có nêu: *“Nhật Bản từ bỏ mọi quyền, danh nghĩa và yêu sách đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”*. Được thông báo trước về bản dự thảo hiệp ước, nên ngày 15.8.1951, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc là Chu Ân Lai đã ra tuyên bố khẳng định *“tính lâu đời”* của các quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tháng 9.1951, Hội nghị hòa bình với Nhật Bản khai mạc tại San Francisco (Hoa Kỳ), Trung Quốc và Trung Hoa Dân quốc (Đài Loan) đều không có đại diện tham dự do Hoa Kỳ và Liên Xô không thống nhất được việc ai sẽ là đại diện của Trung Quốc trong hội nghị này. Trong phiên họp toàn thể vào ngày 5.9.1951, Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô là Andrei Gromyko đưa ra 13 điều khoản bổ sung, trong đó có điều khoản Nhật Bản công nhận chủ quyền của Trung Quốc *“trên các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và các đảo khác quá về phía nam”*, nhưng điều khoản bổ sung này bị hội nghị bác bỏ. Ngày 7.9.1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Chính phủ Quốc gia Việt Nam đã tuyên bố tại phiên họp toàn thể của Hội nghị San Francisco rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam. Không có đại biểu nào phản đối tuyên bố này.

Năm 1952, trong một cuộc thảo luận tại Hội đồng Liên hiệp Pháp, đại diện Việt Nam là Nguyễn Khắc Sửu đã phát biểu: *“... các đảo này (Hoàng Sa và Trường Sa) đã từ lâu là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam”* và Ngoại trưởng Pháp là Maurice Shuman khẳng định: *“Hoàn toàn đúng là các đảo Paracels và Spratleys thuộc lãnh thổ của Liên hiệp Pháp”* nhưng đến ngày 26.3.1952, ông Maurice Faure, báo cáo viên về luật phê chuẩn Hiệp ước tại hội đồng này lại coi các đảo ở Hoàng Sa và Trường Sa là những *“đất đai bị bỏ”* (terrae derelictae).

2. Thời kỳ 1954 - 1975

Tháng 4.1956, quân đội Pháp rút khỏi Đông Dương. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam đưa quân đội đến đảo Hoàng Sa thay thế cho lính Pháp. Lúc này, Trung Quốc cũng bí mật cho quân đổ bộ chiếm giữ nhóm đảo An Vĩnh ở phía đông của quần đảo Hoàng Sa. Như vậy, từ năm 1956, quân đội Trung Quốc chiếm đóng nhóm đảo phía đông, còn quân đội Việt Nam Cộng hòa chiếm giữ ở nhóm đảo phía tây.

Ngày 1.6.1956, Ngoại trưởng Việt Nam Cộng hòa Vũ Văn Mẫu tái khẳng định các quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 2.6.1956, Chính phủ Pháp nhắc lại với Chính phủ Philippines về các quyền mà Pháp đã có với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.⁷²

Tháng 2.1958, nhiều dân chài Trung Quốc định đến đóng trên phần đất phía tây quần đảo Hoàng Sa nhưng không thành công.⁷³

Ngày 4.9.1958, Chính phủ Trung Quốc ra tuyên bố xác định ranh giới lãnh hải Trung Quốc là 12 hải lý. Ngày 14.9.1958, Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng gửi công thư cho Tổng lý (Thủ tướng) Trung Quốc Chu Ân Lai công nhận ranh giới 12 hải lý của Trung Quốc, nhưng công thư này không hề công nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Trung Quốc.

Năm 1961, Việt Nam Cộng hòa sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào tỉnh Quảng Nam.

Ngày 11.1.1974, Trung Quốc ra tuyên bố tái khẳng định các yêu sách của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 15.1.1974, Trung Quốc bắt đầu cho quân đội đổ bộ lên các đảo phía tây Hoàng Sa, mà từ trước đến nay vẫn do quân đội Việt Nam Cộng hòa chiếm giữ.

Ngày 19.1 và 20.1.1974, Trung Quốc cho tàu bắn phá các đảo ở phía tây quần đảo Hoàng Sa và cho quân đổ bộ lên chiếm đảo Hoàng Sa. Quân đội Việt Nam Cộng hòa đánh trả ác liệt nhưng thất thủ. Trung Quốc xâm chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa ra tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là bộ phận của lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa. Đại diện của Việt Nam Cộng hòa tại Liên Hiệp Quốc yêu cầu Hội đồng bảo an xem xét vấn đề này. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa cũng yêu cầu quân đội Hoa Kỳ can thiệp trong vụ Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa, nhưng Hoa Kỳ quyết định đứng ngoài cuộc xung đột. Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam⁷⁴ cũng ra tuyên bố lập trường ba điểm về việc giải quyết các vấn đề tranh chấp lãnh thổ liên quan đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.⁷⁵

Ngày 28.6.1974, đại diện Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tuyên bố tại khóa họp thứ 1 Hội nghị Luật Biển lần thứ 3 tại Caracas (Venezuela) rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam.

Ngày 2.7.1974, đoàn đại biểu của Việt Nam Cộng hòa ra tuyên bố tại hội nghị của Liên Hiệp Quốc về Luật Biển nhằm khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

⁷² Tuyên bố này đưa ra sau khi sau khi Bộ trưởng Ngoại giao Philippines tuyên bố trừ bảy hòn đảo có tên gọi quốc tế là *Spratly* thì những đảo khác ở Trường Sa là đất vô chủ (*res nullius*).

⁷³ Dẫn theo: Monique Chemillier-Gendreau, *Sách đã dẫn*, tr. 51.

⁷⁴ Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam là Chính phủ do những người cộng sản ở miền Nam Việt Nam lập ra, đối lập với Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, và được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc Việt Nam hậu thuẫn.

⁷⁵ Dẫn theo: Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 134.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

3. Thời kỳ từ 1975 đến nay

Vào những ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Quân đội Nhân dân Việt Nam đã đưa quân ra tiếp quản các đảo thuộc quần đảo Trường Sa đang do quân đội Việt Nam Cộng hòa chiếm giữ.

Ngày 6.6.1975, Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra thông báo đã giải phóng hoàn toàn các đảo ở quần đảo Trường Sa, tiếp tục khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 9.9.1975, tại Hội nghị khí tượng thế giới, đại diện của Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam tiếp tục đăng ký với Tổ chức Khí tượng Thế giới về sự tồn tại và hoạt động của Đài khí tượng Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 10.9.1975, Chính phủ Trung Quốc gửi công hàm cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khẳng định chủ quyền của Trung Quốc đối với *Xisha qundao* (quần đảo Hoàng Sa) và *Nansha qundao* (quần đảo Trường Sa).

Ngày 24.9.1975, trong cuộc gặp với đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bí thư thứ nhất Lê Duẩn dẫn đầu, lãnh đạo Trung Quốc Đặng Tiểu Bình tuyên bố vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa sẽ được hai bên bàn bạc sau này.

Năm 1976, nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thống nhất ra đời, nhanh chóng tổ chức quản lý các đảo ở quần đảo Trường Sa và tuyên bố chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Phía Trung Quốc cũng tăng cường tranh chấp chủ quyền với Việt Nam không chỉ đối với quần đảo Hoàng Sa mà cả quần đảo Trường Sa, khiến cuộc tranh chấp ngày càng căng thẳng và quyết liệt hơn.

Ngày 12.5.1977, Chính phủ Việt Nam ra tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Khoản 5 của tuyên bố khẳng định rõ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam.

Tháng 3.1978, Hội nghị hành chính thế giới về thông tin vô tuyến điện thông qua nghị quyết cho phép Trung Quốc sử dụng một số tần số trên vùng trời Hoàng Sa.

Ngày 30.12.1978, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố bác bỏ luận điệu nêu trong tuyên bố ngày 29.2.1978 của người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc về vấn đề quần đảo Trường Sa, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhắc lại lập trường của Việt Nam chủ trương giải quyết mọi tranh chấp, bất đồng bằng thương lượng hòa bình.

Ngày 13.3.1979, Bộ Ngoại giao Việt Nam công bố hồ sơ về vấn đề biên giới Việt Nam - Trung Quốc, trong đó tố cáo việc Trung Quốc dùng vũ lực xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam vào tháng 1.1974.⁷⁶

⁷⁶ Dẫn theo: Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 135.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 30.7.1979, Trung Quốc công bố tài liệu chứng minh Việt Nam đã “thừa nhận” chủ quyền Trung Quốc đối với *Xisha qundao* và *Nansha qundao*.

Ngày 7.8.1979, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố về quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, bác bỏ sự xuyên tạc của Trung Quốc trong việc công bố một số tài liệu của Việt Nam liên quan đến các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này, đồng thời nhắc lại lập trường của Việt Nam về việc giải quyết tranh chấp chủ quyền đối với hai quần đảo bằng thương lượng hòa bình.

Ngày 28.9.1979, Bộ Ngoại giao Việt Nam công bố “Sách Trắng” giới thiệu nhiều tài liệu chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.⁷⁷

Ngày 30.1.1980, Bộ Ngoại giao Trung Quốc công bố văn kiện về *Xisha qundao* và *Nansha qundao*.

Ngày 5.2.1980, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố vạch trần sự xuyên tạc của Trung Quốc trong văn kiện nói trên.

Tháng 6.1980, tại Hội nghị khí tượng khu vực châu Á lần thứ 2 họp tại Genève (Thụy Sĩ), đại diện Việt Nam tuyên bố trạm khí tượng của Trung Quốc tại *Sanhudo* (tức đảo Hoàng Sa của Việt Nam) là bất hợp pháp, khẳng định Việt Nam đã lập trạm khí tượng ở đảo Hoàng Sa từ năm 1937 và đã đăng ký tên của trạm khí tượng này với Tổ chức khí tượng thế giới là *Trạm khí tượng Hoàng Sa*. Kết quả là trong danh sách các trạm khí tượng của thế giới, tên *Trạm khí tượng Hoàng Sa* của Việt Nam vẫn được giữ nguyên.

Tháng 12.1981, Tổng cục Bưu điện Việt Nam gửi công điện cho Chủ tịch Ủy ban đăng ký tần số tại Genève (Thụy Sĩ) phản đối việc Trung Quốc được phát sóng một số tần số trên vùng trời Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Cũng trong tháng này, Bộ Ngoại giao Việt Nam tiếp tục công bố “Sách Trắng” *Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam*, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa với nhiều tài liệu, bằng chứng để chứng minh trên các phương diện: lịch sử, pháp lý và thực tiễn quốc tế.⁷⁸

Ngày 21.2.1982, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố phản đối Đài Loan tự ý đặt hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa dưới quyền tài phán của Đài Loan.

Tháng 6.1982, Tân Hoa xã loan tin Trung Quốc thành lập một hải cảng ở Hoàng Sa. Việt Nam ra tuyên bố phản đối việc này.

Tháng 10.1982, tại Hội nghị toàn quyền của Ủy ban đăng ký tần số, đại diện Việt Nam tuyên bố không chấp nhận việc thay đổi phát sóng đã được phân chia năm 1978 tại Genève.

⁷⁷ Dẫn theo: Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 135.

⁷⁸ Dẫn theo: Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 135.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 12.11.1982, Việt Nam ra tuyên bố về “đường cơ sở” dùng để tính chiều rộng lãnh hải. Tuyên bố này bao gồm chủ quyền tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 9.12.1982, Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam ra Quyết định số 194-HĐBT thành lập huyện đảo Hoàng Sa, bao gồm tất cả các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa, trực thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Tháng 1.1983, Hội nghị hành chính thế giới về thông tin vô tuyến đồng ý xem xét đề nghị của Việt Nam về việc phát sóng trên vùng trời quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa tại hội nghị kế tiếp. Cũng trong tháng này, tại Hội nghị Hàng không khu vực châu Á - Thái Bình Dương họp ở Singapore, Trung Quốc đề xuất việc mở rộng FIR (Vùng điều hành bay) Quảng Châu lấn vào FIR Hà Nội và FIR Thành phố Hồ Chí Minh do Việt Nam quản lý, nhưng hội nghị quyết định duy trì nguyên trạng.

Ngày 25.4.1984, Ủy ban địa danh Trung Quốc công bố tên mới cho các đảo, bãi, đá trong Biển Đông, trong đó có các đảo thuộc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 6.5.1984, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam phản đối Trung Quốc đặt tên mới cho các đảo, bãi, đá... ở Biển Đông. Ngay sau đó, tại Hội nghị Tổ chức Thông tin vũ trụ quốc tế (INTUSAT) lần thứ 13 ở Bangkok (Thailand), đại diện Việt Nam đã phản đối việc Trung Quốc sử dụng những bản đồ ghi các địa danh *Xisha qundao* và *Nansha qundao*, đồng thời khẳng định đó là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Ngày 2.6.1984, Quốc vụ viện Trung Quốc quyết định thành lập một khu vực hành chính đặc biệt bao gồm đảo Hải Nam (Trung Quốc) và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố phản đối quyết định này.

Ngày 16.4.1987, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa sau khi Bộ Ngoại giao Trung Quốc ra tuyên bố ngày 15.1.1987 về chủ quyền của Trung Quốc đối với *Nansha qundao* (tức quần đảo Trường Sa của Việt Nam).

Ngày 13.4.1988, Quốc vụ viện Trung Quốc ra nghị quyết thành lập tỉnh Hải Nam và sáp nhập hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam vào tỉnh này. Ngày 14.4.1988, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố phản đối nghị quyết này của Trung Quốc. Cũng trong tháng 4.1988, Bộ Ngoại giao Việt Nam công bố “Sách Trắng” *Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và luật pháp quốc tế*.

Ngày 25.2.1992, Quốc vụ viện Trung Quốc công bố *Luật lãnh hải và vùng tiếp giáp Trung Quốc*, quy định lãnh hải rộng 12 hải lý và lãnh thổ Trung Quốc bao gồm cả năm quần đảo: *Dongsha* (Pratas, Đài Loan đang quản lý), *Xisha* (Hoàng Sa của Việt Nam), *Nansha* (Trường Sa của Việt Nam), *Zhongsha* (Macclesfield Bank, cả Đài Loan và Trung Quốc đều tuyên bố



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

chủ quyền) và *Diaoyu* (Senkaku, Nhật Bản đang quản lý). Việt Nam đã lên tiếng công khai phản đối sự kiện này.

Ngày 23.6.1994, Quốc hội Việt Nam thông qua Nghị quyết phê chuẩn *Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982* (UNCLOS 1982). Việt Nam là nước thứ 63 phê chuẩn UNCLOS 1982. Trước và sau khi phê chuẩn, Việt Nam đã vận dụng phần lớn các quy định trong UNCLOS 1982 để làm cơ sở cho việc ban hành và thực thi các văn bản pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động trên biển của mình và yêu cầu các nước tôn trọng các quyền của Việt Nam dựa theo những quy định của UNCLOS 1982. Đồng thời, Quốc hội Việt Nam cũng tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và chủ trương giải quyết các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ cũng như các bất đồng khác liên quan đến Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thông qua thương lượng hòa bình trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982.⁷⁹

Ngày 15.5.1996, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc phê chuẩn UNCLOS 1982.

Ngày 1.1.1997, Đà Nẵng tách khỏi tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, trở thành thành phố Đà Nẵng trực thuộc trung ương, huyện đảo Hoàng Sa được đặt dưới sự quản lý của thành phố Đà Nẵng.

Không chỉ tranh chấp chủ quyền bằng các tuyên bố và các quyết định hành chính, Trung Quốc ngày càng hung hăng trong vấn đề tranh chấp chủ quyền, ngăn chặn các tàu thuyền đánh cá của ngư dân Việt Nam trong vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa và trên những vùng biển khác thuộc lãnh hải Việt Nam. Thậm chí, tàu Trung Quốc còn nổ súng vào tàu cá của ngư dân Việt Nam, gây cháy tàu và làm bị thương và làm chết ngư dân Việt Nam đang đánh cá trong vùng biển Hoàng Sa⁸⁰; tổ chức tập trận trong vùng biển gần quần đảo Hoàng Sa; cắt cáp tàu thăm dò dầu khí Việt Nam...⁸¹

Tháng 11.2007, Quốc vụ viện Trung Quốc phê chuẩn thành lập thành phố Sansha (Tam Sa) có phạm vi quản lý ba quần đảo trên Biển Đông là *Xisha* (Hoàng Sa), *Nansha* (Trường Sa) và *Zhongsha* (Trung Sa), với diện tích bằng 1/4 diện tích Trung Quốc.⁸²

Ngày 3.12.2007, Việt Nam ra tuyên bố cực lực phản đối hành vi này của Quốc vụ viện Trung Quốc. Bộ Ngoại giao Việt Nam khẳng định: Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.⁸³

⁷⁹ Dẫn theo: Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 139.

⁸⁰ Ngày 8.1.2005, tàu Trung Quốc nổ súng vào tài đánh cá Việt Nam khiến chín ngư dân ở tỉnh Thanh Hóa chết và bị thương. Ngày 16.1.2005, Bộ Ngoại giao Việt Nam đã yêu cầu phía Trung Quốc có các biện pháp ngăn chặn và chấm dứt các hành động sai trái tương tự, tiến hành điều tra và xử lý nghiêm những kẻ đã bắn vào ngư dân Việt Nam.

⁸¹ Dẫn theo: Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 140.

⁸² Dẫn theo: “海南三沙县级市已批准设立辖区面积 260 万平方公里” (Phê chuẩn quyết định thành lập thành phố Tam Sa ở Hải Nam quản lý diện tích 2,6 triệu km²), *Hồ Nam Nhật Báo*, ngày 20.11.2007. Truy cập 21.12. 2007.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 7.12.2007, tại kỳ họp thứ 10, khóa VII, Hội đồng Nhân dân Thành phố Đà Nẵng ra nghị quyết khẳng định Hoàng Sa là đơn vị hành chính thuộc Đà Nẵng và phản đối Trung Quốc đòi quản lý quần đảo này.⁸⁴

Ngày 12.3.2009, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố phản đối việc Trung Quốc cho phép Công ty TNHH du lịch quốc tế Châu Giang (thuộc tỉnh Hải Nam, Trung Quốc) mở tour du lịch ra đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Theo người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam, Việt Nam có đầy đủ bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.⁸⁵

Ngày 25.4.2009, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng chính thức bổ nhiệm chức danh Chủ tịch UBND huyện đảo Hoàng Sa.

Ngày 7.5.2009, Phái đoàn thường trực của Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc gửi Công hàm tới Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc kèm tấm bản đồ Trung Quốc vẽ “đường chín đoạn”⁸⁶ bao trùm khoảng 80 % Biển Đông, cho đó là lãnh hải của Trung Quốc. Ngay hôm sau, ngày 8.5.2009, Phái đoàn thường trực của Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc đã gửi Công hàm số 86/HC-2009 đến Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc bác bỏ công hàm của Trung Quốc về tấm bản đồ vẽ “đường chín đoạn”. Cùng ngày, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố yêu sách “đường chín đoạn” của Trung Quốc là “không có giá trị và không có cơ sở pháp lý, lịch sử và thực tiễn”, đồng thời tiếp tục khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 14.5.2009, Trung Quốc tuyên bố lệnh cấm đánh bắt cá tại một số vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông từ ngày 16.5 đến ngày 1.8.2009. Phản ứng trước lệnh cấm vô lý này, ngày 16.5.2009, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố: “Việt Nam khẳng định chủ quyền của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Mọi hành động của nước ngoài đối với hai quần đảo này cũng như trong vùng đặc quyền kinh tế và

⁸³ Dẫn theo Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 140.

⁸⁴ Dẫn theo: “HĐND Đà Nẵng khẳng định Hoàng Sa là huyện trực thuộc thành phố Đà Nẵng”, <http://vietnamnet.vn/chinhtri/2007/12/758588.html>. Truy cập ngày 20.12.2010.

⁸⁵ Dẫn theo: Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 140.

⁸⁶ “Đường chín đoạn” (九段線: *Cửu đoạn tuyến*) là tên mà Trung Quốc dùng để chỉ đường “quốc giới hải vực” mà họ xác lập trái phép ở Biển Đông. “Đường chín đoạn” này còn được gọi là “đường lưỡi bò” hay “đường chữ U”, được hình thành dựa trên cơ sở “đường 11 đoạn” do chính quyền Trung Hoa Dân quốc khởi xướng, xuất hiện công khai lần đầu tiên vào tháng 2.1948 trong phụ đồ *Bản đồ vị trí các đảo Nam Hải* của *Bản đồ khu vực hành chính Trung Hoa Dân quốc* do Cục Phương vực bộ Nội chính Trung Hoa Dân quốc phát hành. Sau khi thành lập nước vào năm 1949, Trung Quốc vẫn xác định cương vực trên Biển Đông theo “đường 11 đoạn” của Trung Hoa Dân quốc, đến năm 1953 thì bỏ hai đoạn trong vịnh Bắc Bộ thành “đường chín đoạn”.

“Đường chín đoạn” bao trọn bốn nhóm quần đảo, bãi ngầm lớn trên Biển Đông là: quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa, quần đảo Pratas (Trung Quốc gọi là *Dongsha Qundao*) và bãi Macclesfield (Trung Quốc gọi là *Zhongsha Qundao*) chiếm khoảng 75% diện tích mặt nước của Biển Đông. Nguồn: <http://vi.wikipedia.org/wiki>. Truy cập ngày 2.1.2014.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

*thêm lục địa của Việt Nam mà không có sự đồng ý của Việt Nam đều là vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam đối với khu vực này”.*⁸⁷

Ngày 22.11.2011, báo chí Trung Quốc loan tin chính quyền tỉnh Hải Nam (Trung Quốc) đã cấp phép cho một công ty du lịch của Trung Quốc đưa du khách từ đảo Hải Nam ra tham quan, du lịch ở quần đảo Hoàng Sa. Phản ứng trước sự việc này, ngày 24.11.2011, Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố việc Trung Quốc cho phép khai thác du lịch ở quần đảo Hoàng Sa là vi phạm chủ quyền của Việt Nam.⁸⁸

Ngày 25.11.2011, tại kỳ họp thứ 2, khóa XIII, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tuyên bố: “... *Lập trường nhất quán của chúng ta là quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Chúng ta có đủ căn cứ lịch sử và pháp lý để khẳng định điều này. Nhưng chúng ta chủ trương đàm phán giải quyết, đòi hỏi chủ quyền với quần đảo Hoàng Sa bằng biện pháp hòa bình. Chủ trương này phù hợp với Hiến chương Liên Hiệp Quốc, phù hợp với Công ước của Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982”.*⁸⁹

Ngày 21.6.2012, tại kỳ họp thứ 3, khóa XIII, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã thông qua *Luật Biển Việt Nam*. Luật khẳng định chủ quyền của nước CHXHCN Việt Nam đối với các vùng nội thủy, lãnh hải, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và quyền chủ quyền, quyền tài phán, đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thêm lục địa Việt Nam trên cơ sở các quy định của UNCLOS 1982 và các nguyên tắc của pháp luật quốc tế.

Cũng trong ngày 21.6.2012, Quốc vụ viện Trung Quốc đã chính thức phê chuẩn thành lập thành phố cấp địa khu Sansha (Tam Sa), bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.⁹⁰

Ngày 24.7.2012, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố: “*Việc Trung Quốc thành lập cái gọi là ‘thành phố Tam Sa’ và triển khai các hoạt động nói trên đã vi phạm luật pháp quốc tế, xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và là vô giá trị”.*⁹¹

Ngày 20.3.2013, trong khi tàu QNg 96382 TS của ngư dân tỉnh Quảng Ngãi đang hoạt động tại ngư trường truyền thống thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam thì bị tàu ngư chính của Trung Quốc truy đuổi và bắn cháy cabin. Phản ứng trước hành động này, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam cho biết: “*Đây là vụ việc hết sức nghiêm trọng, vi phạm*

⁸⁷ Dẫn theo: Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 140.

⁸⁸ Dẫn theo: “Trung Quốc vi phạm chủ quyền Việt Nam tại Hoàng Sa”, <http://vtc.vn/quoc-te/trung-quoc-vi-pham-chu-quyen-viet-nam-tai-hoang-sa-302179.html>. Truy cập ngày 24.11.2011.

⁸⁹ Dẫn theo: Nguyễn Bá Diên - Nguyễn Trường Giang (Chủ biên), *Sách đã dẫn*, tr. 144.

⁹⁰ Dẫn theo: “China sets up Sansha City to administer South China Sea islands”, <http://english.sina.com/china/2012/0621/479131.html>. Truy cập ngày 3.8.2012.

⁹¹ Dẫn theo: “Phát biểu của người phát ngôn Bộ Ngoại giao Lương Thanh Nghị ngày 24.7.2012”, http://mofa.gov.vn/vi/tt_baochi/pbfn/ns120724153811/view. Truy cập ngày 2.8.2012.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, đe dọa tính mạng và gây thiệt hại tài sản của ngư dân Việt Nam. Hành động này đã vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc của luật pháp quốc tế, thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc, trái với tinh thần ‘Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông’ (DOC). Việt Nam kiên quyết phản đối, yêu cầu phía Trung Quốc điều tra, xử lý nghiêm hành động sai trái và vô nhân đạo nói trên, bồi thường thiệt hại cho ngư dân Việt Nam”⁹²

Ngày 29.11.2013, chính quyền tỉnh Hải Nam (Trung Quốc) ra tuyên bố yêu cầu các tàu cá nước ngoài phải nhận được sự đồng ý của giới chức trách địa phương nước này mới được đánh bắt hoặc khảo sát ở 2/3 Biển Đông kể từ ngày 1.1.2014, trong đó có vùng biển thuộc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Việt Nam cùng Philippines lập tức phản đối tuyên bố này của chính quyền tỉnh Hải Nam.

Nghiêm trọng hơn, từ ngày 1.5.2014, Tập đoàn Dầu khí Hải dương Trung Quốc (CNOOC) đã đưa giàn khoan dầu Haiyang Shiyou 981 vào trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam để thăm dò dầu khí. Đây là hành động xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam theo quy định tại UNCLOS 1982. Để bảo vệ cho hành động xâm phạm ngang ngược này, Trung Quốc đã điều động hơn 80 tàu thuyền bán vũ trang (lúc cao điểm có hơn 130 tàu thuyền) của các lực lượng hải giám, hải cảnh, tàu cá vỏ sắt... lẫn tàu quân sự của lực lượng vũ trang Trung Quốc và nhiều máy bay đe dọa, uy hiếp và tấn công các lực lượng thực thi pháp luật và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông và đe dọa an ninh và tự do hàng hải trên Biển Đông.

Chính phủ Việt Nam đã lên tiếng phản đối, cử các lực lượng cảnh sát biển và kiểm ngư ra ngăn chặn, yêu cầu Trung Quốc rút giàn khoan Haiyang Shiyou 981 ra khỏi vùng biển Việt Nam. Chính phủ Việt Nam đã đưa vụ việc này ra các diễn đàn quốc tế, kêu gọi cộng đồng quốc tế lên tiếng phản đối Trung Quốc xâm phạm chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông thông qua việc đưa giàn khoan Haiyang Shiyou 981 vào vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, đồng thời yêu cầu Trung Quốc rút giàn khoan này khỏi vùng biển Việt Nam. Đến ngày 15/7/2014, Trung Quốc đã rút giàn khoan Haiyang Shiyou 981 khỏi vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam ở Biển Đông.

KẾT LUẬN

Như vậy, có thể thấy rằng mặc dù Việt Nam đã có quá trình khai phá, xác lập và thực thi chủ quyền thực sự đối với quần đảo Hoàng Sa một cách hòa bình và liên tục, muộn nhất là từ thế kỷ XVII và đã được ghi nhận trong nhiều nguồn sử liệu của Việt Nam, Trung Quốc và các nước khác. Trong khi, chỉ từ năm 1909 trở đi, Trung Quốc mới bắt đầu tuyên bố chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa. Sau đó, lợi dụng những thời điểm Việt

⁹² Dẫn theo: “Trung Quốc ngang nhiên mở du lịch Hoàng Sa trái phép”, <http://www.tienphong.vn/the-gioi/trung-quoc-ngang-nhien-mo-du-lich-hoang-sa-trai-phep-621496.tpo>. Truy cập ngày 7.4.2013.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Nam đang bị ngoại xâm và phải tiến hành các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm thì Trung Quốc đã từng bước tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam, xâm lấn từng phần, rồi dùng vũ lực xâm chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa vào tháng 1.1974 và chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa từ đó cho đến nay.

Tuy nhiên, dù quần đảo Hoàng Sa đang bị Trung Quốc chiếm đóng, nhưng nhà nước Việt Nam, từ năm 1974 đến nay vẫn liên tục đấu tranh bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa trên các phương diện chính trị, ngoại giao và pháp lý; đồng thời vẫn tiếp tục thực thi việc quản lý nhà nước về mặt hành chính đối với quần đảo Hoàng Sa.

Hiện nay, cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa là cuộc đấu tranh gay go, phức tạp và lâu dài, đòi hỏi Việt Nam phải nỗ lực trên nhiều phương diện, nhiều mặt trận. Trong đó, việc sưu tầm, nghiên cứu và công bố những tư liệu và bằng chứng chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và chủ quyền biển đảo của Việt Nam nói chung là hết sức cần thiết. Những hoạt động này sẽ góp thêm chứng lý xác đáng cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam.

T.Đ.A.S.



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



GIẢI PHÁP KHẢ THI CHO TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG

Paweł Behrendt
Viện nghiên cứu Châu Á và Toàn cầu
mang tên Michał Boym
e-mail: pawel.behrendt@polska-azja.pl

Tóm tắt nội dung:

Tranh chấp Biển Đông đã trở thành một trong những vấn đề rất quan trọng, nó sẽ định hình trong quan hệ quốc tế không chỉ ở Đông Nam Á. Do các tuyến đường biển chiến lược đi qua vùng biển này nên bất kỳ cuộc xung đột nào ở đây sẽ có tác động toàn cầu. Vì vậy, việc giải quyết hoặc ít nhất là quản lý được tranh chấp này không chỉ có lợi cho các quốc gia trong khu vực.

Bài viết này nhằm mục đích cung cấp nghiên cứu ban đầu về các giải pháp khả thi cho tranh chấp Biển Đông và những hạn chế mà những người ra quyết định gặp phải.

Phần đầu tiên trình bày đặc điểm chung của tranh chấp. Nó bao gồm vai trò của tranh chấp trong quan hệ giữa các quốc gia yếu sách cũng như vai trò của nó trong hoạt động chính trị nội bộ của họ, điều này có thể được coi là một trong những hạn chế chính.

Phần thứ hai liên quan đến các biện pháp được thực hiện để giải quyết tranh chấp, chủ yếu là đàm phán về Bộ quy tắc ứng xử (CoC).



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Phần thứ ba nghiên cứu các khả năng cuối cùng để giải quyết vấn đề thông qua ASEAN hoặc theo các định dạng song phương, chỉ ra những lợi thế và hạn chế của mỗi bên trong số những bên tham gia. Cuối cùng, những lợi thế của việc quốc tế hóa tranh chấp và những lợi ích tiềm tàng mà các tác nhân bên ngoài có thể mang lại để giải quyết hoặc quản lý tranh chấp đều được xem xét.

Biển Đông (SCS) là khu vực địa chính trị quan trọng và đã trở thành một trong những khu vực quan trọng nhất trong những năm gần đây. Bất chấp tranh chấp về các quần đảo, đá, rạn san hô và bờ biển đường như không đáng kể, nó đã trở thành một lĩnh vực cạnh tranh khác giữa các cường quốc toàn cầu trên thế giới.

Biển Đông cũng là một khu vực kinh tế thiết yếu. Đây là trung tâm của hàng hải Đông Nam Á. Tuyến đường vận chuyển nổi Trung Quốc, các nước Đông Á khác, châu Âu, châu Phi và Trung Đông đi qua Biển Đông, với giá trị thương mại ước tính khoảng 5 nghìn tỷ USD. Hơn nữa, gần 80% dầu thô và khí đốt tự nhiên cung cấp cho Trung Quốc và Nhật Bản đều đi qua khu vực này. Đáy biển của Biển Đông được cho là có trữ lượng hydrocarbon khổng lồ, có thể lớn bằng trữ lượng ở Vịnh Ba Tư. Sự phong phú của cá và các loại hải sản khác, một thành phần dinh dưỡng chính của người dân trong vùng, cũng làm tăng thêm tầm quan trọng của nó.

Chủ đề tranh chấp chính là tranh chấp quần đảo Trường Sa (tiếng Trung: Nansha). Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC), Cộng hòa Trung Quốc (Đài Loan), Brunei, Malaysia, Philippines và Việt Nam đã đưa ra yêu sách đối với nhiều phần khác nhau của quần đảo. Theo ước tính mới nhất, Việt Nam kiểm soát 29 thực thể, Philippines kiểm soát 11, Trung Quốc kiểm soát 7, Malaysia kiểm soát 6, Đài Loan kiểm soát 2 và Brunei kiểm soát 1. Con số dành cho Trung Quốc không bao gồm các đảo nhân tạo được xây dựng từ thập kỷ trước.

Một tranh chấp giữa các quốc gia địa phương trong một khu vực cụ thể phần lớn sẽ không đáng kể, giống như nhiều câu chuyện khác, nếu không có sự tham gia của Trung Quốc. Cơ sở cho các tuyên bố của Trung Quốc là “đường chín đoạn”, được Đảng Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch phát minh ra ngay sau Thế chiến thứ hai. Sau khi những người cộng sản giành chiến thắng trong cuộc nội chiến, họ đã thực hiện những nguyện vọng này. Trong những năm qua, đường này đã được sửa đổi và có thời điểm đã được mở rộng thành đường 10 đoạn, thậm chí 11 đoạn, tuyên bố chủ quyền tới 90% Biển Đông thuộc Trung Quốc. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Đài Loan đều dựa vào “đường chín đoạn” làm nền tảng cho yêu sách của mình.



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Nguyên nhân gốc rễ của cuộc xung đột là tranh chấp lãnh thổ. Tuy nhiên, tình hình phức tạp hơn nhiều, Biển Đông là điểm khởi đầu của tuyến đường bộ (“Vành đai”) và tuyến đường hàng hải (“Con đường”). Tầm quan trọng chiến lược của sáng kiến Vành đai và Con đường đối với Trung Quốc đủ để biện minh cho cách tiếp cận mà Bắc Kinh gọi là “sự quyết đoán thụ động” và sự khẳng định tàn nhẫn về các yêu sách lãnh thổ. Khía cạnh tranh chấp này có liên quan đến mục tiêu rộng lớn hơn của Trung Quốc là giành quyền tự do tiếp cận Thái Bình Dương. Nó liên quan chặt chẽ đến vấn đề biển Hoa Đông và tranh chấp Senkaku/Điếu Ngư với Nhật Bản. Hai cuộc xung đột chồng chéo lên nhau và Bắc Kinh áp dụng các phương pháp tương tự trong cả hai lĩnh vực. Việc giải quyết một tranh chấp chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến kết quả của tranh chấp kia.

Một yếu tố khác là chính sách nội bộ của các quốc gia yêu sách. Ở mọi nơi, ngoại trừ Brunei và Malaysia, các yêu sách đã trở thành một phần niềm tự hào dân tộc, và việc kiểm soát các quần đảo tranh chấp đã được coi là điều kiện quan trọng để hiện thực hóa lợi ích quốc gia. Xu hướng này đặc biệt rõ ràng và bùng phát ở Trung Quốc, nơi Biển Đông gần như là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo tính hợp pháp của Đảng Cộng sản. Một ví dụ khác là Việt Nam. Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố vào ngày 20 tháng 1 năm 2024 rằng Việt Nam có chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, hiện đang bị Trung Quốc chiếm đóng bất hợp pháp. Theo Bộ này, chủ quyền đối với quần đảo này được trao phù hợp với luật pháp quốc tế. Sau thất bại của Pháp ở Đông Dương năm 1954, quần đảo này nằm dưới sự kiểm soát của miền Nam Việt Nam. Khi Sài Gòn bị Mỹ bỏ rơi, Trung Quốc chớp thời cơ chiếm đóng quần đảo này vào năm 1974.

Trong trường hợp của Trung Quốc, việc kiểm soát Biển Đông cũng đóng một vai trò quan trọng trong chiến lược quân sự. Bảo vệ vùng biển này cho phép Trung Quốc bảo vệ Hải Nam, căn cứ chính của các tàu ngầm mang tên lửa đạn đạo hạt nhân (SSBN). Những cân nhắc về kỹ thuật và địa lý đã khiến Trung Quốc áp dụng khái niệm ‘pháo đài’ của Liên Xô, nơi các SSBN sẽ hoạt động trong các vùng nước kín nơi lực lượng hải quân và không quân của họ có thể bảo vệ chúng. Tuy nhiên, Trung Quốc gặp khó khăn trong việc bảo vệ Hoàng Hải và Hoa Đông, những nơi quá gần với lực lượng hải quân hiện đại và lớn của Nhật Bản và Hàn Quốc, cũng như các căn cứ của Mỹ trong khu vực. Do đó, sự lựa chọn rơi vào Biển Đông. Những diễn biến này đã dẫn tới những hậu quả sâu xa hơn. Chính sách quyết đoán của Trung Quốc trong khu vực được Washington coi là thách thức đối với trật tự do Mỹ dẫn đầu. Người ta tin rằng nếu các yêu sách của Trung Quốc ở Biển Đông thành hiện thực, nước này sẽ thống trị Đông Nam Á, đây sẽ là bước đệm để đạt được vị thế siêu cường toàn cầu. Kết quả là Trung Quốc đã trở thành một đối thủ cần phải kiềm chế hoặc ít nhất là hạn chế. Hơn nữa, bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào giữa Trung Quốc và Philippines đều có thể kích hoạt hiệp ước an ninh giữa Washington và Manila. Mỹ phải hỗ trợ đồng minh hiệp ước của mình đồng thời ngăn chặn tình hình vượt khỏi tầm kiểm soát, điều này



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

có thể dẫn đến một tình huống bất ngờ lớn. Hậu quả là Biển Đông trở thành một trong những địa bàn tranh chấp Trung-Mỹ.

Tuy nhiên, Mỹ không phải là cường quốc bên ngoài duy nhất có lợi ích lớn trong tranh chấp. Một mặt, Nhật Bản là đồng minh của Mỹ nhưng có chương trình nghị sự và mục tiêu riêng. Thứ nhất, Nhật Bản đang có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc ở Biển Hoa Đông. Khi cả hai tranh chấp đan xen vào nhau, Tokyo có lợi ích trong việc ngăn chặn Trung Quốc thúc đẩy thành công các yêu sách của mình. Thứ hai, Biển Đông là một trong những Tuyến đường Thông tin liên lạc (SLOC) quan trọng trên biển của Nhật Bản. Việc Trung Quốc kiểm soát chặt chẽ vùng biển này có thể gây ra mối đe dọa lớn cho thương mại và kinh tế của Nhật Bản. Do đó, Tokyo cung cấp hỗ trợ cho Malaysia, Philippines và Việt Nam trong các lĩnh vực trang bị thiết bị bảo vệ, đào tạo và nâng cao nhận thức về hàng hải (tình báo, giám sát và trinh sát, ISR).

Động cơ tương tự cũng áp dụng cho Úc. Ngay cả khi SLOC không bị đe dọa, thì thành công cuối cùng sẽ đưa Trung Quốc đến gần Australia. Có lý do tại sao các chiến lược an ninh quốc gia gần đây của Nhật Bản và Australia coi Trung Quốc là mối đe dọa chính, ngay cả khi điều đó được diễn đạt một cách thẳng thắn.

Cuối cùng là Ấn Độ. Cùng với Úc, Nhật Bản và Mỹ, là một phần của Bộ tứ, nhưng New Delhi kiềm chế không công khai thách thức Bắc Kinh. Tuy nhiên, Ấn Độ cung cấp nhiều hỗ trợ và vũ khí khác nhau cho Philippines và Việt Nam để đối trọng với sự bành trướng của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương.

Quy tắc ứng xử

Hoạt động quân sự thành công của Trung Quốc nhằm chiếm đảo đá ngầm Gạc Ma từ tay Việt Nam vào năm 1988 cho thấy tranh chấp Biển Đông thực sự có nguy cơ biến thành xung đột công khai. Sau năm 1991, Chiến tranh Lạnh kết thúc và việc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia và Lào đã làm giảm căng thẳng ở Đông Nam Á một cách hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để bắt đầu tìm kiếm giải pháp cho tranh chấp. Trong những năm 90, ý tưởng về Quy tắc ứng xử (CoC) đã hình thành. Đây là bước đầu tiên hợp lý. Bằng cách đặt ra một số quy tắc cơ bản về cách các bên nên hành động trong các tình huống xung đột tiềm ẩn ở khu vực tranh chấp nhằm tránh leo thang không mong muốn và cách đối thoại với nhau, một cơ chế quản lý tranh chấp có thể được thiết lập. Ngược lại, việc quản lý hiệu quả có thể mang lại giải pháp thỏa đáng cho mọi người trong tương lai.

Lúc đầu, động lực chính đằng sau các cuộc đàm phán là lo ngại rằng Trung Quốc sẽ lại sử dụng vũ lực để khẳng định yêu sách của mình. Nó sẽ có những hậu quả sâu sắc đối với sự ổn định của khu vực. Tuy nhiên, trong thập niên 90, Bắc Kinh đã hành động tích cực một cách đáng ngạc nhiên. Kết quả là Tuyên bố về cách ứng xử của các bên (DoC) đã được ký



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

vào năm 2002. Trong tài liệu này, các quốc gia yêu sách đã đồng ý “tăng cường các điều kiện thuận lợi cho một giải pháp hòa bình và lâu dài cho những khác biệt và tranh chấp giữa các quốc gia liên quan”. DoC được coi là bước khởi đầu cho các cuộc đàm phán về Bộ quy tắc ứng xử phù hợp.

Khi đó người ta có thể khá lạc quan. Năm 2000, Việt Nam và Trung Quốc ký Hiệp định phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước ở Vịnh Bắc Bộ (Tønneson 2016). Hơn nữa, các hiệp định trong những năm 1995 và 2003 đã quy định về biên giới tranh chấp giữa Trung Quốc và Nga. Bằng cách này, Bắc Kinh đã phát đi tín hiệu, hoặc ít nhất đó là cách họ được nhìn nhận, sẵn sàng giải quyết các tranh chấp lãnh thổ. Tuy nhiên, DoC có một lỗi nghiêm trọng – đó là lỗi không mang tính ràng buộc (CSIS 2015; Parameswaran 2023). Điều này cho phép mọi bên ký kết đổ lỗi cho những bên khác vi phạm các quy định của Tuyên bố, đồng thời bỏ qua hành động của chính mình.

Hậu quả của tình trạng như vậy đã trở nên rõ ràng vài năm sau đó khi Trung Quốc từ bỏ tư thế hòa giải và bắt đầu khẳng định các yêu sách của mình một cách hung hãn. Năm 2007, Bắc Kinh đã rút khỏi thủ tục giải quyết tranh chấp của UNCLOS về các vấn đề liên quan đến phân định biển. Từ năm 2009, Trung Quốc bắt đầu “bán quân sự hóa” tranh chấp. Theo thuật ngữ này, một số hoạt động ở “vùng xám” dưới ngưỡng xung đột mở, trong đó Cảnh sát biển và dân quân biển (“Áp dụng: ông nhỏ màu xanh”) đóng vai trò chính.

Các hành động tiêu chuẩn và phổ biến của tàu Trung Quốc là thường xuyên sử dụng vòi rồng, đâm vào, phá hủy các thiết bị nghiên cứu và đánh bắt cá, đồng thời ngăn chặn việc tiếp cận các đặc điểm hàng hải. Kể từ năm 2007, Trung Quốc được cho là đã buộc nhiều công ty dầu khí khác nhau như BP, Repsol và Rosneft từ bỏ các dự án trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, tạm thời triển khai giàn khoan của riêng mình trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, loại trừ các công dân Philippines ra khỏi bãi cạn Scarborough và cản trở việc tiếp cận bãi cạn Second Thomas, mọi thứ, trong vùng đặc quyền kinh tế của Philippines. Tất cả những hành động này vi phạm yêu cầu của DoC rằng các bên tranh chấp không được sử dụng “đe dọa sử dụng vũ lực” (CSIS 2015). Một hình thức trả đũa khác vì không tuân theo mong muốn của Bắc Kinh, cũng như một hình thức gây áp lực kinh tế, là đình chỉ nhập khẩu trái cây và các sản phẩm thực phẩm khác.

Hơn nữa, như Beckman và Bernard (2016) đã chỉ ra, Trung Quốc đã không làm rõ cơ sở yêu sách của mình theo UNCLOS và từ chối thừa nhận yêu sách của các bên khác. Trong tình huống như vậy, các bên yêu sách không thể đồng ý về các khu vực tranh chấp, đây là điều kiện tiên quyết cho bất kỳ thỏa thuận nào.

Vào tháng 1 năm 2013, Manila đã đệ đơn lên Tòa án Trọng tài thường trực tại The Hague chống lại các yêu sách của Trung Quốc trong khu vực đặc quyền kinh tế của Philippines. Phán quyết được công bố vào ngày 12 tháng 7 năm 2016 đã vượt quá mọi mong



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

đội của Philippines và có thể là của tất cả các nhà quan sát. Phán quyết thực sự có nhiều đặc điểm quyết định của một quan điểm pháp lý hơn; tuy nhiên, họ tuyên bố tất cả các yêu sách của Trung Quốc về Biển Đông là bất hợp pháp và tạo cơ sở pháp lý cho tất cả những người phản đối Bắc Kinh để hành động tiếp theo. Tất nhiên, ngay từ đầu Trung Quốc đã tuyên bố sẽ không công nhận Thẩm phán quyết định và thậm chí còn đặt câu hỏi về thẩm quyền của Tòa án (Behrendt 2016).

Phán quyết được đưa ra dựa trên quyết định UNCLOS 1982 được Trung Quốc phê chuẩn. Theo công ước, lãnh hải không thể được phân chia dựa trên các bãi cạn, rạn san hô, đảo san hô và nhân tạo. Điều này tạo chính quyền Trung Quốc rất bất an nên họ đã phát triển khái niệm biển có quyền tài phán. Thuật ngữ này bao gồm tất cả các vùng nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và khung lục địa mà quyền phán quyết của Trung Quốc mở rộng hoặc vùng mà Bắc Kinh tuyên bố quyền chủ quyền (Carpio, 2021). Để mọi người có thể dễ dàng hiểu ra rằng, cả Biển Đông và Eo biển Đài Loan đều được bao hàm bởi thuật ngữ này. Tất nhiên, những lời tuyên bố của Bắc Kinh chưa được ai thừa nhận. Trung Quốc đang cố gắng áp đặt các yêu sách trái pháp luật của mình đối với các quốc gia yếu hơn, nhưng điều này không thực sự có tác dụng chống lại Hoa Kỳ hay thậm chí là Nhật Bản.

Tuy nhiên, hoặc có thể nhờ phán quyết, quyết định sau nhiều năm ngủ quên, các cuộc đàm phán CoC đã được hồi sinh. Vào tháng 5 năm 2017, tại cuộc họp của các cấp quan chức cao ASEAN và Trung Quốc ở Quý Dương, Trung Quốc, CoC sau bao khó khăn đã được thông qua. Vào tháng 8, chính các nước ASEAN và ngoại trưởng Trung Quốc đã thông qua nó tại hội nghị thượng đỉnh ở Manilla. Mục tiêu chính của tài liệu này là thiết lập khuôn khổ dựa trên quy tắc, trong đó có một quy trình xử lý hướng dẫn quy tắc của các bên và cung cấp hợp lý hàng hải ở Biển Đông. Một lần nữa, điều này cũng không mang tính ràng buộc.

Trung Quốc viết phản đối bất kỳ hành động cưỡng bức nào có thể hạn chế quyền tự động thực hiện hành động của nước này, đặc biệt là các hành động “bán quân sự”. Hơn nữa, như Storey (2017) lập luận:

Những người quen thuộc với các cuộc thảo luận cho rằng, theo quan điểm của Trung Quốc, DoC được ưu tiên hơn CoC và CoC nên được coi là một phần của quy trình thực thi DoC. Do đó, CoC cuối cùng có thể coi là không khác biệt với DoC.

Phải mất sáu năm để đạt được tia sáng tiếp theo. Tại hội nghị thượng đỉnh ASEAN-Trung Quốc vào tháng 7 năm 2023, các bên tham gia đã trình bày về Hướng dẫn nhanh chóng ký kết Bộ quy tắc ứng xử hiệu quả và thực tiễn ở Biển Đông. Theo các tuyên bố, Trung Quốc đã được thuyết phục để chấp nhận một CoC mang tính giải phóng (Parameswaran 2023, Vu 2023). Một thành công khác là việc hoàn thành Văn bản đàm phán dự thảo COC duy nhất. Nó có thể còn mới là một bước đột phá, cho thấy những diễn đàn này đã cho thấy



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

ý chí ngày càng tăng của ASEAN và các thành viên nước trong công việc tìm ra giải pháp hiệu quả cho tranh chấp Biển Đông.

ASEAN, nhỏ hay song phương?

Bất chấp tình trạng đàm phán về CoC như thế nào và tiến hành theo tinh thần của DoC, một vấn đề riêng vẫn được giải quyết và chấp nhận. Ba khái niệm lập luận va chạm ở đây. Cho đến nay, Trung Quốc là quốc gia thực hiện có hiệu quả tốt nhất trong công việc đưa ra ý tưởng của mình. Ngay từ đầu, Bắc Kinh đã ủng hộ giải pháp theo hình thức đồng thuận song phương. Điều này rõ ràng là một đơn vị có lợi hơn nhiều cho Trung Quốc, cho phép nước này gây thêm áp lực lên các đối tác yếu hơn. Vì vậy, một trong những mục tiêu thiết yếu nhất của ngoại giao Trung Quốc được giữ và thực hiện cho ASEAN cũng như Mỹ, Nhật Bản và các cường quốc bên ngoài khác ngoài tranh chấp Biển Đông. Nhiệm vụ này trở nên dễ dàng hơn nhờ thái độ của Lào và Campuchia, vốn trong nhiều năm đã khám phá mọi sáng kiến chia rẽ mà Trung Quốc mong muốn trong tổ chức này.

Các hành động ngoại giao của Trung Quốc được minh họa rõ ràng qua hội nghị thượng đỉnh giữa các bộ trưởng ngoại giao Trung Quốc và ASEAN tại Côn Minh vào tháng 6 năm 2016. Bắc Kinh dự kiến cuộc gặp có hai mục tiêu: cải thiện quan hệ với tổ chức này và tổ chức này tránh xa các sự kiện ở Biển Đông. Các nước ASEAN đã xác định rõ điều này và đã tiếp cận lời mời của Trung Quốc với sự ngờ vực. Xét đến vụ bê bối mà cuộc họp ở Côn Minh đã kết thúc, đây là một thái độ đúng đắn. Các bộ trưởng ASEAN đã đưa ra tuyên bố cuối cùng vào ngày 14/6, trong đó một nửa đề cập đến tình hình Biển Đông. Tuyên bố này đã được rút lại vài giờ sau khi công bố và thay thế bằng một tuyên bố mới do Bộ Ngoại giao Trung Quốc chuẩn bị, trong đó vấn đề tranh chấp lãnh thổ hoàn toàn không xuất hiện.

Cách tiếp cận của Trung Quốc khiến các bên tranh chấp khác gặp bất lợi. Mặt khác, việc công khai phản đối Bắc Kinh là rất rủi ro. Trung Quốc có đủ đòn bẩy kinh tế, ngoại giao và quân sự để phá vỡ hầu hết các nỗ lực phản kháng hoặc, rất thường xuyên, chỉ đơn giản là không khuyến khích phản đối. Điều đó không có nghĩa là những nỗ lực như vậy không được thực hiện.

Ngay cả trước khi đệ đơn khiếu nại lên Tòa trọng tài thường trực, Philippines đã cố gắng tìm ra quan điểm chung với Việt Nam, Malaysia và Brunei. Cuộc họp dự kiến diễn ra vào ngày 12 tháng 12 năm 2012 giữa Thứ trưởng Ngoại giao bốn nước gần như đã bị hủy bỏ vào phút cuối. Một cách không chính thức, người ta nói rằng Malaysia và Brunei, không sẵn lòng thách thức Trung Quốc, phải chịu trách nhiệm. Ở giai đoạn đó, Việt Nam cũng hoài nghi về ý tưởng đàm phán 4 bên. Chỉ những hành động sau đó của Trung Quốc mới khiến Hà Nội thay đổi thái độ, hợp tác chặt chẽ hơn với Manila và thậm chí là nỗ lực đưa các ví dụ và tài liệu do Việt Nam đệ trình vào quá trình này (Behrendt 2016).



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Tuy nhiên, ngay cả một hiệp định nhỏ như vậy cũng có những nhược điểm khác ngoài việc chỉ khiến Trung Quốc tức giận. Nó thách thức tính trung tâm của ASEAN. Trong những năm 90, tổ chức này đã đạt được tiến bộ ấn tượng, tập hợp tất cả các quốc gia trong khu vực, thường là những đối thủ và đối thủ gay gắt trong Chiến tranh Lạnh. Hiệp hội đã tham gia vào nhiều hình thức an ninh đa phương, như ASEAN +3 (Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc) và Diễn đàn khu vực ASEAN. Năm 1995, Khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân được ký kết.

Khi các xung đột và đối đầu trong Chiến tranh Lạnh dần mờ nhạt, ASEAN chuyển trọng tâm từ giải quyết các tranh chấp khu vực sang hợp tác toàn diện trong khu vực. Cùng với việc nhấn mạnh vào tính không chính thức và chủ nghĩa tối giản về mặt tổ chức, được gọi là "phương cách ASEAN" (Liu 2013, trang 108-109), nó đã mang lại những hậu quả sâu sắc. Những tranh chấp và bất bình cũ chỉ đơn thuần bị gác lại, và tổ chức này tỏ ra không những không thể giải quyết mà thậm chí không thể quản lý chúng. ASEAN hầu như không "quản lý được sự ngờ vực" giữa các quốc gia thành viên, như Kausikan (2021, trang 188-189) đã nói. Sự không tin tưởng lẫn nhau và tập trung vào các vấn đề khác đã tạo điều kiện thuận lợi cho Trung Quốc thực hiện nhiệm vụ này.

Tuy nhiên, nó đang dần thay đổi. Trong ba thập kỷ qua, ASEAN đã giành được sự tin tưởng của các nước thành viên. Trong nội bộ tổ chức, tiếng nói về sự hợp tác lớn hơn và sự tham gia của khối này vào việc giải quyết tranh chấp Biển Đông đã có được sức mạnh kể từ khoảng năm 2016. Sau hội nghị thượng đỉnh thảm khốc ở Côn Minh, Thủ tướng Malaysia khi đó là Najib Razak đã đề xuất rằng ASEAN trước tiên nên giải quyết vấn đề này. tranh chấp giữa Malaysia, Brunei, Việt Nam và Philippines. Đây là một giải pháp thận trọng nhưng rất hợp lý. Các phương pháp được phát triển trong các cuộc đàm phán nội bộ sẽ có thể được sử dụng không chỉ trong cuộc đối đầu lớn hơn với Trung Quốc mà còn để giải quyết nhiều tranh chấp lãnh thổ khác ở Đông Nam Á.

Có hai khả năng nảy sinh ở đây. Đầu tiên là cách tiếp cận nhỏ, tức là các cuộc đàm phán chỉ giữa các quốc gia có yêu sách ở Đông Nam Á được tiến hành có hoặc không có sự trung gian của ASEAN. Tuy nhiên, điều này sẽ cực kỳ khó thực hiện. Malaysia, ít nhất là tạm thời, đã bị loại khỏi khuôn khổ như vậy. Trong chuyến tham dự Hội chợ triển lãm Trung Quốc-ASEAN lần thứ 20 tại Nam Ninh, Trung Quốc vào tháng 9/2023, Thủ tướng Anwar Ibrahim đã có cuộc gặp với Thủ tướng Trung Quốc Lý Cường. Sau các cuộc đàm phán song phương, ông Anwar đã áp dụng giọng điệu rất hòa giải, nhấn mạnh sự tái đảm bảo về thiện chí và cam kết tiếp tục các cuộc đàm phán mà ông nhận được từ phía Trung Quốc. Được biết, Trung Quốc thậm chí còn tuyên bố sẵn sàng hợp tác chặt chẽ hơn với Malaysia để duy trì hòa bình ở Biển Đông, bảo vệ vai trò trung tâm của ASEAN trong hợp tác khu vực và thúc đẩy đàm phán Khu vực Thương mại Tự do Trung Quốc-ASEAN 3.0.



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Đây là câu trả lời khá dễ cho quan điểm của Thủ tướng Anwar về tranh chấp. Trong thời gian ở Nam Ninh, ông đã ký ba bản ghi nhớ trị giá hơn 4,2 tỷ USD và tổ chức các cuộc họp kín với Huawei và Công ty Xây dựng Truyền thông Trung Quốc (Reuters 2023, The Strait Times 2023). Điều này cho thấy một vấn đề cốt yếu: Chính phủ Anwar có thể đánh giá rằng việc phản đối Trung Quốc ở Biển Đông gây ra nhiều thách thức hơn là lợi ích. Malaysia không phải là đối tượng chịu sức ép mạnh mẽ của Trung Quốc như Philippines và Việt Nam. Điều này cũng cho thấy Trung Quốc khéo léo như thế nào trong việc sử dụng đòn bẩy kinh tế mà nước này có. Tương tự như trường hợp của Brunei. Vương quốc này bị cáo buộc đã bán yếu sách của mình cho Trung Quốc. Tuy nhiên, với mức giá nào và liệu nó có thực sự chưa được xác nhận hay không (Behrendt 2019).

Lựa chọn thứ hai là một giải pháp rộng hơn lấy ASEAN làm trung tâm. Như Thủ tướng Najib đã chỉ ra, Biển Đông chỉ là một trong nhiều tranh chấp biển ở Đông Nam Á. Một khả năng khả thi có thể là “Bộ quy tắc ứng xử trong các cam kết trên biển ở Đông Nam Á” do Vũ đề xuất (2023). Phạm vi của một thỏa thuận như vậy sẽ lớn hơn CoC và sẽ mang lại cho các quốc gia trong khu vực một công cụ quan trọng để quản lý tranh chấp và xây dựng lòng tin. Để nó có hiệu quả, “Bộ quy tắc ứng xử chung trong các cam kết hàng hải”, trái ngược với DoC, cần có cơ chế tuân thủ mạnh mẽ. Tuy nhiên, điều này có thể trở thành trở ngại trong đàm phán. Dù sao đi nữa, cơ chế mới không nên được coi là sự thay thế cho COC ở Biển Đông mà là sự bổ sung cho nó, “một công cụ song song và độc lập” (Vu 2023).

Vũ rất lạc quan, cho rằng trong trường hợp tốt nhất, “Bộ quy tắc ứng xử trong các cam kết hàng hải ở Đông Nam Á” có thể trở thành một cái gì đó giống với Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác năm 1967. Lúc đầu, Hiệp ước chỉ có tính ràng buộc đối với các nước ASEAN. Tuy nhiên, theo thời gian, nó đã được mở rộng và ký kết bởi 51 quốc gia và trở thành điều kiện tiên quyết cho bất kỳ quốc gia nào muốn trở thành đối tác đối thoại của ASEAN. Bất chấp sức hấp dẫn tiềm tàng của nó, “Bộ quy tắc ứng xử chung trong giao tiếp trên biển” phải đối mặt với nhiều thách thức. Nó không chỉ đề cập đến những nỗ lực có thể xảy ra của Trung Quốc nhằm làm chệch hướng tiến trình cuối cùng. Trở ngại đầu tiên và quan trọng nhất sẽ là việc thuyết phục tất cả các bên quan tâm ngồi vào bàn đàm phán và chấp nhận một cơ chế mới trong ASEAN.

Tuy nhiên, vẫn còn một số lựa chọn khác. Một là sự trung gian của một bên bên ngoài. Một lần nữa, rất nghi ngờ liệu Trung Quốc có đồng ý với giải pháp như vậy hay không. Bắc Kinh thường xuyên nhấn mạnh trong các tuyên bố và thông cáo chung của mình nhằm ngăn chặn các cường quốc bên ngoài “can thiệp” vào Biển Đông (Storey 2017). Do sự cạnh tranh Trung-Mỹ ngày càng gia tăng, Mỹ và các đồng minh như Nhật Bản hay Australia trở thành những nhà hòa giải tiềm năng, thậm chí có thể ở dạng song phương nhỏ. Một lựa chọn tốt hơn cho gần như tất cả các quốc gia ASEAN là không bị buộc phải lựa chọn giữa Washington và Bắc Kinh. Yoon và Jenner (2016, 257-262) lập luận rằng ứng cử viên tối ưu cho vai trò hòa



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

giải viên có thể là Hàn Quốc. Là một cường quốc tầm trung cực kỳ quan tâm đến tình hình ổn định ở Biển Đông, điều này có thể được các bên tranh chấp chấp nhận hơn. Tuy nhiên, việc chính quyền của Tổng thống Yoong lựa chọn quan hệ chặt chẽ hơn với Mỹ và Nhật Bản có thể làm suy yếu quan điểm này.

Cuối cùng là các hiệp định song phương. Một lần nữa, trở ngại chính là sự thiếu tin tưởng. Tuy nhiên, có một số dấu hiệu của sự thay đổi. Trong chuyến thăm Hà Nội của Tổng thống Ferdinand Marcos Junior vào tháng 1 năm 2024, Philippines và Việt Nam đã ký hai thỏa thuận: Bản ghi nhớ về ngăn ngừa và quản lý sự cố ở Biển Đông và Bản ghi nhớ về hợp tác hàng hải. Thông tin chi tiết không được tiết lộ, trong đó văn phòng tổng thống Philippines phát biểu một cách mơ hồ về việc xây dựng lòng tin lẫn nhau và cải thiện sự phối hợp trong các vấn đề hàng hải, cả song phương, trong ASEAN và với các đối tác khác. Nó cũng công bố sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa lực lượng bảo vệ bờ biển, bao gồm cả việc thành lập một ủy ban chung để cung cấp một diễn đàn thảo luận các vấn đề liên quan đến cả hai đơn vị. Trái ngược với vẻ ngoài, nó không chỉ là về Trung Quốc. Trong số những vấn đề khác, đánh bắt trái phép, buôn lậu và chống cướp biển có tầm quan trọng lớn hơn trong mối quan hệ song phương (Ghosal, Gomez 2024).

Bắc Kinh chỉ trích toàn bộ vấn đề. Sự hợp tác giữa lực lượng bảo vệ bờ biển Việt Nam và Philippines bị cho là gây bất lợi cho lợi ích của Trung Quốc trong khu vực, làm trầm trọng thêm tình hình và làm tăng nguy cơ xung đột. Lập trường này hầu như không gây ngạc nhiên. Cho đến nay, Trung Quốc đã có thể âm thầm khai thác lợi thế áp đảo của mình trong các cuộc đàm phán một đối một. Nếu Việt Nam và Philippines thiết lập được sự hợp tác hiệu quả, chắc chắn sẽ nhận được sự hỗ trợ của Mỹ, Nhật Bản, Úc và có lẽ cả Liên minh châu Âu, thì khả năng hành động của Trung Quốc sẽ giảm đi.

Kết luận

Yếu tố then chốt trong việc giải quyết, giải quyết và quản lý tranh chấp là xác định mục tiêu của chính mình và cách thức đạt được chúng. Trong trường hợp Biển Đông, chỉ có Trung Quốc mới làm được điều này. Hơn nữa, PRC đã khéo léo sử dụng các đòn bẩy mà mình có và chơi trò đổ lỗi. Bắc Kinh sẽ sử dụng mọi khả năng và phương tiện để làm chệch hướng bất kỳ giải pháp nào cho tranh chấp sẽ làm suy yếu vị thế thượng phong của họ. Vì lý do này, bất kỳ giải pháp cụ thể nào cho Biển Đông nhằm đối xử bình đẳng với tất cả các bên tranh chấp đều có rất ít cơ hội thành hiện thực.

Nếu không xác định rõ ràng các mục tiêu, các bên khác không thể tính toán hợp lý xem liệu việc theo đuổi yêu sách của mình có thực sự đáng để mạo hiểm với sự giận dữ và trả đũa của Bắc Kinh hay không. Những người ra quyết định của Trung Quốc dường như nhận thức rõ điều này nên họ thoải mái đưa ra các yêu sách ngày càng xa hơn, không chỉ ở Biển



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Đông. Vào tháng 3 năm 2024, PRC tuyên bố xác định lại vùng nước ven biển của mình ở Vịnh Bắc Bộ (Nguyen 2024), làm suy yếu thỏa thuận với Việt Nam.

Mặt khác, các chiến thuật của Trung Quốc, mặc dù có hiệu quả không thể chối cãi, nhưng cũng có những hạn chế (Chatys 2024). Sau nhiều năm kết hợp giữa kháng cự, tuân thủ và cố gắng đánh đổi, Philippines gần đây đã có lập trường đối đầu hơn. Tuy nhiên, với tư cách là đồng minh hiệp ước của Hoa Kỳ, Manila có thể trông cậy vào sự hỗ trợ từ Washington, Australia và Nhật Bản. Đây không phải là trường hợp của các bên yếu sách khác, đặc biệt là Việt Nam, quốc gia có chung đường biên giới trên đất liền với Trung Quốc, khiến quốc gia này gặp nguy hiểm hơn.

Các tranh chấp hàng hải cực kỳ khó giải quyết, và ngay cả ở những cơ quan thống nhất hơn như EU, chúng thường chỉ bị gác lại. Ví dụ như tranh chấp giữa Slovenia và Croatia hay giữa Ba Lan và Đức.

Đâu là giải pháp khả thi cho tranh chấp Biển Đông? Tính đến thời điểm hiện tại, cách khả thi nhất dường như là cách tiếp cận theo hướng kềm. Bước đầu tiên sẽ là các thỏa thuận song phương giữa các quốc gia yếu sách ngoài Trung Quốc nhằm ngăn ngừa sự cố và giúp quản lý tình hình. Con đường thứ hai là “Bộ quy tắc ứng xử trong các cam kết hàng hải ở Đông Nam Á” được đàm phán dưới sự hỗ trợ của ASEAN, thiết lập khuôn khổ chung cho toàn khu vực. Phần lớn ở đây phụ thuộc vào khả năng vượt qua sự ngò vức lẫn nhau, chịu được áp lực từ Trung Quốc và đảm bảo sự hỗ trợ của các tác nhân bên ngoài để làm điều đó.

Đâu là nơi để đàm phán về CoC? Hơn 20 năm qua, quá trình này vẫn chưa mang lại kết quả khả quan. Các cuộc đàm phán CoC có thể được phân loại một cách an toàn là một yếu tố trong cuộc chiến pháp lý (lawfare) của Trung Quốc - việc sử dụng các công cụ pháp lý và ngoại giao để thúc đẩy lợi ích của nước này (Behrendt 2022). Điều này không có nghĩa là các quốc gia khác nên từ bỏ các cuộc đàm phán theo hình thức này. Đối với các quốc gia có yếu sách khác, đây vẫn là một diễn đàn quan trọng để giao tiếp với Trung Quốc, cho phép họ thực hiện các hoạt động ngoại giao và là cách để xây dựng hình ảnh tích cực của họ trên trường quốc tế.

Tài liệu

1. Beckman, R.C., Bernard L. (2016), “Disputed areas in the South China Sea: prospects for arbitration or advisory opinion”, *The South China Sea. A Crucible of Regional Cooperation or Conflict-making Sovereignty Claims?* Cambridge University Press.
2. Behrendt, P. (2016). *Co po werdyckie trybunału w Hadze? Analiza CSPA.Reuters (23.09.2023), Malaysia PM says China gave reassurance after map stirred South China Sea dispute, <https://www.reuters.com/world/asia-pacific/malaysia-pm-says-china-gave-reassurance-after-map-stirred-south-china-sea-2023-09-23/> [access: 15.05.2024].*



HỘI THẢO BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

3. Behrendt, P. (2019), „South China Sea – A Multifaceted Conflict”, Power Shifts in East Asia and Their Implications for Asia-Europe Relations, Wydawnictwo Uniwersytetu Łódzkiego.
4. Behrendt, P. (2022), *San Zhong Zhanfa or Three Warfares. Chinese Hybrid Warfare*, Boym Institute, <https://instytutboyma.org/en/san-zhong-zhanfa-or-three-warfares-chinese-hybrid-warfare/> [access: 15.05.2024].
5. Carpio, A. T. (2021). China’s three warfares. The Inquirer: <https://opinion.inquirer.net/138398/chinas-three-warfares> [access: 15.05.2024].
6. Chatys, M. (2024), Limitations of China’s grey zone tactics, <https://www.osa.uni.lodz.pl/en/commentary/details/limitations-of-chinas-grey-zone-tactics> [access: 15.05.2024].
7. CSIS (2015), A Fair and Effective Code of Conduct for the South China Sea, <https://www.csis.org/analysis/fair-and-effective-code-conduct-south-china-sea> [access: 15.05.2024].
8. Ghosal, A., Gomez J. (30.01.2024), Philippines and Vietnam agree to expand cooperation in South China Sea, which Beijing also claims, AP: <https://apnews.com/article/vietnam-philippines-south-china-sea-agreement-marcos-263dcb4cddf1ca2c59c3dd1eaf04a1d1> [access: 15.05.2024].
9. Nguyen, L. (31.03.2024), Vietnam objects to China's expanded reach in Gulf of Tonkin, <https://www.voanews.com/a/vietnam-objects-to-china-expanded-reach-in-gulf-of-tonkin/7549424.html> [access: 15.05.2024].
10. Parameswaran, P. (2023), What’s Behind the New China-ASEAN South China Sea Code of Conduct Talk Guidelines?, Wilson Center, <https://www.wilsoncenter.org/blog-post/whats-behind-new-china-asean-south-china-sea-code-conduct-talk-guidelines> [access: 15.05.2024].
11. Reuters (23.09.2023), Malaysia PM says China gave reassurance after map stirred South China Sea dispute, <https://www.reuters.com/world/asia-pacific/malaysia-pm-says-china-gave-reassurance-after-map-stirred-south-china-sea-2023-09-23/> [access: 15.05.2024].
12. Storey, I. (2017), Anatomy of the Code of Conduct Framework for the South China Sea, MAP Analysis: <https://www.nbr.org/publication/anatomy-of-the-code-of-conduct-framework-for-the-south-china-sea/> [access: 15.05.2024].
13. The Strait Times (18.09.2023), Malaysia, China to have open communication over South China Sea issue: Anwar, <https://www.straitstimes.com/asia/east-asia/malaysia-china-to-have-open-communication-over-south-china-sea-issue-anwar> [access: 15.05.2024].
14. Tønneson, S. (2016), “The Tonkin Gulf Agreements: a model of conflict resolution?”, *The South China Sea. A Crucible of Regional Cooperation or Conflict-making Sovereignty Claims?* Cambridge University Press.
15. Vu, H. D. (2023), From the COC to a Code of Conduct for Maritime Engagements in Southeast Asia, AMTI Update: <https://amti.csis.org/from-the-coc-to-a-code-of-conduct-for-maritime-engagements-in-southeast-asia/> [access: 15.05.2024].
16. Yoon, S., Jenner C.J. (2016), “Sino-American rivalry in the south china Sea: is it time to form a maritime middle power cooperative?”, *The South China Sea. A Crucible of Regional Cooperation or Conflict-making Sovereignty Claims?* Cambridge University Press.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



CHIẾN LƯỢC “PHÒNG VỆ NƯỚC ĐÔI” CỦA VIỆT NAM VỀ TRANH CHẤP CÁC QUẦN ĐẢO TRÊN BIỂN ĐÔNG VIỆT NAM

GS TSKH Małgorzata Pietrasiak, Đại học Tổng hợp Lodz

e-mail: małgorzata.pietrasiak@uni.lodz.pl

TS Michał Zareba, Đại học Tổng hợp Lodz

e-mail: michal.zareba@uni.lodz.pl

Mở đầu

Mục đích của bài viết là trình bày những định hướng và giả thuyết quan trọng nhất của Đường lối Đối Ngoại của Việt Nam gắn với chiến lược “hedging” – chiến lược đã được Việt Nam vận dụng trong nhiều thập kỷ nay tại tranh chấp quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông.

Trong những năm 20 của thế kỷ XXI, Biển Đông là một trong những vấn đề lớn nhất, có thể coi là hàng đầu đặt ra cho các nhà ngoại giao Việt Nam trong quan hệ Việt - Trung và trên diễn đàn quốc tế. Với Việt Nam, vị trí địa chính trị có ý nghĩa đặc biệt trong việc: xác định ai là đồng minh và ai đối thủ; tìm kiếm thêm đối tác tương đồng về hoạt động và lý lẽ (mà chính quyền dùng để truyền đạt tới công dân của mình và cộng đồng quốc tế)*¹.

Việt Nam có một đặc trưng về lịch sử Việt Nam khá rõ nét. Đó là nền tảng tư tưởng và chiến lược đầy nhân văn do Đảng ĐCS Việt Nam đương thời lãnh đạo.

Có thể nhận thấy, yếu tố cội nguồn của hệ tư tưởng mang tính truyền thống của đất nước, gắn với tư tưởng Nho giáo, đang hỗ trợ hợp tác giữa Việt Nam với các nước trong



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

khu vực châu Á. Đồng thời, tinh thần này cũng gắn với sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh - chiến thuật đấu tranh giành độc lập, sau đó thống nhất đất nước*².

Nguyên tắc độc lập, xác định những giá trị cốt lõi gắn với chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ, không muốn phụ thuộc vào một cường quốc, đồng thời dựa trên liên minh trong vùng là nét nổi bật trong "cốt" địa chính trị của Việt Nam.

Chiến lược mà Việt Nam thực thi với các nước lớn có thể mô tả bằng khái niệm "hedging". "Hedging" có nghĩa là Việt Nam không đặt tất cả lên đầu lưỡi dao, cố gắng giảm thiểu rủi ro, tìm kiếm biện pháp để đạt được được lợi ích đặt ra. Ngoài ra, Việt Nam muốn trở thành cầu nối trung gian trong việc giải quyết xung đột. Việt Nam được xem là cường quốc hạng trung, luôn có những cân nhắc hài hòa, thường chấp nhận lùi bước nhưng dựa trên ưu tiên riêng đặt ra trong đàm phán, tìm kiếm ủng hộ cho những ưu tiên của mình, dù có thể phải đợi một thời gian.

Bài viết đặt ra giả thuyết sau: Việt Nam sẵn sàng ngoại giao trường kỳ, dùng chiến lược "hedging". Chiến lược biến động phụ thuộc vào sự thay đổi của môi trường quốc tế. Để xem xét giả thuyết này, tác giả dùng phương pháp nghiên cứu có phân tích các tài liệu và quan trắc.

Giả thuyết về đường lối đối ngoại Việt Nam và tranh chấp ở Biển Đông

Tháng 5.1988, Ban CHTW Đảng CSVN thông qua Nghị quyết số 13, trong đó lần đầu tiên đưa ra khái niệm "lợi ích dân tộc". Bước đi đó có nhiệm vụ chuẩn bị đất nước thoát ra khỏi chiến lược trước đó của mặt trận chung gắn với phe XHCN và nguyên tắc chủ nghĩa quốc tế vô sản (khẳng định đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân) vạch ra bởi Quốc tế Cộng sản*³.

Sau khi "Tấm rèm sắt" sụp đổ, quan hệ Việt – Trung trở nên sáng sủa hơn (Trung Quốc chai nước trước đây thuộc khối phương Đông, có bất đồng về lợi ích dân tộc trong tranh chấp ở Biển Đông). Đồng thời, chiến tranh lạnh kết thúc, mở ra khả năng bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ và hợp tác Washington Việt – Mỹ trong các vấn đề trùng khớp về lợi ích. Việt Nam cũng thay đổi cách tiếp cận ai là bạn hay thù theo hướng ít cực đoan hơn.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Tháng 7. 2003, Ban CHTW Đảng CSVN thông qua Nghị quyết số 8 với tiêu đề "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới". Nghị quyết có cách tiếp cận mềm mỏng trong chính sách ngoại giao bằng những thuật ngữ mới như : đối tác / mục tiêu (hợp tác) và đối tượng cạnh tranh*4.

Việt Nam nhận thấy rằng, VN hay xảy ra cọ sát, hiểu lầm với những nước trước đây coi là "thân thiện" và có chung lợi ích với những nước trước đây là đối thủ. Nhóm thứ nhất là Trung Quốc - nước anh em tương đồng hệ tư tưởng và nhóm tiếp theo là Mỹ. Kết quả của việc thông qua Nghị quyết của Đảng là Việt Nam đã phê chuẩn khả năng hợp tác với cả những nước được xác định là bạn, là thù, cũng như chấp nhận đấu tranh với bất kỳ quốc gia nào đang đe dọa lợi ích của Việt Nam. Khái niệm "vừa hợp tác vừa đấu tranh" là nguyên tắc hàng đầu mà Hà Nội xúc tiến trong đường lối ngoại giao. Việt Nam cũng xác định, một nước, phụ thuộc vào hoàn cảnh, có thể là đối tác trên bình diện này, vẫn là đối thủ trong mặt trận khác. Đây là cách tiếp cận mềm mỏng trong đường lối đối ngoại, không khép lại bất kỳ con đường nào và tạo ra không gian rộng lớn cho những đối tác tiềm năng trong hợp tác song phương*5.

Tranh chấp trên biển Đông cũng đặt ra giả thuyết thực chất về "độc lập và tự cường" trong kiến trúc quan hệ quốc tế. Nguyên tắc này là kết quả của việc phân tích kinh nghiệm lịch sử lâu dài của Việt Nam, một nước đã nhiều lần lệ thuộc vào các cường quốc mạnh hơn mình .

Đến thế kỷ XV, Trung Quốc đã từng đô hộ và muốn thống trị, chi phối nước hàng xóm phía Nam, muốn bảo hộ hoặc biến Việt Nam thành một tỉnh của Trung Quốc. Tiếp theo là Pháp: Pháp đã xóa nền độc lập của Việt Nam, cắt đất Việt Nam thành thuộc địa của đế chế Pari ở Đông Nam châu Á. Sau chiến tranh thế giới thứ II, Mỹ can thiệp vào Việt Nam, dẫn đến Chiến tranh Việt Nam. Sau khi kết thúc xung đột ở Đông Dương, Việt Nam trở thành đồng minh với Liên Xô. NgaLiên Xô - một thành viên của Hội Đồng Bảo An LHQ - cho Việt Nam vay nợ, giúp phát triển và ngăn chặn khả năng trừng phạt của LHQ. Nguyên nhân Việt Nam bị cô lập lúc ấy trên trường quốc tế là do sự can thiệp vào Kămpuchia: Việt Nam bị lên án là xâm lược và bá quyền, không chỉ từ các nước phương Tây. Hiện diện quân sự tại Campuchia của Việt Nam cũng có hậu quả đối với đường lối trong và ngoài nước – điều được thể hiện rõ trong học thuyết đương đại của đường lối đối ngoại của Việt Nam.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Thực thi định hướng về một quốc gia "độc lập và tự cường" trên diễn đàn quốc tế, Việt Nam mong muốn theo đuổi mục tiêu "4 không" trong đường lối quốc phòng. Chính phủ Việt Nam: 1) không có liên minh quân sự chính thức với nước nào; 2) không đồng ý thành lập căn cứ quân sự nước ngoài trên lãnh thổ nước mình; 3) không hợp tác với nước này chống lại nước kia và 4) không gây xung đột và không dùng đe dọa khởi xướng. Ba nguyên tắc đầu tiên được ghi trong Sách trắng từ 1988, sau đó được nhắc lại trong văn bản năm 2004 và 2009. Những yếu tố trên cũng được khẳng định trong Luật bảo vệ quốc phòng toàn dân và có hiệu lực vào đầu năm 2019*⁶.

Xác lập chiến lược mới trong đường lối đối ngoại và tự vệ cũng như thích nghi với những thay đổi trên thực tế, Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh: Người từng xác định sự cần thiết phải phân tích thế mạnh, điểm yếu kém của mình, để trước hết bảo vệ lợi ích dân tộc. Người đồng thời nhắc nhở rằng, đối ngoại hiệu quả phụ thuộc vào nội lực của mỗi quốc gia: nội lực là cái chiêng, hoạt động ngoại giao như tiếng vang của nó sau khi đánh. Tư tưởng Hồ Chí Minh có thể coi như gốc rễ của tinh thần "độc lập và tự cường" của đường lối chính trị được tiến hành sau chiến tranh lạnh*⁷.

Hồ Chí Minh khẳng định hợp tác quốc tế là cần thiết để đạt được mục tiêu thực thi lợi ích của Việt Nam. Đó là nền tảng của những tuyên bố và đường lối của Hà Nội. Tại đại hội lần thứ XIII vào năm 2021, Việt Nam đặt ra yêu cầu cần thiết phải thích ứng với những đòi hỏi của hiện tại, nhằm hướng đến "độc lập và tự cường" cũng như hội nhập tích cực và hợp tác hiệu quả, khai thác hoàn cảnh thuận lợi và sức mạnh quốc tế.

Dấu ấn lớn nhất trong đường lối đối ngoại Việt Nam là làm theo khẩu hiệu Hồ Chí Minh "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Khẩu hiệu này có thể được hiểu là giữ được những nguyên tắc bất di bất dịch về lợi ích nhưng vận dụng nhiều biện pháp hợp lý để hiện thực hóa lợi ích. Việt Nam vận dụng khái niệm này để phản ứng linh hoạt đối với những vấn đề nảy sinh khi sử dụng phạm vi rộng về chiến lược và chiến thuật. Tư tưởng này dẫn đến việc tạo ra "ngoại giao cây tre" Hà Nội – một dấu ấn rong hoạt động đối ngoại và phương pháp cân bằng giữa các cường quốc.

Tiến trình quản lý bất đồng và hàng loạt sự kiện liên tiếp

Bất đồng giữa Việt Nam và Trung Quốc bắt đầu vào những năm 50 TK XX nhưng những tuyên bố chính trị không dẫn đến xung đột quân sự. Đầu những năm 70 của TK XX, tình



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

hình bắt đầu thay đổi. Vào năm 1974, Trung Quốc (Trung Quốc) đánh chiếm Hoàng Sa. Sau đó, lợi dụng tình hình chính trị khó khăn của Việt Nam và cuộc nội chiến kéo dài đến tận 1975, vào năm 1988, Trung Quốc tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo đối với quần đảo Trường Sa (TS). Lúc này Philippines cũng có những động thái tương tự. Trung Quốc gia tăng lực lượng quân sự trên các đảo ở Hoàng Sa (HS), xây sân bay, lập cơ quan hành chính dân sự*⁸.

Những năm 70 thế kỷ XX, Malaysia cũng tuyên bố yêu sách về lãnh hải tại Biển Đông. Bước đầu là dãy san hô James Shoal, sau đến Amboyna Cay, Mariveles Reef và Commodore Reef. Vào năm 1984, Vương quốc Brunei chính thức tham gia tranh chấp, coi bãi Loise Reef phía đông quần đảo là thuộc quyền sở hữu riêng theo luật biển. Nên nhắc lại rằng, Indonesia không có yêu sách với bất kỳ hòn đảo nào ở đây, nhưng sự bành trướng của Trung Quốc lấn sang cả vùng đặc quyền kinh tế của Indonesia, trong đó có khu vực mỏ khí đốt Natuna.

Vì luật pháp quốc tế có vai trò trong giải quyết xung đột, ta cần nhớ rằng, tất cả các bên đều đã ký thỏa thuận được thông qua ở Montego Bay vào năm 1982 liên quan đến vùng đặc quyền kinh tế kéo dài đến 200 hải lý. Theo nguyên tắc đó, trong phạm vi vùng đặc quyền, các quốc gia có toàn quyền nghiên cứu, khai thác, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên cũng như nguồn sinh vật, phi sinh vật thuộc khối nước biển, đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, xây dựng và sử dụng các đảo nhân tạo, nghiên cứu khoa học biển và bảo vệ môi trường biển.

Luật biển có nền tảng chứng cứ được các nước Philippines, Brunei, Malaysia, cả Indonesia thông qua. Trong khi giữa các nước đều có tranh chấp, Trung Quốc và Việt Nam - những bên yêu sách mạnh mẽ nhất và hiện diện sớm nhất tại các đảo, lại dùng bằng chứng lịch sử. Thực sự rất khó để xác minh khi các bằng chứng đan xen với tính chính trị. Chính Việt Nam và Trung Quốc mới là 2 nước kiên định và tích cực nhất trong tranh chấp. Đầu năm 1990, các bên đã đạt được một số tiến triển trong việc xử lý xung đột về quần đảo. Các nước ASEAN ký tuyên bố vào năm 1992 liên quan đến Biển Đông, hai nước Việt Nam và Trung Quốc vốn căng thẳng nhất trong quan hệ đã bình thường hóa vào năm 1991*⁹.

Tháng 8.1993, lần đầu tiên đàm phán về những vấn đề biên giới ở cấp nhà nước giữa Việt Nam và Trung Quốc diễn ra, tháng 10 năm đó hai bên đã ký hiệp định liên quan đến nguyên tắc giải quyết tranh chấp. Đàm phán kết thúc 30.12.1999 và 2 bên đã ký văn bản về hệ thống đường biên giới. Trong chuyến thăm của Chủ tịch nước Việt Nam 25.12. 2000 hai



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

bên đã ký thông cáo chung quan trọng đề cập đến việc tiếp tục tăng cường quan hệ lẫn nhau nhiều mặt trong thập kỷ XXI *¹⁰.

Kết quả của chuyến thăm này là hai bên đã ký kết một hiệp ước ranh giới vùng nước lãnh thổ với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa và việc đánh cá ở Vịnh Bắc bộ. Rất tiếc, hai bên không giải quyết được bất đồng liên quan đến chủ quyền các đảo ở HS và TS. Hai

bên đã thỏa thuận ràng buộc rằng 2 bên sẽ không làm gì có thể làm phức tạp quá trình bình thường hóa.

Xung đột xung quanh quần đảo HS và TS tái phát từ ngày 02.11.2002 trong cuộc gặp mặt của các đại diện 10 nước - thành viên khối ASEAN và CHND Trung Hoa. Cũng may mắn rằng ASEAN và Trung Quốc đã thông qua được tuyên bố 10 điểm về những ứng xử của các bên ở biển Đông (Declaration on the Conduct of Parties In the South China Sea), nhằm làm giảm căng thẳng trong vùng và cải thiện bầu không khí chính trị.

Sau khi ký tuyên bố, các quốc gia thường có các hoạt động kinh tế - khoa học với các đảo với kết quả tốt. Thậm chí Việt Nam, Trung Quốc, Philippines sau đó có các hoạt động thăm dò, lập kế hoạch khai thác mỏ dầu, khí đốt bởi các công ty nhà nước*¹¹.

Tranh chấp bị nóng lên trong những thập niên 20 của thế kỷ XXI

Trong giai đoạn này vấn đề tranh chấp xoay quanh quần đảo giữa Trung Quốc và vài nước như Philippines, Việt Nam, một phần Malaysia nóng lên do hết thời hạn gửi khiếu kiện về vấn đề thềm lục địa các đảo, thuận theo Luật biển 1982. Vào tháng 5. 2009 Việt Nam và Philippines tăng cường hoạt động của mình như là cách khẳng định chủ quyền đối với các đảo. Tháng 2. 2009 Philippines đã thông qua nghị định "về việc xác định đường cơ sở biên giới của quần đảo thuộc Philippines". Ngày 10.03 nghị định được Tổng thống Philippines ký, còn ngày 6.05 Việt Nam và Malaysia gửi dự thảo chung lên Liên Hợp Quốc về giới hạn thềm lục địa trên Biển Đông ngoài 200 hải lý của vùng đặc quyền kinh tế *¹².

Đại diện thường trực của Trung Quốc tại Liên hiệp Quốc trong bức điện gửi lên Đại hội đồng đã đề nghị không xem xét dự thảo của Việt Nam và Malaysia. Trong khi đó, Trung Quốc lại gửi lên Ủy ban của Liên hiệp Quốc bản đồ Biển Đông của Trung Quốc, trên đó xác định biên giới của Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa, chiếm đến 80% lãnh thổ tranh chấp.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 08.05 Việt Nam gửi một dự thảo của mình, lần này của riêng Việt Nam. Bắc Kinh và Hà Nội đều trao đổi công điện phản đối lẫn nhau*¹³.

Đến giữa năm 2011, Trung Quốc phô trương sức mạnh trên các đảo ở HS, nhưng đã thỏa hiệp và đến ngày 11.10 2011 đã ký kết thỏa thuận về những nguyên tắc cơ bản điều chỉnh những vấn đề trên biển giữa Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng Hòa XHCN Việt Nam*¹⁴.

Trong thỏa thuận, hai bên cam kết không tiến hành bất kỳ hành động nào có thể làm căng thẳng tình hình. Tháng hai 2012, khi hai bộ trưởng ngoại giao trao đổi với nhau tại Bắc Kinh, quyết định thành lập nhóm công tác để giải quyết những vấn đề bất đồng và lập đường dây "nóng" giữa 2 bộ. Các bên đề ra 6 nguyên tắc làm cơ sở cho các cuộc thương lượng liên quan đến đảo đang có tranh chấp.

Tuy vậy vào tháng 7. 2012, sự cố tiếp theo xảy ra. Trung Quốc quyết định thành lập trên đảo Phú Lâm căn cứ quân sự Sansha City và tiến hành bầu cử*¹⁵.

Tháng 11.2012 mâu thuẫn được thể hiện trong cuộc gặp thượng đỉnh ASEAN. Indonesia có đưa ra một quyết định, trong đó chịu trách nhiệm về việc soạn thảo điều khoản ứng xử ở Biển Đông, dù Trung Quốc chấp nhận, cuộc trao đổi của các bên không đem lại kết quả mong muốn.

Tháng 4.2013, một chấn động làm gia tăng căng thẳng đã xảy ra. Đó chính là việc Trung Quốc công bố bản đồ của Ủy ban Trắc địa bản đồ CHND Trung Hoa, trong đó đường chữ U - gọi là đường 9 đoạn, người Việt Nam gọi là đường "lưỡi bò" - xác định chủ quyền đối với vùng biển Nam Trung Hoa. Các nước ASEAN đã bày tỏ lo ngại còn Bộ Ngoại giao Việt Nam và Philipin đã phản đối sự kiện này*¹⁶.

Tháng 5.2014, căng thẳng tiếp tục gia tăng, khi tàu khoan dầu của Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HYSY 981 và bắt đầu khoan dầu tại vùng đặc quyền kinh tế và bãi cạn của Việt Nam. Ngoài ra Trung Quốc tiến hành xây đảo nhân tạo ở vùng đá ngầm Nam Johnson thuộc quần đảo TS. Hoạt động tương tự cũng được thiết lập đối với các đảo nhỏ khác của quần đảo này. Những sự kiện ấy là nguyên nhân gia tăng sự phản đối đường lối dân tộc, bá quyền của Trung Quốc ở cả Philippines và Việt Nam.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Chiến lược của Trung Quốc tại vùng Biển Nam Trung Hoa dựa trên những nguyên tắc sau:

- không dẫn đến quốc tế hóa tranh chấp và can thiệp của quốc gia thứ 3, đặc biệt là Mỹ
- làm suy yếu sự thống nhất của các quốc gia ASEAN trong vấn đề này
- khai thác những bất đồng khác không được giải quyết ở trong vùng để làm giảm liên kết giữa các nước trong vùng với Mỹ^{*17}, điều đó dễ nhận thấy qua trao đổi của lãnh đạo Trung Quốc ở nhiều cấp.

Bất đồng trên Biển Đông gắn trực tiếp đến lợi ích của Mỹ trong khu vực. Đối với nước Mỹ, có lợi khi giữ nguyên hiện trạng (status quo) và luôn làm tất cả để không gây bất ổn. Chính sách của Mỹ đối với Biển Đông dựa trên 2 nguyên tắc cơ bản:

- chính sách mở cửa và tiếp cận những vùng biển.
- tiến đến ổn định, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế.

Khu vực có những đe dọa có thể xảy ra với nền công nghiệp dầu khí của Mỹ, chẳng hạn xung đột giữa Việt Nam và Trung Quốc hay nguy cơ đối đầu quân sự nhỏ lẻ^{*18}. Có thể lúc đầu, tuyên bố chính thức của Mỹ thiếu sự ủng hộ đầy đủ đối với những giải pháp mà Việt Nam và Philippines đề xuất, trong giai đoạn gia tăng xung đột những năm 20 của TK XXI.

Sau này, Mỹ kiên quyết ủng hộ công khai 2 quan điểm trong cuộc xung đột. Từ năm 2010 Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã tuyên bố quan tâm nhiều hơn đến khu vực và củng cố các liên minh cũ như Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc và cả một số nước trong ASEAN như Philippines, Thái Lan.

Năm 2010 tại hội nghị Thượng đỉnh của Hiệp hội tại Hà Nội, bà Hilary Clinton nói rằng, Mỹ ủng hộ giải pháp ngoại giao những tranh chấp lãnh thổ, chống đe dọa, sẵn sàng đề xuất sáng kiến xây dựng biện pháp tin cậy.

Đối với Việt Nam, mỗi một sự giúp đỡ, ủng hộ về chính trị đều được chào đón nhiệt tình.

Mỹ đề xuất quốc tế hóa xung đột về tranh chấp quần đảo. Tuy vậy, trong khi các quốc gia ASEAN lảng tránh đề xuất này, Việt Nam lại tìm thấy trong lời kêu gọi này khả năng



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

nhất định, dù là thông qua hình thức lên tiếng sự việc hay tăng sức ép lên Trung Quốc. Vấn đề trở thành đề tài tranh cãi nội bộ các nước ASEAN.

Từ những nhận xét trên có thể thấy thành viên tích cực nhất, kiên định nhất trong tranh chấp Biển Đông là Việt Nam và Trung Quốc, riêng vấn đề TS có thêm Philippines. Tình hình căng thẳng trong quan hệ 2 nước Việt Nam - Trung Quốc có từ cuối năm 70 đến đầu những năm 90 của TK XX, đã kiềm chế quá dài xung đột, không tạo đối thoại để tìm lối thoát.

Trong nhiệm kỳ 2 của Tổng thống Obama, khi xác định đường lối cân bằng lại „Rebalance“, Mỹ nêu bật đường lối của mình tại châu Á, đặt khu vực ở trung tâm chiến lược của Mỹ, kéo từ Đông Bắc theo hướng Đông Nam châu Á.

Phán quyết của Tòa Án quốc tế

Phán quyết của trọng tài quốc tế Hague ngày 12 tháng 7 năm 2016 đặt hy vọng nhất định cho việc giải quyết tranh chấp. Phán quyết của trọng tài quốc tế, trong đó nghiêng về luận cứ của Philippines và bác bỏ đòi hỏi của Trung Quốc đối với các đảo trên Biển Nam Trung Hoa*¹⁹.

Trung Quốc không tham dự phiên xét xử, xem phán quyết của Tòa quốc tế không có hiệu lực. Không phụ thuộc vào việc, Trung Quốc có cử đại diện đến phiên tòa để giải thích vụ việc, quyết định của Tòa vẫn có tính pháp lý.

Thực sự vụ việc liên quan đến 2 phía Philippines và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa nhưng phía Việt Nam cũng gửi tuyên bố, trong đó công nhận phán quyết của Tòa có giá trị pháp lý đối với Việt Nam.

Kết luận quan trọng nhất rút ra từ phán quyết của Tòa là ưu tiên chấp hành điều của luật quốc tế. Tòa tuyên bố rằng, Trung Quốc không có quyền lịch sử đối với vùng biển tranh chấp. Kết luận thứ hai từ phán quyết là khuyến khích đối thoại và hợp tác trong vùng với mục đích soạn thảo giải pháp đáp ứng quan tâm của các bên*²⁰.

Hiện tại, xung đột trên biển Biển Đông là mặt trận trước mắt của ngoại giao Việt Nam. Đề tài này luôn xuất hiện trong các cuộc trao đổi, hội thảo và những sáng kiến khác mà Bộ Ngoại Giao có cơ hội tham gia. Mặc dù Trung Quốc chưa thừa nhận phán quyết nhưng với Việt Nam, đó là hy vọng sẽ được cộng đồng quốc tế tôn trọng lẽ phải. Điều đó chẳng phải là nhiệm vụ dễ dàng chính vì Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Châu Á*²¹. Trung quốc



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

là đối tác thương mại, nhà đầu tư lớn nhất ở ASEAN, với ý tưởng mới về con đường tơ lụa phải là tín hiệu cho quá trình phát triển trong vùng. Như vậy, Việt Nam có thận trọng trong khi đưa ra những tuyên bố có thể bị xem như là chống Trung Quốc. Tại Thượng đỉnh ASEAN tại Viên Chăn 2016, đánh giá về phán quyết của Tòa quốc tế Hague đã bị bỏ qua.

Trung QuốcNga là một đối tác chiến lược của Việt Nam nhưng từ chối khéo phán quyết của Tòa, với thái độ không rõ ràng, thậm chí nghiêng về Trung Quốc. Trong hoàn cảnh này, Việt Nam tìm sự hậu thuẫn đối với lợi ích của mình qua các hình thái khác.

Ấn Độ ủng hộ tự do hàng hải và các nguyên tắc được xác định trong Quy ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển. Ấn Độ kêu gọi giải quyết xung đột bằng biện pháp hòa bình, đồng thời ngăn chặn leo thang căng thẳng chẳng hạn như tổ chức diễn tập quân sự trong vùng biển tranh chấp và mọi hoạt động khác có thể gây bất ổn trong vùng*²².

Trong cuộc gặp gỡ 14 tháng 7 năm 2016 tại New Delhi, Bộ trưởng quốc phòng Ấn Độ và Nhật Bản cũng xác định tuân thủ những nguyên tắc của UNCLOS, thực chất là thể hiện sự ủng hộ đối với phán quyết của trọng tài quốc tế và kêu gọi tất cả các bên tôn trọng phán quyết của Tòa*²³.

Tuy vậy Mỹ vẫn nổi lên là đồng minh quan trọng nhất trong vấn đề tranh chấp các đảo. Mỹ đã sử dụng mọi công cụ để bày tỏ phản đối với cái gọi là "9 đoạn" nhằm khẳng định đối với vùng biển này. Vào tháng 1.2016 Mỹ đã gửi tàu chiến vào khu vực gần Hoàng sa để thực thi tự do hàng hải. Với Mỹ, dù không phải một bên xung đột, phán quyết của Tòa có lợi cho lợi ích của Mỹ gắn với tự do hàng hải ở vùng biển này - đó là mục tiêu cơ bản và nguyên tắc được khẳng định bởi chính quyền Mỹ. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ kêu gọi giải quyết bất đồng bằng biện pháp hòa bình thuận theo luật pháp quốc tế.

Soạn thảo Bộ quy tắc ứng xử

Như đã thống nhất năm 2012, ASEAN và Trung Quốc xúc tiến trao đổi và thông qua quy tắc ứng xử của các bên trên Biển Đông. Bộ trưởng Ngoại Giao Indonesia Natalegawa vận dụng cái gọi là „Ngoại giao vòng tròn" đã đóng góp vai trò to lớn. Bản dự thảo Bộ quy tắc ứng xử gồm 6 điểm. Thượng đỉnh họp ở Manila ngày 6 tháng 8. 2017, bộ trưởng ngoại



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

giao các nước Trung Quốc và ASEAN thông qua khuôn khổ dự án và một năm sau tại thượng đỉnh ở Singapur thông qua sườn quy tắc ứng xử lần thứ nhất^{*24}.

Phần mở đầu Bản dự thảo đã nhắc lại Tuyên bố DOC. Điều mới ở đây chẳng hạn ràng buộc các quốc gia trong vùng tranh chấp sẽ không hợp tác với các đối tác khác ngoài khu vực. Việt Nam hy vọng, theo thời gian, khi giữ vai trò chủ tịch ASEAN vào năm 2020, Việt Nam sẽ có trách nhiệm kết thúc việc soạn thảo văn bản về Quy tắc ứng xử các bên tại Biển Đông. Đại dịch Covid-19 đã phá vỡ kế hoạch này. Tiếp theo, Trung Quốc khai thác khủng hoảng để tạo cơ hội củng cố yêu sách của mình.

30.03. Việt Nam đã gửi công hàm lên Liên Hợp Quốc, trong đó phản đối đòi hỏi của Trung Quốc, là thể hiện sự đoàn kết với Philippines và Malaysia (hai nước đã gửi công hàm vài tháng trước đó). Theo các nhà phân tích, đó là cách mở ra con đường để thực thi các bước tiếp theo có tính pháp lý trước Tòa án quốc tế Hague.

Năm 2022 Bộ trưởng ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị có chuyến thăm 5 nước trong vùng: Malaysia, Indonesia, Myanmar, Thái Lan và Philippines. Một trong những vấn đề được đề cập đến là đẩy nhanh việc soạn thảo lần cuối cùng Quy tắc ứng xử^{*25}.

Tháng 2.2023, Bộ trưởng Ngoại Giao Indonesia, nước đảm nhiệm vai trò chủ tịch ASEAN Retno Marsudi nói rằng Thượng đỉnh 2023 sẽ bàn bạc về Quy tắc ứng xử của các bên. Giám đốc Ủy ban các vấn đề Hợp tác với ASEAN trực thuộc Bộ Ngoại Giao Indonesia Sidharto R. Suryodipuro khẳng định cách "tiếp cận mới" sẽ được bàn thảo bởi tất cả các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc để đạt được tiến bộ trong vấn đề Quy ước ứng xử của các bên. Quan trọng là tất cả đồng ý và tương lai cần được thực thi, thuận theo luật pháp quốc tế^{*26}. Tuy nhiên, thông tin ngoài rìa cho thấy các cuộc đàm phán rơi vào bế tắc.

Tóm lại: Việt Nam và chiến lược "hedging".

Việt Nam theo đuổi đa phương hóa đối tác trong chính sách ngoại giao và cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc. Dù cộng đồng quốc tế có phán quyết của Tòa trọng tài quốc tế và nhiều tuyên bố tẩy chay yêu sách của Trung Quốc ở Biển Đông, giải quyết xung đột vẫn còn xa vời. Ta có thể nhìn thấy rất rõ Trung Quốc - một trong các bên xung đột - là nước có khả năng tác động mạnh nhất lên quan hệ quốc tế tại Biển Đông. Các quốc gia của ASEAN không thể nào chống lại được tham vọng bành trướng của Trung Quốc trong khu vực.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Như vậy, để hiện thực hóa khả năng giành lại chủ quyền trên các biển đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đối thủ kiên định nhất của Trung Quốc trong bình diện hoạt động quốc tế chỉ có thể là Việt Nam với chiến lược "hedging". Yếu tố cốt lõi là đảm bảo cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Biển Đông là bằng cách tăng cường sự can dự nhiều hơn của Mỹ và các cường quốc trong vùng. Mỹ là đối tác thứ 2 quan trọng nhất của Việt Nam, đang ủng hộ những vấn đề của Việt Nam trên vùng biển Nam Trung Hoa, dù mối quan hệ bị hạn chế bởi sự lo ngại của Hà Nội trước chủ nghĩa bá quyền của Trung Quốc.

Mỹ và Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác toàn diện năm 2013. Cho đến nay Việt Nam chỉ mới thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc (năm 2008), Nga (năm 2012), Ấn Độ (năm 2016) và Hàn Quốc (năm 2022).

Dù không có danh nghĩa quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, quan hệ mật thiết hai bên đã được khẳng định "không chính thức" là "chiến lược tầm cao", theo như nhận xét của một quan chức. Mỹ là nước đang hỗ trợ vị trí của Việt Nam trên biển và bảo đảm sự giúp đỡ to lớn trong việc xây dựng năng lực và vị thế trên biển. Hà Nội là bên thầm lặng ủng hộ chiến lược Tự do và Mở cửa ở Ấn Độ Dương- Thái Bình Dương và can dự của Mỹ tại những vấn đề trong khu vực^{*27}.

Một ví dụ trong những hoạt động ngoại giao là chuyến đi của cựu Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc đến Mỹ vào tháng 5 năm 2017, không lâu sau phán quyết của Tòa quốc tế về Biển Đông. Đây là chuyến thăm thứ 3 quan trọng nhất ở cấp cao trong quan hệ Mỹ - Việt Nam kể từ thời điểm tháng 7. 2015, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng sang Mỹ, rồi Tổng thống Obama đến Việt Nam vào tháng 5 năm sau (1916). Năm 2018, lần đầu tiên Việt Nam tham gia diễn tập quân sự chung Vành đai Thái Bình Dương (Rim of the Pacific) do Mỹ tiến hành. Đây là minh chứng thêm cho hợp tác song phương trong lĩnh vực an ninh. Chuyến thăm chính thức của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Lloyd Austin và Phó TT Mỹ Kamali Harris vào thời gian các tháng 7 và tháng 8 năm 2021 báo hiệu ý muốn của Mỹ đẩy mạnh hơn liên kết với Việt Nam của chính quyền Tổng thống Biden. Thách thức lớn trong quan hệ gần gũi 2 bên là sự thận trọng của Hà Nội trong việc thúc đẩy liên kết chiến lược với Washington, do sợ những lo ngại từ Bắc Kinh, mà Hà Nội cố gắng giữ cân bằng giữa 2 cường quốc. Các chuyên gia khá đồng thuận, rằng "nếu không có gì bất ngờ, chắc chắn Việt Nam sẽ không cho phép lực lượng quân sự Mỹ nhiều hơn là từng đợt tiếp cận căn cứ quân sự của mình"^{*28}.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Việt Nam cũng tăng cường quan hệ với Nhật, mà các cuộc tiếp xúc của các nhà lãnh đạo 2 nước nói lên điều đó. Tháng 5. 2017, chủ tịch Hạ Viện và Bộ trưởng Thương mại đã đến Hà Nội. Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh, Phó chủ tịch nước Đặng Thị Ngọc Thịnh hồi tháng 5, và tháng 6, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc từng thăm Tokyo. Với Hà Nội chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa đối tác nước ngoài, mà việc tăng cường hợp tác với Mỹ và Tokyo là biểu hiện nổi bật, là từng bước hội nhập với cộng đồng thế giới nhưng vẫn tìm kiếm đối tác đảm bảo cân bằng sức mạnh trong xung đột về tranh chấp Biển Đông.

Năm 2014, Việt Nam và Nhật Bản đã đạt được thỏa thuận trong việc mở rộng đối tác chiến lược về "Chiến lược Toàn diện vì hòa bình và thịnh vượng ở châu Á" *29.

Sự hợp tác cũng liên quan đến lĩnh vực an toàn hàng hải, trong đó cả ở trên Biển Đông. Thủ tướng Nhật Premier Suga Yoshihide cũng đã thăm Việt Nam vào tháng 10. 2020. Hai nước thỏa thuận tiếp tục hợp tác trong quốc phòng và an ninh. Việt Nam và Nhật đồng ý cung cấp khí tài, chuyển giao công nghệ (Associated Press 19 października 2020). Trong lần thăm này, Thủ tướng Suga tuyên bố về khả năng Việt Nam sẽ tham gia trong hiệp định "Quad plus" (Báo Times of India, 21 marca 2020). Chiến lược "hedging" ít nhiều nhắc nhở Việt Nam cần thận trọng với phản ứng của Trung Quốc*30.

Khi Việt Nam đa phương hóa đối tác quân sự và ngoại giao, trong số các mối quan hệ mà Việt Nam liên kết, Ấn Độ là một bên đang hỗ trợ cho chiến lược "hedging" không thể bỏ qua. Hai nước đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, dựa trên sự hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng. Trong khuôn khổ chính sách Hành động Hướng Đông (Act East) của Thủ tướng Ấn Độ Modi, hai nước có chung lợi ích chiến lược trong phạm vi chống lại ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Tháng 12. 2020 Hà Nội và Delhi ra tuyên bố chung liên quan đến tăng cường trao đổi khí tài quân sự, đào tạo, thiết lập chương trình xây dựng năng lực quốc phòng tiềm năng*31.

Có thể hy vọng rằng, Ấn Độ sẽ tiếp tục nỗ lực cải thiện hợp tác chiến lược với Việt Nam trong những vấn đề an toàn trong khu vực. Với Ấn Độ, Việt Nam là chỗ dựa cho đường lối chủ động của Ấn Độ tại Đông Nam Châu Á. Việt Nam cũng khuyến khích Ấn Độ liên kết chặt chẽ hơn với Đông Nam châu Á. Theo lời Đại sứ Việt Nam tại Ấn Độ Phạm Sanh Châu, hai nước chia sẻ quan điểm rằng, ASEAN đang đóng vai trò trung tâm trong mỗi kiến trúc an ninh đang nảy sinh trong vùng. Việt Nam sẽ giúp Ấn Độ mở rộng phạm vi hoạt động



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

ngoài Biển Ấn Độ dương^{*32}. An toàn trên biển càng là yếu tố kéo 2 quốc gia xích lại gần nhau. "Giao lưu gắn kết" có nhiệm vụ hỗ trợ tham dự nhiều hơn của một đối tác tiềm năng trong vấn đề tranh chấp trên biển Đông và giúp cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc.

Một đối tác không chắc chắn nhưng quan trọng, từng được thử thách trong quá khứ, là Nga. Việt Nam và Nga đã siết chặt hợp tác và đang lập những dự án khai thác dầu ở vùng Biển Đông. Hà Nội vẫn tìm kiếm các đối tác khác, nhờ vậy đã hạn chế mưu đồ của Bắc Kinh. Ngay lúc này, Bắc Kinh tiếp tục đưa ra tín hiệu gắn với chính sách bành trướng trên biển khi lắp đặt thiết bị mới ở vùng đá ngầm Bombay. Nga mong muốn tiếp tục thắt chặt liên kết với các nước như Việt Nam để không phụ thuộc vào kinh tế của Trung Quốc khi mà Nga đang bị các nước Mỹ và Phương Tây áp đặt trừng phạt vì ủng hộ quân ly khai ở Ukraina.

Đúng như thông tấn xã đưa tin, trong chuyến thăm tháng 11.2018 của Medvedev, Thủ tướng Việt Nam trong phát biểu của mình đã nêu sự cần thiết phải giải quyết tranh chấp trên biển Đông bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở tôn trọng luật quốc tế, điều lãnh đạo Nga đã chấp thuận. Điều này cũng được Nga mong muốn làm mới liên minh trước đây với Hà Nội, dẫn lời ông Putin là vào năm 2017, khẳng định rõ ràng rằng Nga muốn trở thành thành viên ngày càng tích cực hơn trong khu vực và sự có mặt của Nga tại Đông Nam Châu Á tạo thuận lợi cho thực thi ngày càng hiệu quả hơn Hiệp định Thương Mại tự do Việt Nam với Liên Minh Kinh tế Á-Âu (EUV-FTA) từ năm 2016.

Nga là nước cung cấp vũ khí lớn nhất cho Việt nam (74% nhập khẩu khí tài của Việt Nam là từ Nga^{*33}). Ngoài ra, trên cơ sở thỏa thuận 2014, tàu chiến Nga được phép tiếp cận căn cứ quân sự Cam Ranh. Tuy vậy, can dự của Nga vào tranh chấp trên biển Đông là không đáng kể. Việt Nam cũng thận trọng khai thác sự can dự mang tính trung lập này.

Chiến lược "Hedging" của Việt Nam hướng tới tìm kiếm kết nối mới. Có thể kể đến một đối tác tiềm năng là Canada, dù Việt Nam mới chỉ gia tăng quan tâm liên kết phòng thủ với Canada. Các chuyến thăm Việt Nam của các tàu quân sự Canada, chương trình đào tạo quân sự và hợp tác của Canada với Việt Nam (chính thức khai trương năm 2017), cho thấy Canada có mục tiêu đóng vai trò ngày càng lớn hơn trong vùng châu Á, Thái Bình Dương, còn Hà Nội xem xét Canada là một đồng minh có "nhã ý" khi đặt dấu ấn trong cuộc gặp giữa Ngô Xuân Lịch (Bộ trưởng quốc phòng Việt Nam) và ngài Harjitem Sajjanem^{*34}.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Một nước quan tâm đến việc tăng cường liên kết phòng thủ với Việt Nam là Úc. Bằng chứng là Úc mời Việt Nam tham gia chương trình thao diễn quân sự "Australia's Indo-Pacific Endeavour" năm 2019 (IPE 2019) và chuyến thăm của 2 tàu tuần tra HMAS „Canberra” và tàu khu trục HMAS Newcastle. Năm 2010, hai bên đạt được Hiệp định có hiệu lực cho phép tổ chức đào tạo nhân viên trong lĩnh vực ngôn ngữ, hoặc đào tạo lính ở các trường tại Úc. Trong quá trình đó, hai bên đã xác lập các cuộc trao đổi năm 2017, cùng với tăng cường liên kết chính trị, đưa đến việc nâng cấp quan hệ 2 nước thành đối tác chiến lược một năm sau.

Cần chú ý rằng chiến lược "hedging" của Việt Nam cũng bao gồm cả Trung Quốc. Chiến lược của Việt Nam nhằm mở rộng phạm vi các đối tác trong lĩnh vực phòng thủ và hạn chế bùng phát những điểm nóng tiếp với Trung Quốc được xem là mục tiêu số 1.

Mỹ muốn nâng cấp quan hệ Việt – Mỹ lên mức đối tác chiến lược - điều chắc chắn là Bắc Kinh sẽ không tiếp nhận một cách tích cực. Rất ít khả năng, là Hà Nội tiếp tục đẩy mạnh quá trình làm sâu sắc quan hệ gần gũi với Mỹ do chiến tranh ở Ukraina để tránh sự trả đũa từ phía Trung Quốc.

Theo quan điểm của chính quyền Việt Nam, giải pháp tốt nhất là giữ cân bằng giữa các cường quốc, giữ hợp tác kinh tế với Trung Quốc và sự hiện diện quân sự của Mỹ ở vùng châu Á, Thái Bình Dương. Điều đó làm giảm rủi ro tranh chấp trên Biển Đông mở rộng.

Tài liệu tham khảo

1* G. Dijkink, Geopolitical codes and popular representations, "GeoJournal" 1999, vol. 46, no. 4, s. 293-299.

2* Nguyen Khac Huynh, Vietnamese Diplomacy. The Method and Art of Negotiation, The Gioi Publishers, Hanoi

2013; Nguyen Dy Nien, Ho Chi Minh thought on Diplomacy, The Gioi Publishers, Hanoi 2008.

3* C.A. Thayer, Vietnam's Foreign Policy in an Era of Rising Sino-US Competition and Increasing Domestic Political Influence. Asian Security, s. 3-4.

4* Ibidem.

5* C.A. Thayer, Vietnam's Strategy of 'Cooperating and Struggling' with China over Maritime Disputes in the

South China Sea, Journal of Asian Security and International Affairs 3(2), s. 210-214.

6* [https://www.rand.org/blog/2019/01/vietnams-defense-policy-of-no-quietly-saves-room-](https://www.rand.org/blog/2019/01/vietnams-defense-policy-of-no-quietly-saves-room-for.html#:~:text=The%20common%20refrain%20on%20the,military%20bases%20on%20Vietnamese%20soil)

[for.html#:~:text=The%20common%20refrain%20on%20the,military%20bases%20on%20Vietnamese%20soil](https://www.rand.org/blog/2019/01/vietnams-defense-policy-of-no-quietly-saves-room-for.html#:~:text=The%20common%20refrain%20on%20the,military%20bases%20on%20Vietnamese%20soil)



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- 7* Thuy T. Do, Vietnam's Emergence as a Middle Power in Asia: Unfolding the Power–Knowledge Nexus, *Journal of Current Southeast Asian Affairs* 2022, Vol. 41(2)ss. 279–302, 294-296.
- 8* M. Sobczyński, Uwarunkowania geopolityczne międzynarodowego sporu o Wyspy Spratly (“Geopolitical Conditions of the International Conflict about Spratly Islands”), [in:] *Problemy rozwoju państw azjatyckich (Development Problems of Asian States)*, ed. J. Marszałek-Kawa, Wyd. Adam Marszałek, Toruń 2008, s. 107.
- 9* Kent Bolton, Domestic Sources of Vietnam's Foreign Policy: Normalizing relations with the United States [in:] *Vietnamese Foreign Policy In Transition*, Ed by Carlyle A. Thayer, Ramses Amer, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore 1999. s. 150.
- 10* Pełny tekst komunikatu patrz pod adresem internetowym: <http://www.fmprc.gov.cn/eng/4471.html> (15.08 2010)
- 11* Michael A. Glosy, Stabilizing the back yard: Recent development In China's Policy Toward Southeast Asia [w:] eds. J. Eisenman, E. Heginbotham D. Mitchell. *China and the Developing World: Beijing's Strategy for the 21st Century* (Armonk, N.Y.: M.E. Sharpe, 2007), pp. 150-188, s 165.
- 12* http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/submission_mysvnm_33_2009.htm (5.08 2012)
- 13* Portiakow O niekatorych osobiennostiach wnieszniej polityki Kitaja w 2009-2011, „Problemy Dal niego Wostoka” 2012, nr 2, s. 34.
- 14* <http://www.chinausfocus.com/print/?id=27029>. (12. 08 2013)
- 15* <http://www.thanhniennews.com/index/pages/20120810-us-china-in-east-sea-scrap.aspx> (12.08 2013)
- 16* G.M. Lokszyń, Južno-kitajskije Morie: Do Mira i Spokojstwija jeshcho dalieko, *Tichookeanskoje Obrazowanije 2012-2013*, Moskwa 2014, s. 254.
- 17* Ibidem, s. 249.
- 18* Ibidem.
- 19* <https://pca-cpa.org/wp-content/uploads/sites/175/2016/07/PH-CN-20160712-Award.pdf> (5.01 2016)
- 20* <https://pca-cpa.org/wp-content/uploads/sites/175/2016/07/PH-CN-20160712-Award.pdf>
- 21* Szerzej na ten temat patrz: M. Pietrasiak, The ASEAN's Attitude to the South China Sea Dispute after the Verdict of the Permanent Court of Arbitration , „Przegląd Strategiczny” nr 13 2020 ss215-228. <http://studiastategiczne.amu.edu.pl/wp-content/uploads/2020/12/PS-2020-13-13.pdf>
- 22* <http://www.mea.gov.in/press-releases.htm?dtl/27019/Statement+on+Award+of+Arbitral+Tribunal+on+South+China+Sea+Under+Annexure+VII+of+UNCLOS> (13. 11 2016)
- 23* Joint Statement after the meeting Between Raksha Mantri and Japanese Defence Minister in New Delhi



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

<http://pib.nic.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=147097> (13.11. 2016)

24* Viet Hoang, The Code of Conduct for the South China Sea: A Long and Bumpy Road,
<https://thediplomat.com/2020/09/the-code-of-conduct-for-the-south-china-sea-a-long-and-bumpy-road/>
(20.01.2023)

25* Sebastian Strangio, Chinese FM Pledges Progress on South China Sea Code of Conduct
<https://thediplomat.com/2022/07/chinese-fm-pledges-progress-on-south-china-sea-code-of-conduct/>

26* <https://economictimes.indiatimes.com/news/defence/asean-chair-indonesia-to-intensify-talks-on-code-for-south-china-sea/articleshow/97598528.cms>

27* <https://www.crisisgroup.org/asia/north-east-asia/china/318-vietnam-tacks-between-cooperation-and-struggle-south-china-sea>

28* Ibidem

29* <https://dergipark.org.tr/en/download/article-file/2544043>

30* Ibidem.

31* India - Vietnam Joint Vision for Peace, Prosperity and People,
<https://www.pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=1682468> (15.02.2023)

32* Huỳnh Tâm Sáng, The Growing Importance of Vietnam to India's South China Sea Policy
<https://www.airuniversity.af.edu/JIPA/Display/Article/2980923/the-growing-importance-of-vietnam-to-indias-south-china-sea-policy/>

33* SIPRI Military Expenditure Database, March 2019.

34* <https://dergipark.org.tr/en/download/article-file/2544043>

35* <https://obserwatormiedzynarodowy.pl/2023/01/25/dr-michal-zareba-polityczne-zawierowania-w-wietnamie>



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



**THƯ TỊCH VÀ BẢN ĐỒ CỔ CHỨNG MINH CHỦ QUYỀN
CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI HAI QUẦN ĐẢO
HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA**

TS Trần Đức Anh Sơn

Trường Đại học Đông Á, Đà Nẵng, Việt Nam

e-mail : anhsontd@gmail.com

MỞ ĐẦU

Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở Biển Đông, đã được người dân Việt Nam phát hiện và khai phá từ nhiều thế kỷ trước. Sau đó, chính quyền chúa Nguyễn (1558 - 1775) ở Đàng Trong, chính quyền Tây Sơn (1786 - 1802) và vương triều Nguyễn (1802 - 1945) đã tổ chức lực lượng ra khai thác các nguồn lợi từ vùng biển và các đảo thuộc hai quần đảo, tuyên bố chiếm hữu (từ thế kỷ XVII), xác lập và thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo này (từ đầu thế kỷ XIX).

Nhiều nguồn sử liệu và bản đồ cổ của Việt Nam, của Trung Quốc và các nước phương Tây, xuất bản trong các thế kỷ XVI - XIX đã cung cấp nhiều thông tin chứng minh chứng minh Việt Nam đã chiếm hữu, xác lập và thực thi chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở Biển Đông từ lâu đời, đồng thời bác bỏ những tuyên bố của Trung Quốc về cái gọi là “chủ quyền lịch sử” của họ đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông.

Tham luận này đã giới thiệu các nguồn tư liệu lịch sử và bản đồ cổ có nguồn gốc từ Việt Nam, phương Tây và cả Trung Quốc để chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

1. THƯ TỊCH CỔ VIỆT NAM CHỨNG MINH CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

Tư liệu về Hoàng Sa trong thư tịch cổ Việt Nam rất đa dạng và phong phú. Đó là các văn bản hành chính do nhà nước phong kiến Việt Nam ban hành; các tấu trình của quan lại chính quyền các cấp; các bộ chính sử, điển lệ do nhà nước tổ chức biên soạn và ấn hành; các trước tác, biên khảo về lịch sử, địa dư, phong thổ của các học giả đương thời... có ghi chép, phản ánh về quá trình khai phá, xác lập chủ quyền và hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa trong các thế kỷ XVII - XIX.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Hoàng Sa trong thư tịch cổ thời Lê - Trịnh, chúa Nguyễn và Tây Sơn (thế kỷ XVII - XVIII)

Những ghi chép về Hoàng Sa trong thư tịch cổ thời Lê - Trịnh, chúa Nguyễn và Tây Sơn đang được lưu trữ tại các thư viện, trung tâm lưu trữ của nhà nước; tại các đình, miếu, nhà thờ tộc họ... ở Việt Nam; tại các thư viện, văn khố ở nước ngoài. Tiêu biểu là các thư tịch: *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, *Đại Việt sử ký tục biên*, *Phủ biên tạp lục* và những văn bản hành chính phản ánh hoạt động quản lý và thực thi chủ quyền đối với Hoàng Sa trong các thế kỷ XVII - XVIII.

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*

Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (纂集天南四至路圖書) là tập bản đồ nước ta do Đỗ Bá soạn vẽ theo lệnh của chúa Trịnh vào năm Chính Hòa thứ 7 (1686) triều vua Lê Hy Tông (1676 - 1705). Đây là thư tịch liên quan đến Hoàng Sa có niên đại sớm nhất được phát hiện ở Việt Nam từ trước đến nay.

Mở đầu tập bản đồ này là bài dẫn, tựa là *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư dẫn* (天南四至路圖書引), giới thiệu sơ lược về thân thế tác giả và một số nội dung cơ bản của tập bản đồ này, trong đó có đoạn viết về địa danh 罷吉鑛 (*Bãi Cát Vàng*) ở ngoài khơi phủ Quảng Ngãi và việc chính quyền Đàng Trong hàng năm đều cử binh thuyền ra thu nhật của cải từ các tàu bị đắm do bão giạt vào nơi này.

Ngoài ra, tại quyển 1 của *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* ghép chung với tập *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* (甲午年平南圖) trong bộ sách có tên *Hồng Đức bản đồ* (洪德本圖), có tờ bản đồ vẽ hình thế huyện Bình Sơn (phủ Quảng Ngãi) và vùng biển ở phía đông huyện này. Phía trên tờ bản đồ này có phần chú dẫn bằng chữ Hán, miêu tả địa danh 罷葛鑛 (*Bãi Cát Vàng*) nằm ở ngoài khơi huyện này, khoảng cách từ đất liền đi đến *Bãi Cát Vàng* và hoạt động thu nhật của cải từ các tàu đắm trôi giạt vào nơi này dưới thời các chúa Nguyễn (thế kỷ XVII - XVIII), tương tự như nội dung chép trong *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư dẫn*.

Những dòng chú dẫn này là bằng chứng cho thấy vào thế kỷ XVII người Việt đã biết đến Hoàng Sa, đã đặt tên Nôm cho vùng đảo này là *Bãi Cát Vàng* và chính quyền Đàng Trong đương thời đã thường xuyên đưa binh thuyền đến đây để khai thác nguồn lợi ở nơi này.

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Thiên Nam lộ đồ*

Thiên Nam lộ đồ (天南路圖) là tập bản đồ nước Đại Việt do Nhữ Ngọc Hoàn (汝玉丸) soạn vẽ vào năm 1771. Tập bản đồ này gồm bản đồ Trung Đô (Thăng Long) và 13 thừa tuyên của nước ta lúc đó, vẽ chi tiết đến các phủ, huyện, xã, cùng với bản đồ các trục đường từ Trung Đô đi về phía nam và đi lên phía bắc. Phần sau tập bản đồ có đính kèm tờ bản đồ số 43 trong *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* của Đỗ Bá. Tờ bản đồ số 78 trong tập



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Thiên Nam lộ đồ có miêu tả về Bãi Cát Vàng ở ngoài khơi và ghi nhận việc chúa Nguyễn ở Đàng Trong hàng năm đưa thuyền đến đây thu nhặt của cải, súng đạn từ các tàu đắm ở nơi này như nội dung đã chép trong *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*.

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Phủ biên tạp lục*

Phủ biên tạp lục (撫邊雜錄) là bộ sách do Lê Quý Đôn (1726 - 1784) biên soạn năm 1776. Sách gồm sáu quyển, trong đó quyển 1 và quyển 2 có những ghi chép liên quan đến Hoàng Sa. Đặc biệt, quyển 2 đã dành nhiều trang miêu tả về địa lý và hình thế của quần đảo Hoàng Sa, mà Lê Quý Đôn gọi là *Đại Trường Sa*, cùng quá trình khai thác, xác lập chủ quyền trên vùng biển đảo này thông qua hoạt động của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải dưới thời chúa Nguyễn.

Phủ biên tạp lục là tư liệu cung cấp những thông tin đầy đủ nhất về Hoàng Sa và hoạt động của hai đội Hoàng Sa và Bắc Hải, cho biết chúa Nguyễn không chỉ khai thác Hoàng Sa mà đã vươn ra làm chủ các vùng biển Bắc Hải (nay là quần đảo Trường Sa) và các vùng biển đảo phía nam như Bình Thuận, Côn Lôn, Hà Tiên... ngay từ đầu thế kỷ XVIII.

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Đại Việt sử ký tục biên*

Đại Việt sử ký tục biên (大越史記續編) được biên soạn theo lệnh của chúa Trịnh Sâm (1739 - 1782), viết về lịch sử Việt Nam từ năm 1676 đến năm 1789, tức là từ triều Lê Hy Tông (1663 - 1716) đến triều Lê Chiêu Thống (1765 - 1793) nhà Hậu Lê. Bộ sử này gồm sáu cuốn, được chính thức khắc in vào năm Chính Hòa thứ 18 (1797). Phần lớn nội dung *Đại Việt sử ký tục biên* ca ngợi công lao của các chúa Trịnh, nên đến thời Nguyễn bộ sử này bị cho là “yêu thư”. Năm 1838, vua Minh Mạng đã ra lệnh cấm lưu hành và tiêu hủy các bản in bộ *Đại Việt sử ký tục biên*. Tuy chủ yếu viết về triều đình Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, nhưng *Đại Việt sử ký tục biên* cũng ít nhiều quan tâm đến tình hình Đàng Trong đương thời và có những ghi chép về hoạt động của đội Hoàng Sa vào năm Cảnh Hưng thứ 15 (1754). Đây là những ghi chép sớm nhất về biên chế và hoạt động của đội Hoàng Sa thời chúa Nguyễn, đồng thời miêu tả khá rõ về vị trí, hình thế, số lượng các đảo, sản vật tự nhiên... của quần đảo Hoàng Sa.

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Quảng Thuận đạo sử tập*

Quảng Thuận đạo sử tập (廣順道史集) do Nguyễn Huy Quýnh (1734 -1786) biên soạn trong khoảng thời gian từ năm 1774 đến năm 1785. Đây là một tư liệu quan trọng viết về Đàng Trong vào cuối thế kỷ XVIII. Trong tác phẩm này, Nguyễn Huy Quýnh đã ghi chép về lộ trình bằng đường bộ và đường thủy từ xứ Thuận Hóa đến phủ Gia Định, miêu tả rất rõ các dịch trạm trên đường, bến đò, các sở tuần, kho, dinh thự, chùa quán, lâm thổ sản, thuế lệ và thời gian di chuyển... trên các cung đường này kèm bản đồ minh họa. Trong đó,



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

có hai đoạn có liên quan đến hoạt động của đội Hoàng Sa Nhị ở xã An Vĩnh trên đảo Lý Sơn.

Hai đoạn ghi chép trên cho biết cư dân xã An Vãng (đúng ra là phường An Vĩnh) ở trên Cù Lao Ré (đảo Lý Sơn) đã lập một đội riêng, gọi là 潢沙隊二 (Hoàng Sa đội nhị: đội Hoàng Sa Nhị) do phường này quản lý, khác với đội Hoàng Sa Nhất do xã An Vĩnh ở trong đất liền quản lý.

*** Ghi chép về Hoàng Sa trong *Giao Châu dư địa đồ***

Giao Châu dư địa đồ (交州與地圖) là tập biên khảo về địa lý nước Đại Việt, biên soạn vào thời Lê, sao lục dưới thời Nguyễn, miêu tả vị trí, giới hạn, chiều rộng, hình thế, các đường thủy bộ, các cửa biển... của nước ta và các tờ bản đồ, gồm bản đồ Đại Việt, bản đồ các nước tiếp giáp nước ta, bản đồ thành Thăng Long, bản đồ các xứ: Kinh Bắc, Sơn Nam, Sơn Tây, Hải Dương, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hóa, An Quảng, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa và Quảng Nam, và các bản đồ đường thủy và đường bộ từ Thăng Long đi về phía Nam (Đàng Trong). Trong biên khảo này có phần phụ chép bảy trang, gồm *Thiên tải nhàn đàm* (千載閒談) và *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư dẫn* (天南四至路圖書引). Trong đó có đoạn viết về Bãi Cát Vàng và hoạt động của đội Hoàng Sa thời chúa Nguyễn.

*** Văn bản giải quyết vụ kiện ở làng Mỹ Lợi liên quan đến Đội Hoàng Sa**

Văn bản đề năm Cảnh Hưng thứ 20 (1759) được cất giữ tại đình làng Mỹ Lợi hàng trăm năm nay. Nội dung văn bản là phán quyết của chính quyền địa phương, giải quyết vụ tranh chấp chiếc ghe của đội Hoàng Sa giữa phường Mỹ Toàn (nay là làng Mỹ Lợi, xã Vĩnh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế) và phường An Bằng (nay là làng An Bằng, xã Vĩnh An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế), do quan sở tại phê phỏ.

Văn bản này là bằng chứng cho thấy chính quyền Đàng Trong không chỉ huy động cư dân Quảng Ngãi, mà còn huy động cư dân Thuận Hóa (nay là tỉnh Thừa Thiên Huế) cùng tham gia vào đội Hoàng Sa. Điều này chứng tỏ biên chế của đội Hoàng Sa là khá đông và phạm vi hoạt động của đội trải khắp vùng biển miền Trung lúc đó.

*** Tờ đơn xin tái lập Đội Hoàng Sa ở đảo Lý Sơn thời Tây Sơn**

Đây là tờ đơn đề ngày 15 tháng Giêng năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775), do ông Hà Liễu, Cai hợp phường Cù Lao Ré xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi, đứng tên, gửi chính quyền Tây Sơn để xin tái lập đội Hoàng Sa.

Đơn này đã được gửi đến chính quyền Tây Sơn do Nguyễn Nhạc đứng đầu xem xét và được chuẩn thuận. Đây là tư liệu rất có giá trị, xác nhận từ đầu thế kỷ XVII, các chúa Nguyễn đã lập đội Hoàng Sa và đội Quế Hương để khai thác nguồn lợi từ Hoàng Sa. Đến



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

khi chính quyền Tây Sơn thay thế họ Nguyễn cai quản vùng đất này thì hai lập đội Hoàng Sa và Quế Hương đã được tái lập và tiếp tục hoạt động dưới sự quản lý của chính quyền Tây Sơn, vừa khai thác nguồn lợi từ Hoàng Sa, vừa góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo. Tư liệu này cũng cho biết ngoài hai đội Hoàng Sa và Bắc Hải đã được nhiều sử liệu nhắc đến, còn có thêm đội Quế Hương và sau này là đội Đại Mạo Hải Ba và đội Quế Hương Hàm, cùng tham gia khai thác các nguồn lợi ở Hoàng Sa và các vùng biển đảo khác ở Đàng Trong. Đồng thời họ còn tình nguyện trở thành những chiến binh trên biển, sẵn sàng chiến đấu chống lại những kẻ xâm phạm lãnh hải, bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

*** Chỉ thị của Thái phó triều Tây Sơn về việc khai thác nguồn lợi ở Hoàng Sa**

Đây là bản chỉ thị đề ngày 14 tháng 2 năm Thái Đức thứ 9 (1786) của Thái phó Tổng lý Quản binh dân chư vụ Thượng tướng công (không rõ tên) triều đình Tây Sơn về việc cử binh thuyền ra Hoàng Sa thu nhặt của cải từ các tàu đắm và khai thác các loại hải sản quý nộp cho triều đình.

Những văn bản liên quan đến Hoàng Sa thời Tây Sơn cho thấy mặc dù tồn tại trong một thời gian không lâu (1771 - 1801), chính quyền Tây Sơn vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động khai thác và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và những vùng biển đảo khác ở Đàng Trong lúc bấy giờ.

1.2. Hoàng Sa trong thư tịch cổ thời Nguyễn (thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX)

Thư tịch cổ thời Nguyễn (1802 - 1945) liên quan đến Hoàng Sa rất nhiều. Đó là các văn bản hành chính của chính quyền, từ trung ương đến địa phương, liên quan đến việc xác lập, thực thi chủ quyền, quản lý lãnh thổ, khai thác tài nguyên, nguồn lợi hải sản... ở Hoàng Sa như: dụ, phiến, tấu,... của các quan tấu trình nhà vua, có bút tích phê duyệt của nhà vua; các bộ chính sử, điển lệ, dư địa chí,... do triều đình tổ chức biên soạn; các hồi ký, biên khảo, thơ văn,... của tác gia đương thời; đơn từ của người dân gửi đến chính quyền các cấp và văn thư phản hồi của chính quyền,... có liên quan đến Hoàng Sa.

Trong đó, quan trọng nhất là các châu bản và những sử liệu do Quốc sử quán, Nội các triều Nguyễn và các học giả đương thời biên soạn.

1.2.1. Hoàng Sa trên châu bản triều Nguyễn

Châu bản là một dạng văn bản hành chính đặc biệt của triều Nguyễn, do quan lại của triều đình soạn thảo, tấu trình lên nhà vua. Nhà vua đích thân *ngự lãm* và *ngự phê* trên các văn bản này bằng mực đỏ (châu) để truyền đạt ý kiến, trực tiếp giải quyết những vấn đề mà các quan tấu trình. Châu bản triều Nguyễn bao gồm các loại: *dụ, chiếu, chỉ, thân, bản kê, tấu, sớ, bản dịch văn bản ngoại giao* và các dạng công văn khác.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Kho tàng châu bản triều Nguyễn hiện đang lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia 1 (Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Bộ Nội vụ) gồm 734 tập với hàng ngàn trang văn bản, có niên đại từ triều Gia Long (1802 - 1820) đến triều Bảo Đại (1926 - 1945). Trong số đó có 15 châu bản chữ Hán ghi nhận quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của triều Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa. Ngoài ra, vào năm 2009, nhà nghiên cứu Phan Thuận An đã phát hiện và công bố thêm hai châu bản của triều Bảo Đại viết bằng chữ Việt, kèm theo một văn bản chữ Pháp, có liên quan đến hoạt động thực thi chủ quyền ở Hoàng Sa thời Pháp thuộc.

Nội dung các châu bản này ghi nhận triều Nguyễn đã liên tục cử người ra Hoàng Sa (và những vùng biển đảo khác trên Biển Đông) để khảo sát, cắm mốc và đo vẽ bản đồ; thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn đối với thuyền bè của Việt Nam và thuyền bè nước ngoài gặp nạn trên vùng biển Việt Nam; ban hành và thực hiện các chính sách ưu đãi đối với những người được triều đình cử đi thực thi công vụ ở Hoàng Sa; ban thưởng cho những người đã chịu đựng gian khó hoặc lập được công lớn và xử phạt những người trễ nãi, không hoàn thành nhiệm vụ khi đi công cán ở Hoàng Sa.

1.2.2. Hoàng Sa trong chính sử, điển lệ, dư địa chí... thời Nguyễn

Hoạt động thực thi và bảo vệ chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa không chỉ được phản ánh trong các văn bản hành chính nhà nước, mà còn được ghi nhận trong các bộ chính sử, điển chế, dư địa chí... do triều Nguyễn tổ chức biên soạn, cũng như trong những trước tác của các học giả đương thời.

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Đại Nam thực lục*

Đại Nam thực lục (大南寔錄) là bộ chính sử do Quốc sử quán triều Nguyễn (阮朝國史館) biên soạn, ghi chép các sự kiện lịch sử từ khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa (1558) trải đến triều vua Khải Định (1925). Phần đầu của *Đại Nam thực lục* gọi là *Đại Nam thực lục tiền biên* hay *Liệt thánh thực lục tiền biên*, gồm 12 quyển, ghi chép các sự kiện diễn ra ở Đàng Trong, từ đời chúa Nguyễn Hoàng đến đời chúa Nguyễn Phúc Thuần (từ năm 1558 đến năm 1777). Phần thứ hai là *Đại Nam thực lục chính biên* hay *Quốc triều chính biên*, gồm 587 quyển, ghi chép các sự kiện lịch sử kể từ khi Nguyễn Ánh cầm quyền ở phương Nam cho đến hết triều vua Đồng Khánh (từ năm 1778 đến năm 1889). *Đại Nam thực lục* khởi soạn từ năm Minh Mạng thứ 2 (1821) đến năm Duy Tân thứ 2 (1909) thì hoàn thành phần *Tiền biên* và sáu kỷ đầu của phần *Chính biên*.

Trong bộ sử này có rất nhiều đoạn viết về quá trình khai phá, xác lập và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và những vùng biển đảo khác của Việt Nam từ thời chúa Nguyễn đến thời Nguyễn. Cụ thể như sau:



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- *Đại Nam thực lục tiền biên* (quyển 10, tờ 24) chép về hoạt động của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải thời chúa Nguyễn.

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhất kỷ, quyển 22, tờ 2a), năm Gia Long thứ 2 (1803), chép việc vua Gia Long sau khi lên ngôi được một năm đã cho tái lập đội Hoàng Sa, tiếp tục các hoạt động khai thác và thực thi chủ quyền ở Hoàng Sa.

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhất kỷ, quyển 50, tờ 6a), năm Gia Long thứ 14 (1815), chép việc vua Gia Long sai người ra khảo sát và đo đạc thủy trình ở Hoàng Sa.

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhất kỷ, quyển 52, tờ 15a), năm Gia Long thứ 15 (1816) chép việc vua Gia Long tiếp tục sai người đi khảo sát Hoàng Sa.

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhất kỷ, quyển 55, tờ 19b), năm Gia Long thứ 16 (1817) chép việc vua Gia Long thưởng bạc cho thuyền Ma Cao vì đã có công vẽ bản đồ Hoàng Sa dâng trình cho nhà vua.

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhị kỷ, quyển 104, tờ 18b-19a), năm Minh Mạng thứ 14 (1833), chép việc vua Minh Mạng sai bộ Công chuẩn bị cử người ra Hoàng Sa dựng miếu, trồng cây trên đảo để tàu thuyền nhận biết mà tránh nạn.

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhị kỷ, quyển 122, tờ 23a-b), năm Minh Mạng thứ 15 (1834), chép việc đội Hoàng Sa trong những lần ra đảo vẽ bản đồ, thăm dò đường biển... còn khai thác sản vật ở Hoàng Sa đem về dâng lên triều đình và được khen thưởng.

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhị kỷ, quyển 154, tờ 4a-b), năm Minh Mạng thứ 16 (1835), chép việc vua Minh Mạng sai người chở vật liệu ra lập miếu thờ thần Hoàng Sa và dựng bia ở Hoàng Sa.

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhị kỷ, quyển 165, tờ 24b, 25a-b), năm Minh Mạng thứ 17 (1836), chép việc bộ Công tấu trình vua Minh Mạng sai người ra Hoàng Sa vẽ bản đồ và dò xét mặt biển. Vua chuẩn y, sai thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền đi khảo sát và cắm mốc chủ quyền ở Hoàng Sa.

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhị kỷ, quyển 176, tờ 1a-b), năm Minh Mạng thứ 17 (1836), chép việc thuyền buôn nước Anh đi qua Hoàng Sa bị đắm. Những người sống sót bám ván thuyền trôi dạt vào Bình Định, được quan quân triều Nguyễn cứu giúp và được vua Minh Mạng ban cấp tiền gạo, áo quần và sai người đưa đến Hạ Châu (Singapore) để họ về nước.

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhị kỷ, quyển 194, tờ 7b-8a), năm Minh Mạng thứ 19 (1838), chép việc vua Minh Mạng thưởng áo và tiền cho viên Ngoại lang bộ Công Đỗ Mậu Thượng vì đã có công ra Hoàng Sa đo vẽ bản đồ, đem về dâng trình lên vua.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ nhị kỷ, quyển 204, tờ 3b-4a), năm Minh Mạng thứ 20 (1839), chép việc Thủy sư suất đội Phạm Văn Biện cùng thuộc hạ đi vãng thám Hoàng Sa gặp bão, may mắn sống sót trở về kinh đô. Vua Minh Mạng sai bộ Lễ lập đàn tế ở cửa biển Thuận An để cảm tạ trời đất đã cứu giúp những người này và ban thưởng tiền cho họ.

- *Đại Nam thực lục chính biên* (đệ tam kỷ, quyển 49, tờ 5a), năm Thiệu Trị thứ 5 (1845), chép việc phạt tội lưu đầy một viên quan của triều đình đã có những hành động can quấy tại các thôn làng ở Quảng Ngãi trong thời gian được phái đi công vụ ở Hoàng Sa.

Những ghi chép trong bộ chính sử *Đại Nam thực lục* có liên quan đến Hoàng Sa đã phản ánh khá toàn diện quá trình thực thi chủ quyền của triều Nguyễn đối với Hoàng Sa. Đó là việc tái lập đội Hoàng Sa trước đây và sáp nhập đội này vào lực lượng thủy quân của triều Nguyễn, đảm trách việc thăm dò đường biển, khảo sát, khám phá thêm các đảo mới ở trong vùng biển Hoàng Sa và các vùng biển phía nam; tổ chức dựng miếu, lập bia, cắm mốc chủ quyền trên đảo; tưởng thưởng cho những người đã có công lao và xử phạt những người bê trễ, không hoàn thành chức trách, nhiệm vụ khi đi công cán Hoàng Sa; tổ chức cứu hộ thuyền bè nước ngoài bị gặp nạn trong vùng biển Hoàng Sa và cấp phát tiền bạc, lương thực, quần áo cho người bị nạn và cử người hộ tống họ trở về bản quán... Đây chính là những tư liệu quý xác nhận đã hành xử chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa liên tục và hòa bình, cũng như đã thực hiện tốt trách nhiệm của một nhà nước có chủ quyền đối với quần đảo này khi cứu hộ và trợ giúp những tàu bè nước ngoài bị nạn trong vùng biển đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam thời Nguyễn.

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Minh Mạng chính yếu*

Minh Mạng chính yếu (明命政要) là bộ sách do Nội các triều Nguyễn biên soạn, khởi biên từ năm Minh Mạng thứ 18 (1837), hoàn tất, khắc in năm Thành Thái thứ 9 (1897). Sách gồm 25 quyển, trích ghi những văn kiện, chính sách quan trọng và những việc làm thiết yếu dưới triều vua Minh Mạng, phản ánh trong 22 thiên: *Kính thiên, Pháp tổ, Đôn thân, Thể thân, Cầu hiền, Kiến quan, Căn chính, Ái dân, Trọng nông, Sùng kiệm, Lễ nhạc, Giáo hóa, Chế binh, Thận hình, Tài phú, Pháp độ, Dụng văn, Phân vũ, Quảng ngôn lộ, Cổ phong thủy, Phủ biến* và *Khu viễn*. Tại tờ 36b, quyển 25 có đoạn chép việc thuyền buôn nước Anh bị gặp nạn trong vùng biển Hoàng Sa vào năm Minh Mạng thứ 17 (1836), được quan binh tỉnh Bình Định cứu hộ và vua Minh Mạng ra lệnh cấp phát lương thực, quần áo cho người bị nạn khiến họ rất cảm kích.

Sự kiện này đã được sử thần triều Nguyễn chép trong sách *Đại Nam thực lục* và được ghi lại trong sách *Minh Mạng chính yếu*.

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ (欽定大南會典事例) là bộ sách ghi chép các điển pháp, quy chuẩn và các dữ kiện liên quan đến tổ chức và hoạt động của triều Nguyễn trên mọi phương diện. Bộ điển chế này do Nội các triều Nguyễn biên soạn từ năm 1843 đến năm 1895, gồm 2 phần: *Chính biên* (264 quyển, hơn 17.000 trang chữ Hán) và *Tục biên* (61 quyển, hơn 6.000 trang chữ Hán).

- Phần *Chính biên* (quyển 257, tờ 45a) có chép việc năm Minh Mạng thứ 14 (1833), vua chuẩn tấu cho tỉnh Quảng Ngãi thuê thuyền buôn ra Hoàng Sa làm việc công và miễn thuế trong năm cho hai thuyền buôn ấy.

- Phần *Chính biên* (quyển 207, tờ 26a-b) có chép việc năm Minh Mạng thứ 16 (1835) vua chuẩn tấu cho tỉnh Quảng Ngãi [ra] Hoàng Sa lập miếu, dựng bia, xây bình phong và trồng cây trên đảo.

- Phần *Chính biên* (quyển 221, tờ 26a-b) có chép việc năm Minh Mạng thứ 17 (1836) vua sai người ra Hoàng Sa đo vẽ bản đồ.

Như vậy *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* tiếp tục phản ánh về hoạt động khảo sát và thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa của vương triều Nguyễn, vốn đã được ghi chép trong các bộ chính sử của triều đại này. Sách này cũng cho biết ngoài việc sử dụng tàu thuyền và nhân lực của triều đình, nhà Nguyễn còn huy động thuyền bè tư nhân, cùng với dân phu miền biển tham gia vào các chuyến công vụ ở Hoàng Sa và có chế độ miễn giảm thuế khóa thích hợp cho những thuyền bè và dân phu được triều đình điều động tham gia khảo sát và thực thi công vụ ở Hoàng Sa. Đây là minh chứng của chủ trương “huy động nhân dân” cùng tham gia hành xử chủ quyền biển đảo mà triều Nguyễn đã áp dụng rất thành công vào thế kỷ XIX.

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Quốc triều chính biên toát yếu*

Quốc triều chính biên toát yếu (國朝正編撮要) được biên soạn vào năm Duy Tân thứ 2 (1908), lược trích các phần quan yếu của bộ *Đại Nam thực lục chính biên* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn trước đây. Quyển 3 của bộ lược sử này có ba đoạn ghi chép liên quan đến Hoàng Sa. Cụ thể như sau:

- Quyển 3, tờ 113a, chép việc vua Minh Mạng cho lập miếu và dựng bia trên đảo Hoàng Sa vào năm 1835.

- Quyển 3, tờ 118a-b, chép việc vua Minh Mạng sai thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật đem người ra đo đạc hình thể các đảo ở Hoàng Sa.

- Quyển 3, tờ 121b, chép việc thuyền buôn của nước Anh Cát Lợi bị nạn khi đi qua vùng biển Hoàng Sa vào năm 1836, được vua Minh Mạng sai người cứu giúp, trợ cấp lương thực và cử người hộ tống sang Hạ Châu (Singapore) để họ về nước.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

*** Ghi chép về Hoàng Sa trong Đại Nam nhất thống chí**

Đại Nam nhất thống chí (大南一統志) do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, hoàn thành và khắc in vào năm Duy Tân thứ 3 (1909), ghi chép về địa lý tự nhiên, di tích danh thắng, phong tục tập quán, nhân vật, thổ sản... của các tỉnh Trung kỳ, từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Quyển 8 của bộ sách này viết về tỉnh Quảng Ngãi, có miêu tả về quần đảo Hoàng Sa, hoạt động khai thác nguồn lợi quần đảo này do đội Hoàng Sa đảm trách dưới thời các chúa Nguyễn và sự kiện vua Minh Mạng sai quan thuyền chở vật liệu ra xây đền miếu ở Hoàng Sa. Cụ thể như sau:

*** Ghi chép về Hoàng Sa trong Nam Hà tiếp lục**

Nam Hà tiếp lục (南河捷錄) là tác phẩm do Lê Đản (1742 - ?) biên soạn vào năm 1811, chép sử các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, từ gốc tích cho đến năm Gia Long thứ 3 (1804). Sách gồm năm quyển, phân thành 16 mục: *Hoàng gia phá hệ, Văn tập, Pháp độ, Công phú, Tài lợi, Quân doanh chiến trận, Sơn xuyên hình thế, Phong vực, Tuyển cử văn học, Tiết nghĩa, Phong tục, Phụ chú quốc phong tục, Triều sinh, Tạp dị thần quái, Tai tường và Phù sấm*. Ngoài ra còn có kèm hai tờ bản đồ vẽ Lũy Án và Lũy Thầy ở tỉnh Quảng Bình.

Phần ghi chép liên quan về Hoàng Sa ở mục *Tài lợi* và mục *Sơn xuyên hình thế*. Cụ thể như sau:

- Quyển 2, tờ 38a, mục *Tài lợi* có đoạn miêu tả hình thế của Bãi Cát Vàng và hoạt động thu lượm của cải trên các tàu bị đắm ở nơi này dưới thời chúa Nguyễn.

- Quyển 3, tờ 54a, mục *Sơn xuyên hình thế* miêu tả khoảng cách từ cửa Đại Chiêm đi ra Bãi Cát Vàng.

*** Ghi chép về Hoàng Sa trong Lịch triều hiến chương loại chí**

Lịch triều hiến chương loại chí (歷朝憲章類誌) là trước tác của Phan Huy Chú (1782 - 1840), ghi chép mọi mặt về lịch sử, địa dư, văn hóa... của nước ta từ đời Hồng Bàng đến triều Lê mạt. Sách gồm 49 quyển, phân thành 10 mục: *Dư địa chí, Nhân vật chí, Quan chức chí, Lễ nghi chí, Khoa mục chí, Quốc dụng chí, Hình luật chí, Binh chế chí, Văn tịch chí* và *Bang giao chí*.

Quyển 5, mục *Dư địa chí*, có viết về xã An Vĩnh thuộc phủ Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi và việc chúa Nguyễn mộ người xã này sung vào đội Hoàng Sa, hàng năm phái ra đảo Hoàng Sa ở ngoài khơi phủ Tư Nghĩa khai thác hải vật đem về giao nộp cho chúa Nguyễn.

*** Ghi chép về Hoàng Sa trong Hoàng Việt địa dư chí**

Hoàng Việt địa dư chí (皇越地輿誌) cũng là trước tác của Phan Huy Chú, gồm hai quyển, khắc in lần đầu vào năm 1833. Tác phẩm này trình bày lịch sử thay đổi địa lý hành chính các tỉnh, phủ, những danh thắng, danh nhân, các sản vật và nghề thủ công nổi tiếng



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

của các địa phương. Quyển 1 có phần viết về địa lý tự nhiên, các loài hải sản đặc trưng sống ở vùng biển Hoàng Sa và hoạt động khai phá, tìm kiếm hải vật của đội Hoàng Sa thời chúa Nguyễn.

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Hoàn vũ ký văn*

Hoàn vũ ký văn (還宇紀聞) do Nguyễn Thu (1799 - 1855) biên soạn. Đây là địa dư chí các tỉnh từ Nghệ An đến Hà Tiên (gồm 16 tỉnh theo địa giới hành chính đời Minh Mạng). Mỗi tỉnh đều có ghi vị trí, giới hạn, lịch sử, núi sông, danh lam cổ tự, dân số, chế độ thuế khóa, phong tục, nhân vật, số phủ huyện... trong đó có phần ghi chép về đảo Hoàng Sa ở ngoài khơi tỉnh Quảng Ngãi và hoạt động khai thác hải vật thường niên của đội Hoàng Sa thời chúa Nguyễn trên vùng biển đảo này.

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Việt môn địa sử*

Việt môn địa sử (越門地史) là biên khảo về địa lý và lịch sử Việt Nam từ đời Hùng Vương đến triều Nguyễn. Nội dung sách gồm phần *Tổng tự*, chép tên nước, đô thành các đời, đất đai, hộ khẩu, các cửa ải, hình thế núi sông, các tuyến đường và các tuyến đường thủy, đường bộ nội địa; và phần *Phân chú*, miêu tả cương giới của kinh đô, các tỉnh, phủ, huyện, nghề nghiệp, thổ sản, danh lam thắng cảnh ở trong nước. Mục *Sơn xuyên* thuộc tỉnh Quảng Ngãi có viết về *Vạn Lý Trường Sa* (quần đảo Hoàng Sa).

* Ghi chép về Hoàng Sa trong *Việt sử cương giám khảo lược*

Việt sử cương giám khảo lược (越史綱鑑考略) là trước tác của Nguyễn Thông (1827 - 1884), gồm bảy quyển, viết xong vào năm 1877. Đây là tác phẩm khảo về lịch sử và địa lý nước ta, từ thời Hùng Vương đến đời vua Thiệu Trị triều Nguyễn. Ngoài ra, tác phẩm này còn khảo về bốn lân bang của nước Đại Việt xưa là Lâm Ấp, Chân Lạp, Xiêm La và Nam Chiếu.

Quyển 4, tại các tờ 47a-b, 48a-b và 49, Nguyễn Thông có miêu tả về *Vạn Lý Trường Sa* (quần đảo Hoàng Sa) và *Vạn Lý Thạch Đường* (quần đảo Trường Sa), về hoạt động khai thác hải vật ở quần đảo Hoàng Sa thời chúa Nguyễn và hải trình của các thuyền buôn Nhật Bản, Trung Quốc, phương Tây đi ngang qua Vạn Lý Trường Sa để đến giao thương với các nước Lữ Tống (Philippines), Văn Lai (Brunei), Nam Dương (Indonesia)...

Nhìn chung, thư tịch cổ Việt Nam viết về Hoàng Sa trong các thế kỷ XVII - XIX là rất phong phú. Những thư tịch cổ này đã xác nhận rằng muộn nhất là từ đầu thế kỷ XVII, người Việt đã khám phá quần đảo Hoàng Sa, đặt tên Nôm cho quần đảo này và ghi vẽ vào sử liệu và bản đồ nước ta đương thời, hàng năm người dân và nhà nước đều đưa thuyền ra Hoàng Sa khai thác hải sản và thu nhật hàng hóa từ các tàu thuyền bị đắm trong vùng biển này. Từ thế kỷ XVIII trở đi, hoạt động khai thác nguồn lợi ở Hoàng Sa đã được chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong tổ chức bài bản, thông qua hoạt động thường niên của



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

các đội Hoàng Sa, Bắc Hải, Quế Hương... vừa vì mục đích kinh tế, vừa để xác lập và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và những vùng biển đảo khác xa hơn về phía nam trong vùng Biển Đông thuộc nước ta. Từ thế kỷ XIX, nhà Nguyễn đã chính thức tuyên bố chủ quyền (năm 1816), sai người ra đo đạc thủy trình và hải giới, cắm mốc và đo vẽ bản đồ, chính thức xác lập và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa. Đây chính là những bằng chứng xác thực và sinh động, ghi nhận lịch sử chiếm hữu, xác lập và thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa của các triều đại phong kiến Việt Nam trước đây.

2. BẢN ĐỒ CỔ VIỆT NAM CHỨNG MINH CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

Ngoài các thư tịch cổ do các nhà nước phong kiến Việt Nam và các bậc thức giả đương thời biên soạn, xác nhận quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa (và quần đảo Trường Sa), còn có nhiều bản đồ, địa đồ, dư đồ... được soạn vẽ trong các thế kỷ XVI - XIX xác nhận Hoàng Sa nằm trong cương vực nước ta. Đó là những bản đồ hành chính quốc gia, bản đồ các tỉnh thành do nhà nước tổ chức soạn vẽ, cùng những địa đồ, dư đồ... trong các tác phẩm sử học, địa dư, địa phương chí... do các học giả đương thời biên soạn.

Trên những bản đồ, địa đồ, dư đồ... này, quần đảo Hoàng Sa được vẽ hoặc ghi tên bằng chữ Nôm như: 罢葛鑽, 罢葛鑽, 罢葛鑽, 罢葛鑽, 罢吉鑽, 罢吉黄, 罢割鑽 (đều đọc là *Bãi Cát Vàng*), 罢沙鑽 (*Bãi Sa Vàng*), 葛鑽處 (*Cát Vàng xứ*), 罈鑽 (*Côn Vàng*)...; hoặc bằng chữ Hán như: 黄沙 (*Hoàng Sa*), 黄沙洲 (*Hoàng Sa châu*), 黄沙渚 (*Hoàng Sa chử*), 黄沙處 (*Hoàng Sa xứ*), 大長沙 (*Đại Trường Sa*), 萬里黄沙 (*Vạn Lý Hoàng Sa*), 萬里長沙 (*Vạn Lý Trường Sa*)..., nằm ở ngoài khơi vùng biển miền Trung Việt Nam ngày nay.

Những bản đồ cổ Việt Nam vẽ vào các thế kỷ XVII - XVIII chủ yếu là *bản đồ khổ ngang* theo lối vẽ bản đồ truyền thống của Trung Hoa, có cách thể hiện phương vị là: phương tây ở phía trên, phương đông ở phía dưới, phương bắc ở bên phải và phương nam ở bên trái. Trên những bản đồ khổ ngang này, hình vẽ hoặc địa danh Hoàng Sa thường được thể hiện ở phía dưới bản đồ. Phía trên bản đồ thường có phần chú dẫn bằng chữ Hán miêu tả hình thế núi sông, diễn giải vị thế, diên cách các địa phương và địa danh được đề cập trên bản đồ. Tiêu biểu cho những bản đồ khổ ngang này là tờ bản đồ vẽ xứ Quảng Nam trong *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* do Đỗ Bá (tự là Công Đạo) vẽ vào năm 1686.

Sang thế kỷ XIX, lối vẽ bản đồ khổ ngang truyền thống vẫn được tiếp tục. Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ XVIII có nhiều kỹ sư, công binh, chuyên gia quân sự người Pháp tham gia vào lực lượng của Nguyễn Ánh trong cuộc chiến tranh Nguyễn - Tây Sơn. Có lẽ họ là những người đã du nhập kỹ thuật vẽ *bản đồ khổ dọc* với các phương pháp đo đạc và định vị hiện đại hơn của phương Tây vào Việt Nam. Sau khi triều Nguyễn thành lập (1802),



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

những chuyên gia người Pháp này vẫn còn phục vụ cho các vua Gia Long (1802 - 1820), Minh Mạng (1820 - 1841)... Vì thế, kỹ thuật vẽ bản đồ đã có những thay đổi căn bản vào thời Nguyễn, mà kết quả là sự ra đời của tám bản đồ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* vào năm 1838 đời Minh Mạng. Đây là bản đồ hành chính đầu tiên của nước ta được vẽ theo khổ dọc, với phương bắc ở trên, phương nam ở dưới, phương đông ở bên phải và phương tây ở bên trái. Trên bản đồ này, hình vẽ *Hoàng Sa* và *Vạn Lý Trường Sa* xuất hiện ở bên phải bản đồ, tương tự như trên các bản đồ Việt Nam sau này.

Bản đồ đầu tiên của Việt Nam có đề cập Hoàng Sa được ghi nhận cho đến thời điểm này, là tờ bản đồ xứ Quảng Nam trong *Toản tập An Nam lộ* do Đỗ Bá biên soạn vào đời Chính Hòa (1680 - 1705). Đây là bản đồ khổ ngang truyền thống. Bản đồ có ghi ba chữ Nôm 涇葛鑽 (*Bãi Cát Vàng*) ở phía dưới, nằm trong vùng biển ngoài khơi phủ Quảng Ngãi thuộc xứ Quảng Nam lúc bấy giờ.

Năm 1686, Đỗ Bá biên soạn *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* theo lệnh của chúa Trịnh, trên cơ sở hiệu chỉnh và chú dẫn những địa đồ, bản đồ nước ta được soạn vẽ từ thế kỷ XV và những bản đồ trong *Toản tập An Nam lộ* của ông. Trong toàn tập này có tờ bản đồ vẽ hình thế huyện Bình Sơn (phủ Quảng Ngãi, xứ Quảng Nam) và vùng biển phía đông huyện này. Đây cũng là tờ bản đồ khổ ngang, phía trên có phần chú dẫn bằng chữ Hán viết về 涇葛鑽 (*Bãi Cát Vàng*), là hòn đảo nằm ở phía đông huyện này. Chú dẫn miêu tả khoảng cách từ đất liền đi đến *Bãi Cát Vàng* và hoạt động của đội Hoàng Sa thời chúa Nguyễn trị vì Đàng Trong:

Ngoài *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, còn có một số tập bản đồ được soạn vẽ trong thế kỷ XVIII, trong đó có các tờ bản đồ vẽ xứ Quảng Nam hoặc phủ Quảng Ngãi, có miêu tả, ghi danh hoặc chú dẫn về *Bãi Cát Vàng* (Hoàng Sa) là đảo thuộc về nước ta thuở ấy. Đó là các bản đồ trong: *Thiên Nam lộ đồ* do Nhữ Ngọc Hoàn biên soạn vào năm 1771; *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* do Đoàn Quận công Bùi Thế Đạt biên soạn trong các năm 1774 - 1775; *Thiên hạ bản đồ* (khuyết danh) biên soạn vào thời Lê, sao lục vào thời Nguyễn; *An Nam hình thắng đồ phụ Nam Bắc xứ đồ* (khuyết danh) biên soạn vào cuối thế kỷ XVIII... Các bản đồ này đều là bản đồ khổ ngang, phần dưới vẽ bản đồ, phần trên ghi chú dẫn, miêu tả về *Bãi Cát Vàng*, nội dung tương tự như chú dẫn trên tờ bản đồ vẽ huyện Bình Sơn trong *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* của Đỗ Bá.

Sang thế kỷ XIX, các tờ bản đồ khổ ngang có miêu tả hoặc ghi các địa danh: *Bãi Cát Vàng*, *Cát Vàng xứ*, *Hoàng Sa*... tiếp tục được soạn vẽ hoặc sao chép từ thư tịch cổ thời Lê. Đáng chú ý là những bản đồ trong các tác phẩm sau:

- *Thiên tài nhàn đàm* do Đàm Thận Hữu biên soạn vào năm Gia Long thứ 9 (1810) có ba tờ bản đồ đều có tên là *Quảng Nam tam phủ cửu huyện*: bản đồ thứ nhất có vẽ hòn đảo ở ngoài khơi phủ Quảng Ngãi và chú thích 沙金堆俗号涇葛鑽 (*Sa kim đôi tục hiệu Bãi Cát*



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Vàng: Cồn cát vàng, tục gọi là Bãi Cát Vàng); bản đồ thứ hai cũng vẽ hòn đảo ở ngoài khơi phủ Quảng Ngãi, ghi tên Nôm là 葛鑛處 (*Cát Vàng xứ*); bản đồ thứ ba cũng vẽ hòn đảo ở ngoài khơi phủ Quảng Ngãi, ghi tên Nôm là 涇葛鑛 (*Bãi Cát Vàng*).

- *Nam Việt bản đồ* (khuyết danh) biên soạn vào thế kỷ XIX, có tờ bản đồ vẽ hình thể hai phủ Thăng Hoa và Quảng Ngãi và vùng biển ngoài khơi hai phủ này. Phía trên tờ bản đồ này có chú dẫn bằng chữ Hán miêu tả khoảng cách từ đất liền đến hòn đảo nằm ở ngoài khơi phủ Quảng Ngãi, tên Nôm là 涇葛鑛 (*Bãi Cát Vàng*) và các đặc điểm địa lý, sản vật của đảo này.

- *An Nam dư địa chí* biên soạn vào thế kỷ XIX, có tờ bản đồ vẽ hình thể nước ta từ Bắc vào Nam. Trên bản đồ này có vẽ hòn đảo tên là 黃沙渚 (*Hoàng Sa chủ*: bãi Hoàng Sa) ở ngoài khơi phủ Thừa Thiên.

Ngoài ra còn có một số bản đồ khổ ngang khác, đều có tên là *Bản quốc địa đồ* vẽ hình thể nước ta từ Bắc chí Nam, xuất hiện trong nhiều tác phẩm biên soạn vào thế kỷ XIX như:

- *Khải đông thuyết ước* do Phạm Vọng biên soạn vào năm 1853, tiến sĩ Ngô Thế Vinh nhuận sắc, khắc in vào năm 1881 dưới triều Tự Đức (1848 - 1883) dùng làm sách giáo khoa bậc tiểu học. Trong sách này có in hình *Bản quốc địa đồ*, trên đó có vẽ hòn đảo tên là 黃沙渚 (*Hoàng Sa chủ*: bãi Hoàng Sa) nằm ở ngoài khơi vùng biển miền Trung. Việc đưa bản đồ có ghi địa danh *Hoàng Sa* vào sách giáo khoa tiểu học cho thấy triều Nguyễn rất coi trọng chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và giáo dục ý thức chủ quyền đó đối với thế hệ trẻ đương thời.

- *Nam Việt địa dư trích lục* là tập biên khảo về địa lý các tỉnh nước ta thời Nguyễn. Trong biên khảo này cũng có tờ bản đồ tên là *Bản quốc địa đồ*, trên đó có vẽ hòn đảo tên là 黃沙渚 (*Hoàng Sa chủ*: bãi Hoàng Sa) nằm ở ngoài khơi vùng biển miền Trung.

- *Nam Việt địa đồ quốc hiệu sơn thủy bảo hóa cựu lục* là tập biên khảo và địa đồ, khảo quốc hiệu nước ta qua các đời, niên hiệu của triều vua và núi sông tiêu biểu của cả nước. Tập biên khảo này cũng có tờ bản đồ tên là *Bản quốc địa đồ*, trên đó có vẽ hòn đảo tên là 黃沙渚 (*Hoàng Sa chủ*: bãi Hoàng Sa) nằm ở ngoài khơi vùng biển miền Trung.

Thành tựu lớn nhất trong việc soạn vẽ bản đồ thời Nguyễn là sự ra đời tấm bản đồ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* vào năm 1838. Đây là tấm *bản đồ khổ dọc* đầu tiên của nước ta, và là bản đồ cập nhật nhiều thông tin mới có độ chính xác khá cao về biển đảo Việt Nam đương thời. Trên bản đồ này hình thể nước ta được thể hiện gần giống với hình thể Việt Nam trên các bản đồ do các nước phương Tây xuất bản trong các thế kỷ XVII - XIX, với đường bờ biển phía đông cong hình chữ S và hình vẽ hai quần đảo 黃沙 (*Hoàng Sa*) và 萬里長沙 (*Vạn Lý Trường Sa*) trong vùng biển nước ta. Đây là bản đồ hành chính đầu tiên của triều Nguyễn có sự phân biệt giữa quần đảo Hoàng Sa với quần đảo Trường Sa, dù bên ngoài



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

hai quần đảo này vẫn còn một đường vẽ đứt đoạn bao quanh cả hai quần đảo trong một thực thể chưa được tách biệt rõ ràng. Ngoài ra, vua Minh Mạng còn cho biên soạn và ấn hành tập *Địa đồ* vẽ bản đồ các tỉnh của nước Đại Nam dưới triều Minh Mạng, trong đó, có tờ bản đồ vẽ hai dải đảo được định danh là *Hoàng Sa* và *Vạn Lý Trường Sa*.

Vua Thiệu Trị (1841 - 1847) tiếp tục sự nghiệp soạn vẽ bản đồ của tiền triều bằng việc hoàn thiện và xuất bản bộ *Đại Nam toàn đồ*. Đây là tập bản đồ nước ta vẽ bằng nhiều màu, gồm một bản đồ toàn quốc và bản đồ các tỉnh trong nước. *Đại Nam toàn đồ* cũng là bản đồ khổ dọc, kế tục thành tựu vẽ bản đồ theo kỹ thuật phương Tây, trên đó có ghi tên 72 cửa biển từ Bắc vào Nam và các đảo ngoài khơi của Việt Nam, bao gồm cả 黃沙 (*Hoàng Sa*) ở ngoài khơi vùng biển miền Trung.

Dưới triều Tự Đức (1848 - 1883), triều đình ấn hành tập bản đồ *Nam Bắc kỳ hội đồ* trên cơ sở chính lý *Đại Nam nhất thống toàn đồ* đời Minh Mạng và cập nhật, bổ sung nhiều địa danh của nước ta, cả trong đất liền lẫn ngoài hải đảo, trong đó có *Hoàng Sa* và *Vạn Lý Trường Sa*.

Nhìn chung, các bản đồ thời Nguyễn đã đánh dấu một bước tiến mới trong kỹ thuật vẽ bản đồ, chuyển từ kiểu vẽ bản đồ khổ ngang truyền thống sang kiểu vẽ bản đồ khổ dọc với kỹ thuật đo vẽ hiện đại hơn, hình thể quốc gia trên các bản đồ này cũng gần sát với thực tế hơn.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là dù được vẽ theo cách truyền thống hay hiện đại, thì các bản đồ Việt Nam có niên đại vào các thế kỷ XVII - XIX luôn có hình vẽ hoặc có tên quần đảo Hoàng Sa bằng chữ Nôm hoặc chữ Hán, cho dù đó là những bản đồ do nhà nước ấn hành, hay là những địa đồ, dư đồ... đính kèm trong các biên khảo của các học giả. Điều này chứng tỏ quần đảo Hoàng Sa (và quần đảo Trường Sa) là phần lãnh thổ không thể tách rời của Việt Nam trong hàng trăm năm qua và các nhà nước phong kiến cũng như các học giả, trí thức Việt Nam trong các thế kỷ XVII - XIX chưa bao giờ sao nhãng ý thức chủ quyền quốc gia đối với hai quần đảo này.

3. THƯ TỊCH CỔ NƯỚC NGOÀI CHỨNG MINH CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

3.1. Đánh giá chung

Chúng tôi đã thu thập được hơn 100 tài liệu thư tịch nước ngoài có viết về quần đảo Hoàng Sa và quá trình khám phá, chiếm hữu xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo này. Đó là những tập nhật ký hàng hải của thủy thủ đoàn; những hồi ký, du ký, tập ghi chép của các nhà thám hiểm địa lý; thư từ của các giáo sĩ; sách giáo khoa địa lý; từ điển bách khoa về địa lý thế giới; các công trình nghiên cứu về lịch sử và địa dư vùng châu Á - Thái Bình Dương của các học giả phương Tây, có liên quan đến Việt Nam - Biển



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Đông - Hoàng Sa và Trường Sa, được in ấn bằng các ngôn ngữ: Pháp, Anh, Đức, Tây Ban Nha, Ý, Hà Lan...

Về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, các tài liệu này đã ghi chép những nội dung sau:

1. Miêu tả vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, khí hậu... của hai quần đảo này và các đảo, quần đảo liên quan trong Biển Đông.
2. Nhận thức của người phương Tây đương thời về hai quần đảo này và các hiểm họa tiềm ẩn mà quần đảo này gây ra cho tàu bè khi giao thương qua vùng biển này.
3. Giới thiệu các loài động, thực vật sinh sống trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và trong vùng biển phụ cận.
4. Ghi nhận người Việt đã từng đến Hoàng Sa và Trường Sa đánh bắt hải sản, thu nhật hàng hóa từ các tàu bè bị đắm trong vùng biển này, khai thác yến sào... từ thế kỷ XVII trở đi.
5. Ghi nhận mối quan hệ về mặt địa lý giữa hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đối với vùng lãnh thổ nằm ở bờ phía tây của Biển Đông, nay là miền Trung Việt Nam.
6. Ghi nhận Việt Nam đã có quá trình chiếm hữu và xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

3.2. Những tài liệu tiêu biểu

3.2.1. Tài liệu thế kỷ XVII - XVIII

- Thư từ trao đổi giữa đại diện thương điểm Hà Lan ở Hội An với chính quyền Đàng Trong liên quan đến vụ đắm tàu Grootebroek của Hà Lan trong vùng biển Hoàng Sa vào ngày 21/7/1634. Nội dung những thư từ này cho biết chính quyền Đàng Trong đã cử người cứu hộ tàu ngoài bị nạn tại vùng biển Hoàng Sa, đồng thời cũng đã tịch thu tài sản của tàu Grootebroek. Chủ tàu Grootebroek buộc phải chấp hành lệnh này, sau đó đã khiếu kiện quyết định sai trái này của chính quyền Đàng Trong và được hứa sẽ bồi thường thỏa đáng bằng các hình thức đền bù khác. Như vậy, từ đầu thế kỷ XVII, chính quyền Đàng Trong đã làm chủ quần đảo Hoàng Sa, kiểm soát các hoạt động diễn ra trong vùng biển đảo này và buộc các tàu thuyền nước ngoài qua đây phải tuân thủ các quy định của chính quyền Đàng Trong, đồng thời đã giải quyết những khiếu kiện của họ khi có xung đột lợi ích.

- Sách *El atlas abreviado* (2 tập) là bản chỉ dẫn các chữ viết tắt trong tập bản đồ của Francisco Giutisniani, xuất bản năm 1739. Trang 139 (tập 2) liệt kê các địa danh thuộc *Reino de Cochinchina* (Vương quốc Đàng Trong) gồm: *Sinoe* (Thuận Hóa), *Quehao* (Quy Nhơn?), *Baubom* (?), *Faifo ó Haifo* (Hội An) và *Paracel Infla* (quần đảo Hoàng Sa).



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- Sách *The Modern Part of an Universal History, from the Earliest Account of Time*, tập VII, xuất bản tại London (Anh) năm 1759. Trang 450, mục *History of Kochinchina* (Lịch sử Đàng Trong) có đoạn viết: “Trước khi rời khỏi vương quốc này, chúng ta không thể không mô tả vắn tắt một vài hòn đảo đáng kể thuộc về nó, người địa phương gọi là Pullos (những cù lao), với khá nhiều đảo dọc theo bờ biển, gồm: 1. Pullo Sicca, đảo hoang, không có người ở, trông như một cụm đá khô, không có cây hay đến cả một cọng cỏ; 2. Pullo Secca de Mare, một dải đảo hoang và đá khác, trải dài từ bãi cạn gọi là Paracels; 3. Pullo Cambir, cách bờ 15 hải lý, mặc dù khá rộng lớn nhưng cũng không có người ở”. Cụm từ “những hòn đảo đáng kể thuộc về nó (vương quốc Kochinchina)” là sự thừa nhận Paracels (và các đảo được liệt kê trên đây) thuộc về vương quốc Kochinchina.

- Sách *Hedendaasgsche historie of het Vervolg van de Algemeene historie*, xuất bản tại Amsterdam và Leiden (Hà Lan) năm 1772. Trang 673 liệt kê về các đảo thuộc vương quốc Kochinchina như: *Pullo Sicca*, *Pullo Secca de Mare*, *Pullo Cambir*, *Pullo Canton*. Trong đó *Pullo Secca de Mare* được miêu tả là một chuỗi các đảo đá khô cần bắt đầu từ những bãi đá ngầm nguy hiểm có tên là *Paracels*.

- Hồi ký *Reis van Lord Macartneij naar China*, xuất bản tại Amsterdam (Hà Lan) năm 1799. Đây là ấn bản tiếng Hà Lan của cuốn hồi ký viết về hành trình đi sang Trung Hoa trong các năm 1792 - 1794 của phái bộ Anh quốc, do bá tước George Macartney (1737 - 1806) dẫn đầu. Phái bộ Macartney đã đến cảng Đà Nẵng vào năm 1793. Trong sách này có nhiều đoạn viết về vương quốc Kochinchina và các địa danh thuộc Kochinchina như các đảo: *Pulo Kambir de Terre* (Cù Lao Xanh), *Pulo Cecir de Mer* (Cù Lao Thu), *Quinong* (Quy Nhơn), *Varella* (mũi Đại Lãnh), *Pulo Ratan* hay *Pulo Kanton* (Cù Lao Ré), *Turon* (Đà Nẵng), *Donnai* (Đồng Nai) và *Paracels*. Trang 223 ghi nhận *Paracels* thuộc về vương quốc Kochinchina.

3.2.2. Tài liệu thế kỷ XIX

- Sách địa lý *Allgemeine Geographische Ephemeriden* của F.J. Bertuch, xuất bản tại Weimar năm 1815. Trang 116 liệt kê những địa danh thuộc về vương quốc Cochinchina, gồm: *Tschiampa* (Champa), *Donnai*, *Saigong* (Sài Gòn), *Paracels* và *Condor* (Côn Đảo).

- Hồi ký *Le mémoire sur la Cochinchine* của Jean-Baptiste Chaigneau viết vào khoảng năm 1820. Trong hồi ký này có đoạn viết: “Vương quốc Cochinchine mà vị vua hiện nay (vua Gia Long) tuyên xưng hoàng đế gồm xứ Nam Hà theo đúng nghĩa của nó, xứ Bắc Hà, một phần vương quốc Cao Miên, một vài đảo có dân cư ở không xa bờ biển và quần đảo Paracel hợp thành từ những đảo nhỏ, bãi ngầm và mỏm đá không có người ở. Chỉ đến năm 1816 đương kim hoàng đế mới chiếm hữu được quần đảo này”.

- Sách địa lý *Vollständige und Neueste Erdbeschreibung* do Georg Hassel chủ biên, xuất bản tại Weimar năm 1822. Trang 736 viết về quần đảo *Paracels* cùng các tỉnh: Quảng Ngãi,



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Quy Nhơn, Phú Yên, là các vùng địa lý đặc thù của vương quốc An Nam. Sách còn liệt kê tên các đảo thuộc Paracels như: *Tree Islands* (đảo Cây), *Woody Islands* (đảo Phú Lâm), *Rocky Island* (đảo Hòn Đá), *Amphitrite* (nhóm đảo An Vĩnh), *Lincoln* (đảo Lin Côn), *Pattle* (đảo Hoàng Sa), *Roberts* (đảo Hữu Nhật), *Money Island* (đảo Quang Ảnh), *Duncan* (đảo Quang Hòa), *Passoo Keah* (đảo Rùa Trắng), *Drummond* (đảo Duy Mộng) và *Triton* (đảo Tri Tôn).

- Tập san *Journal of an Embassy from the Governor-General of India to the Courts of Siam and Cochin China*, 2 tập, do John Crawfurd biên soạn, xuất bản tại London năm 1830. Tập II, các trang 243-244, liệt kê tên những đảo chính thuộc về Cochin China, như: *Pulo Condore*, *Pulo Can-ton* còn gọi là *Col-lao Ray* (Cù Lao Ré) và *Cham col-lao* còn gọi là *Col-lao Cham* (Cù Lao Chàm), có đoạn viết: “Năm 1816, vua Cochin China đã chiếm một quần đảo không có người ở và hiểm trở bao gồm nhiều đá, đảo nhỏ, bãi cát... gọi là Paracels. Theo đó, nhà vua tuyên bố quần đảo này thuộc chủ quyền nước này, mà hầu như sẽ không bị tranh chấp”.

- Từ điển tổng quan về lịch sử, địa lý và thống kê *Allgemeines historisch statistisch seografisches. Handlung, Post und Zeitungs-Lexikon* của Theophit Friedrich Ehrnamm, Heinrich Schorch và Karl Gottfried Richter, xuất bản tại Erfurt và Gotha (Đức) năm 1830. Trang 242, vần R, có hai mục từ: “*Roberts-Island của An Nam, thuộc Paracels*” và “*Rocky-Island của An Nam, thuộc Paracels*”.

- Từ điển địa lý *Nuovo dizionario geografico universale statistico - storico - commerciale* do Arrowsmith, Buesching, Balbi và Cannabich biên soạn, tập IV, phần I, xuất bản tại Venezia (Ý) năm 1831. Trang 680 miêu tả: “*quần đảo Paracels nằm cách đảo Hải Nam và cách bờ biển Cocincina một khoảng cách như nhau, thuộc về vương quốc An Nam*”.

- Sách *Traité élémentaire de géographie: contenant un abrégé méthodique du précis de la géographie universelle* do Malter-Brun chủ biên, tập II, xuất bản tại Paris năm 1831. Trang 221 có đoạn viết: “*nằm cách bờ biển Cochinchine và đảo Hải Nam (Trung Quốc) một khoảng bằng nhau, quần đảo Pracels thuộc về đế chế An Nam*”.

- Sách *Die Erdkunde von Asien* của Carl Ritter, tập III, xuất bản tại Berlin năm 1834. Trang 922 miêu tả các đảo thuộc vương quốc Cochinchina như: *Pulo Canton* hay *Collao Roe* (Cù Lao Ré), *Collao Cham* (Cù Lao Chàm) và quần đảo Paracels là “*dãy đảo đá san hô đầy nguy hiểm, nổi tiếng vì nhiều rùa và cá, nằm ở phía đông nam đảo Hải Nam. Những đảo nhỏ đầy cát và rong này vốn được hoàng đế Cochinchina tuyên bố chủ quyền từ năm 1816 và không gặp bất kì sự phản đối nào của các nước lân bang*”.

- Sách *Geografia fisica e politica* của Luigi Galanti, tập III, xuất bản tại Napoli năm 1834. Trang 197 viết về Hoàng Sa như sau: “*Parcel hay Parcels bao gồm nhiều mỏm đá có đáy sâu, và không chiếm nhiều diện tích như được giới thiệu trong bản đồ chung, thuộc về đế chế An Nam*”.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- Tạp chí *The Journal of the Asiatic Society of Bengal* xuất bản tại Calcuta (Ấn Độ) năm 1837. Tập VI, phần II, có in bài viết *Note on the Geography of Cochin China* (Chú dẫn địa lý Việt Nam) của Giám mục Jean Louis Taberd khẳng định: “Quần đảo Pracel hay Paracels là một khu vực chằng chịt những hòn đảo nhỏ, đá ngầm và bãi cát... Những người dân xứ Cochinchina gọi khu vực đó là Côn Vàng”. Đặc biệt, trang 745 ghi rõ: “Mặc dù rằng hình như loại quần đảo này chỉ có độc những tảng đá ngầm mà không có gì khác, và độ sâu của biển hứa hẹn những điều bất tiện hơn là sự thuận lợi, nhưng vua Gia Long vẫn nghĩ rằng ông đã tăng cường được quyền thống trị lãnh thổ của mình bằng sự sáp nhập tội nghiệp đó. Vào năm 1816, nhà vua đã tới long trọng cắm lá cờ của mình và đã chính thức giữ chủ quyền ở các bãi đá này, mà chắc chắn là sẽ không có một ai tìm cách tranh giành với ông”.

- Sách địa lý *Géographie moderne: redigée d'après les matériaux les plus récents sur le plan de l'ouvrage* của Victor Lefebvre, xuất bản tại Paris năm 1839. Trang 200, mục *Empire d'Annam ou de Viet-nam* (Đế chế An Nam hay Việt Nam), ghi rõ: “Bắc giáp với Trung Hoa, tây giáp Thái Lan, đông và nam giáp Biển Đông và vịnh Tonkin (vịnh Bắc Bộ). Đế chế này do Ngai-en-Choung (Nguyễn Ánh) hay Gia Long thành lập từ đầu thế kỷ (XIX), gồm các vùng địa lý sau: vương quốc Cochinchine hay Nam An Nam với quần đảo Paracels, vương quốc Tonquin hay Toung-King hay Bắc An Nam với nhóm đảo Pirates trong vịnh Tonkin, vương quốc Tsiampa (Champa) do các bộ lạc tự trị chiếm đóng”.

- Sách *Taschenbuch zur Verbreitung geographischer Kenntnisse* của Johann Gottfried Sommer, xuất bản tại Praha (Séc) năm 1839. Trang 296, mục *Cochinchina* (Đàng Trong) viết: “Ngoài biển của vương quốc Cochinchina có rất nhiều đảo... Trong vùng biển (Nam) Trung Hoa, chỉ có các đảo sau thuộc chủ quyền Cochinchina là quan trọng: Pulo-Condore, Pulo-Canton hay là Col-lao-Ray và Tscham-col-lao hay là Col-lao-Tscham. Ngoài các đảo này ra, năm 1816, vua Cochinchina đã chiếm hữu bãi đá san hô nguy hiểm và không có người sinh sống, gồm nhiều bãi đá và cồn cát có tên là Paracles. Khó ai có thể phản đối chủ quyền của Cochinchina về phần đất mới chiếm của vương quốc này”.

- Từ điển địa lý *Geographisch-Statistisches Handwörterbuch* của J.H. Möller, xuất bản tại Gotha (Đức) năm 1840. Trang 46, vắn A, có mục từ: “Amfitrite (An Vĩnh), thuộc quần đảo Paracel: Một trong những nhóm đảo nằm xa nhất về phía bắc quần đảo Paracel của vương quốc Anam”.

- Sách *Del vario grado d'importanza degli stati odierni* của Cristoforo Negri, xuất bản tại Milano (Ý) năm 1841. Trang 421 ghi nhận: “Vào năm 1816, vua của vương quốc Cocincina (vua Gia Long) đã chiếm hữu quần đảo Hoàng Sa”.

- Hồi ký *Voyage pittoresque en Asie et en Afrique* của J.B. Eyriès, xuất bản tại Paris năm 1841. Trang 201 có đoạn viết: “Có nhiều đảo tại đế chế An Nam: ta lưu ý về phía nam - đông nam của đảo Hải Nam có quần đảo Paracels, là một chuỗi đá ngầm rất nguy hiểm do các bãi cát và



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

mỏm đá ở xung quanh. Các đảo này không có người ở, nhưng do việc khai thác đồi mồi và cá ở đây rất nhiều, [nên] hoàng đế An Nam đã cho chiếm hữu nó vào năm 1816 mà các lân bang không hề có ý kiến gì”.

- Tập *Lettres édifiantes et curieuses concernant l'Asie, l'Afrique et l'Amérique avec quelques relations nouvelles des missions et des notes géographiques et historiques* của M.L. Aimé-Martin, tập 3, xuất bản tại Paris năm 1843. Đây là tập hợp các bức thư liên quan đến các hoạt động truyền giáo và các ghi chú về địa lý, lịch sử ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ của M.L. Aimé-Martin. Trang 38 có trích đoạn nhật ký của các giáo sĩ trên chiếc tàu Amphitrite đi ngang qua Pracels vào năm 1701. Cuối trang này có dòng chú thích: “*Quần đảo Paracels thuộc về đế chế An Nam*”.

- Sách *Moeur usages et costumes de tous les peuples du monde* của Auguste Wahlen viết về phong tục tập quán, trang phục của các dân tộc trên thế giới, xuất bản tại Bruxelles năm 1843. Trang 235 viết về đế chế An Nam có ghi: “*Toàn bộ bờ biển của Annam được bao bọc bởi nhiều đảo đá nhỏ. Những đảo chính nằm dưới sự quản lý của đế chế này là đảo Phú Quốc trong vịnh Thái Lan, đảo Pirates trong vịnh Bắc Bộ, Côn Đảo và quần đảo Hoàng Sa*”.

- Sách *Geografia elementare* của Luigi Galanti, xuất bản tại Lugano (Ý) năm 1846. Trang 122 viết về các đảo trong vùng biển Đông Nam Á, có nhắc đến quần đảo *Paracels* và khẳng định “*Nhóm đảo Paracels của An Nam*”.

- Sách *L'Univers: Histoire et description de tous les peuples* do Jean Yanoski và Jules David biên soạn, xuất bản tại Paris năm 1848. Trang 555 tóm lược lịch sử vương quốc An Nam từ thế kỷ XVII, bắt đầu từ Tong-King (Bắc Hà) ở phía bắc, mở rộng dần về phía nam, hình thành nên xứ Cochinchine (Nam Hà). Trong đó có đoạn viết: “*Chúng tôi nhận xét rằng từ 34 năm nay, quần đảo Paracels (người An Nam gọi là Cát Vàng) đã có người An Nam chiếm đóng... Chúng tôi không biết là họ có thiết lập ở đây một cơ sở hay không (có lẽ là với mục đích để bảo vệ việc đánh cá chẳng hạn); nhưng chắc chắn là vua Gia Long đã thiết tha muốn gắn thêm cái hoa nhỏ này vào vương miện của mình, vì nhà vua đã phán đoán về vấn đề tự mình đi chiếm hữu nó, và năm 1816 vua đã long trọng cắm tại đây lá cờ của An Nam*”.

- Bài nghiên cứu *Geography of the Cochin-Chinese Empire* của TS. Gutzlaff, in trên tạp chí *Journal of Royal the Geographical Society*, số 19, xuất bản tại London năm 1849. Trang 93 miêu tả về Hoàng Sa như sau: “*quần đảo Paracels (còn gọi là Katvang) nằm cách bờ biển An Nam khoảng từ 15 đến 20 league, dân Cochin-China và dân đảo Hải Nam thường đến đây đánh cá, thu nhặt hải vật từ các tàu đắm. Chính quyền An Nam nhận thấy môi lợi này nên đã lập ra những trung thuyền và một trại lính nhỏ ở nơi này để thu thuế những thuyền bè nước ngoài đến đánh bắt hải sản ở đây và để hỗ trợ cho những người đánh cá bản quốc. Những cuộc giao dịch lớn dần dần hình thành nơi đây*”.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- Sách *Das Ausland* xuất bản tại Stuttgart và Tübingen (Đức) năm 1850. Trang 397, mục *Geographie von Cochinchina* (Địa lý Đàng Trong), ghi: “*Nằm xa ở phía đông bắc (cách bờ biển An Nam 15 - 20 leguas, vĩ độ 13° - 17°) là quần đảo Paracels (Katvang)... Các đảo này sẽ hoàn toàn không có giá trị nếu như vùng biển này không cung cấp một sản lượng cá đặc biệt lớn. Đó là lý do mà từ xưa đã có vô số thuyền đánh cá từ đảo Hải Nam dong buồm tới đây. Cho dù cứ mười chuyến đi thì có một chuyến thất bại, nhưng lượng cá đánh bắt được từ những chuyến đi kia vẫn đủ lớn để bù đắp lại. Chính quyền Đàng Trong không rời mắt khỏi thực tế này và đã cử tàu ra giám sát và công bố một văn bản luật để bảo vệ ngư dân của họ*”.

- Sách *L'univers. Histoire et description de tous les peuples. Japon, Indo-Chine, etc.* của Adolphe Dubois de Jancigny, xuất bản tại Paris năm 1850. Trang 555 viết: “... Từ hơn 34 năm, quần đảo Paracel, (người An Nam gọi là Cát Vàng), là một dải đảo quanh co với nhiều đảo chìm và nổi, quả là rất đáng sợ cho các nhà hàng hải, đã do những người An Nam chiếm giữ. Chúng tôi không biết rằng họ có xây dựng cơ sở của mình hay không, nhưng chắc chắn rằng vua Gia Long đã quyết định giữ nơi này cho triều đại mình, vì rằng chính ông đã thấy được rằng tự mình phải đến đây chiếm hữu nó, và năm 1816 nhà vua đã trình trọng cấm ở đây lá cờ của An Nam”.

- Sách *Compendio di geografia universale* của nhà địa lý học nổi tiếng người Ý Adriano Balbi xuất bản ở Livorno năm 1850. Các trang 437-438 trong mục *l'Impero di An-nam* (Đế chế An Nam) viết về vị trí địa lý, địa dư, diện tích và dân số An Nam vào thế kỷ XVIII ghi rõ: “*Thuộc về đế chế này còn có quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Hải Tặc và quần đảo Côn Sơn*”.

- Sách *La geografia universal* của Malte-Brun, tập I, xuất bản tại Madrid và Barcelona năm 1853. Các trang 791-802 mô tả khá kỹ về vương quốc An Nam, liệt kê nhiều địa danh thuộc về vương quốc này trong đó có *Paracelso* (quần đảo Hoàng Sa). Trang 799 miêu tả: “*Paracelso là một quần thể các đảo, đá mà theo chỉ dẫn trên các bản đồ thì trải dài đến 50 hải lý, đến tận phía nam đảo Hải Nam, đối diện với bờ biển Cochinchina... Nó bao gồm nhiều nhóm đảo, trong đó có thể phân biệt nhóm Amphitritos, Discovery và Voadore. Một số đảo ở đây có rừng cây bao phủ, các đảo này được dân Cochinchina sử dụng làm nơi đánh bắt cá*”.

- Từ điển tri thức phổ thông *Neues Konversations-Lexikon für alle Stände* của Hermann J. Meger, tập XII, xuất bản tại Pilburghansen và New York năm 1859. Trang 153, vần P, có mục từ: “*Paracels (Paracelinseln): Quần đảo và bãi đá ngầm ở bán đảo Indo-Chineisische (Đông Dương), thuộc xứ Cochinchina, tỉnh Nam An Nam của vương quốc An Nam, trong vùng biển Nam Trung Hoa ở phía đông nam đảo Hải Nam. Một số đảo có cây xanh, một số khác chỉ là các bãi hoang. Tất cả các đảo đều có nhiều chim (én biển), rùa và rất nhiều cá*”.

- Từ điển tri thức phổ thông *Pierer's Universal-Lexikon* xuất bản tại Altenburg (Đức) năm 1861. Trang 659, vần P, có mục từ: “*Paracels: Quần đảo thuộc vương quốc An Nam, trong*



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

vùng biển Nam Trung Hoa. Chủ yếu là các bãi đá san hô. Một số đảo có cây xanh. Các đảo đều có nhiều chim, rùa và là khu vực đánh cá tốt”.

- Sách *Aus der Natur* xuất bản tại Leipzig (Đức) năm 1867. Trang 696, mục *Das Königreich An-Nam* (Vương quốc An Nam) viết: “Vương quốc An Nam chiếm gần trọn bán đảo Indo-Chineisische, bao gồm các xứ: Cochinchina, Tonquin, một phần Kambodscha (Campuchia), một số đảo ven bờ biển và quần đảo Paracels”.

- Hội ký *Souvenirs de Hué (Cochinchine)* của Michel Đức Chaigneau, xuất bản tại Paris năm 1867. Trang 13 ghi rõ: “Vương quốc An Nam gồm xứ Cochinchine, xứ Tonquin, một phần Cambodge, quần đảo Paracels...”.

Những thông tin liên quan đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (cùng với các đảo khác) thuộc chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông trong nhiều thư tịch cổ của phương Tây là những ghi nhận thực tế về vị trí địa lý, địa dư, lịch sử khai thác và chiếm hữu các đảo này của các học giả, nhà địa lý, nhà hàng hải... phương Tây trong các thế kỷ XVI - XIX. Những thư tịch đã khách quan thừa nhận người Việt Nam đã có quá trình khám phá, khai thác, xác lập và thực thi chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ rất lâu đời.

4. BẢN ĐỒ CỔ NƯỚC NGOÀI CHỨNG MINH CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM ĐỐI VỚI HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

4.1. Bản đồ cổ phương Tây chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Ngoài các thư tịch cổ, còn có nhiều bản đồ được các nhà địa lý, các nhà hàng hải, các nhà bản đồ học ở các nước phương Tây vẽ và xuất bản trong các thế kỷ XVI - XIX đã góp phần chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Những bản đồ sớm nhất xuất bản ở phương Tây có miêu tả Hoàng Sa có lẽ là hai bản đồ do người Bồ Đào Nha vẽ vào năm 1560: một bản đồ do Bartholomen Velho vẽ và bản đồ còn lại do João de Lisboa vẽ. Trên hai bản đồ này đều có hình vẽ một chuỗi đảo dài và cong như một lưỡi dao đối diện với bờ biển miền Trung Việt Nam ngày nay. Cục bắc chuỗi đảo này vẽ một nhóm đảo tương ứng với vị trí của quần đảo Hoàng Sa và ghi tên là *I. bas do Pracell* (Bãi ngầm Hoàng Sa). Cục nam là hòn đảo có tên là *Pulo Ceciss*, chính là Cù Lao Thu (đảo Phú Quý).

Tiếp đến là tờ bản đồ *Cabo Comorim, Japao, Moluco e Note in Atlas* nằm trong bộ bản đồ thế giới gồm 8 bức do Fernão Vaz Dourado, người Bồ Đào Nha, vẽ năm 1571. Trên bản đồ này cũng vẽ một chuỗi đảo nằm ở ngoài khơi vùng biển Đông Trong, hình tựa lưỡi dao thẳng cạnh, không cong như hình vẽ chuỗi đảo trên hai bản đồ của Bartholomen Velho và João de Lisboa. Phía bắc chuỗi đảo này là cụm đảo có tên là *I. des baixos Cachina* (Bãi ngầm



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Giao Chi). Điểm cuối ở phía nam là đảo *Pulo Sissi* (Cù Lao Thu). Phía tây chuỗi đảo này các hòn đảo ven bờ biển Đàng Trong, được định danh là *P. Champello* (Cù Lao Chàm), *P. Cotaio* (Cù Lao Ré), *P. Cambiz* (Cù Lao Xanh). Như vậy là từ năm 1571, Fernão Vaz Dourado đã phân biệt *I. des baixos Cachina* (Bãi ngầm Giao Chi, tức là quần đảo Hoàng Sa) với các đảo ven bờ như Cù Lao Chàm, Cù Lao Ré, Cù Lao Xanh...

Năm 1576, Fernão Vaz Dourado công bố thêm một bản đồ vẽ khu vực Đông Nam Á, trên đó cũng có hình vẽ chuỗi đảo ở ngoài khơi vùng biển Đàng Trong tương tự như hình vẽ trên bản đồ *Cabo Comorim, Japao, Moluco e Note in Atlas 1571*. Tuy nhiên tên của quần đảo Hoàng Sa trên bản đồ này ghi là *I. do Pracell*, không phải là *I. des baixos Cachina* như trên bản đồ do ông công bố năm 1571.

Trong thập niên 90 của thế kỷ XVI có thêm nhiều bản đồ công bố ở phương Tây có liên quan đến quần đảo Hoàng Sa như các bản đồ của: Barthlomen Lasso, Van Langren, Linschoten, Petrus Plancius...

Barthlomen Lasso có hai bản đồ vẽ vào các năm 1590 và 1592 - 1594. Trên hai bản đồ này quần đảo *Pracel* được vẽ như hình lưỡi dao dài ở Biển Đông, bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và những đảo nhỏ khác ở phía nam. Vùng bờ biển phía tây ghi nhiều địa danh như: *Varella* (Mũi Nạy, tức mũi Đại Lãnh), *Pulo Cambi* (Cù Lao Xanh), *Pulo Cantão* (Cù Lao Ré, tức đảo Lý Sơn) *Sinoa* (Thuận Hóa)... Đặc biệt, vùng bờ biển giáp với *Pulo Cantão* được ghi trên bản đồ là *Costa de Pracel* (Bờ biển Hoàng Sa). Điều này chứng tỏ vào cuối thế kỷ XVI, các nhà vẽ bản đồ phương Tây đã ghi nhận “một sự liên hệ nào đó về mặt địa lý giữa vùng biển tỉnh Quảng Ngãi, Cù Lao Ré và quần đảo Paracels”.

Bản đồ *Insullae Moluccae* do Petrus Plancius (1552 - 1622) vẽ năm 1592. Quần đảo Hoàng Sa trên bản đồ này cũng được gọi là *Pracel*, bao gồm cả Hoàng Sa, Trường Sa và một số đảo ở phía nam Biển Đông. Bờ biển đối diện với *Pracel* ở phía tây cũng được gọi là *Costa da Pracel*. Riêng cụm đảo ở phía bắc chuỗi đảo này thì được ghi danh là *Doa Tavaquero* thay cho các tên gọi *I. des baixos Cachina* hay *I. do Pracell* như trên các bản đồ của người Bồ Đào Nha

Năm 1595, hai anh em người Hà Lan là Van Langren đã công bố tám bản đồ vẽ rất toàn diện và chi tiết về khu vực Đông Á. Trên bản đồ này cũng có vẽ chuỗi đảo hình lưỡi dao ở ngoài khơi vùng biển Đàng Trong, với cụm đảo ở cực bắc tên là *I. de Pracel*, còn vùng bờ biển đối diện ở phía tây có tên là *Costa de Pracel*. Hình vẽ chuỗi đảo này không dài và cong như trên các bản đồ trước đó, mà chỉ giới hạn trong phạm vi hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đồng thời có sự phân biệt rõ ràng với các đảo ven bờ và các đảo ở phía nam. Điều này cho thấy đến thời điểm này thì nhận thức về Hoàng Sa và Trường Sa của người phương Tây đã sát với thực tế hơn so với trước đó. “Có thể nói rằng, bản đồ Van



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Langren đã đánh dấu sự chuyển giao thế thượng phong ở Biển Đông từ các nhà hàng hải Bồ Đào Nha sang các nhà hàng hải Hà Lan”.

Bản đồ do Linschoten công bố năm 1599 có lẽ là bản đồ cuối cùng của các nhà hàng hải phương Tây trong thế kỷ XVI có vẽ quần đảo Hoàng Sa. Bản đồ này xác nhận những điều đã được thể hiện trên bản đồ của anh em Van Langren nhưng chi tiết hơn. Ba đảo ven bờ được ghi tên lên bản đồ này là *Polo Cecir* (Cù Lao Thu) ở cực nam, bãi đá *Pracel* đi qua phía đông *Polo Cambir* (Cù Lao Xanh) và *Pulo Ampelo* (Cù Lao Chàm). Tận cùng ở phía bắc là các đảo ngoài khơi nằm ngang hàng với *Pulo Ampelo* ở gần bờ.

Thế kỷ XVII ở phương Tây xuất hiện thêm nhiều bản đồ có hình vẽ quần đảo quần đảo Hoàng Sa với các tên gọi: *Parcels*, *Paracels*, *Paracel Islands*... và ghi nhận mối liên hệ giữa quần đảo này với lãnh thổ Việt Nam lúc đó. Đó là các bản đồ: *India Orientalis* (do Jodocus Hondius thực hiện năm 1606), *Insulæ Indiæ Orientalis Præcipuæ* (do Jodocus Hondius thực hiện năm 1613), *Asia noviter delineata* (do Willem Janszoon Blaeu thực hiện năm 1617), *Asia* (do John Speed thực hiện năm 1626), *Asia* (do John Speed thực hiện năm 1626), *India Orientalis* (do Gerard Mercator thực hiện năm 1630), *Insulæ Indiæ Orientalis* (do Jodocus Hondius thực hiện năm 1632), bản đồ khuyết danh (do Pedro Berthelot vẽ năm 1635), *Asia* (do Herman Moll thực hiện năm 1636), *Carte de l'Asie* (do Van Lochem thực hiện năm 1640), *India quæ Orientalis dicitur, et Insulæ Adiacentes* (do Willem Janszoon Blaeu thực hiện năm 1645), *Indiæ Orientalis Nova Descriptio* (do Janssouius thực hiện năm 1645), *Tabula Indiæ Orientalis* (do F. De Wit thực hiện năm 1662), *Indiæ Orientalis* (do Visscher thực hiện năm 1680), *Carte du Royaume de Siam et des pays circonvoisins* (do P. du Val thực hiện năm 1686), *The East Indies* in trong tập du ký của W. Dampier xuất bản năm 1688...

Quần đảo *Pracel* / *Parcel* / *Paracels* trên những bản đồ này thường được vẽ gộp cả Hoàng Sa và Trường Sa, và bắt đầu vẽ dịch lên phía bắc, gần đúng với vị trí thực tế của hai quần đảo này. Một số bản đồ ghi tên quần đảo Hoàng Sa là *I. de Pracel* như các bản đồ của Janssouius (1645), của F. De Wit (1662) của Visscher (1680); là *Island Pracell* như bản đồ của Thornton (1669); là *Shoales of Pracel* như bản đồ của W. Dampier (1688).

Thế kỷ XVIII có thêm nhiều bản đồ vẽ khu vực Biển Đông và quần đảo Hoàng Sa được công bố ở phương Tây. Đó là các bản đồ: *L' Asia* (do Dressée thực hiện năm 1700), *Carte des Costes de l'Asie sur l'océan contenant les bancs isles et costes & c.* (do Alexis Hubert Jaillot thực hiện năm 1720), *India Orientalis* (do Seutter thực hiện năm 1720), *A Map of the Continental of the East-Indie* (do Herman Moll thực hiện năm 1736), *Carte de l'Asie* (do Homann Heirs thực hiện năm 1744), *Carte de Costes de Cochinchine, Tunquin et partie de celles de la Chine* (do Kaart van de Kusten thực hiện năm 1754), *Seconde partie de la carte d'Asie* (do Jean Baptiste d'Anville thực hiện năm 1752), *A New and Elegant Imperial Sheet Atlas* (do Robert Laurie xuất bản năm 1794), *East Indies* (do Thomas Salmon thực hiện năm 1767),



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Karte von dem Morgenländischen Ocean oder dem Indischen Meere (do Jacques Nicolas Bellin thực hiện khoảng năm 1770), *Carte generale des Indes orientales et des Islles Adiacentes* (do Mariette xuất bản năm 1790), *Carte Hydro-Geographique des Indes Orientales* (do M. Bonne xuất bản năm 1791)...

Đáng chú ý là bản đồ *Carte de Costes de Cochinchine, Tunquin et partie de celles de la Chine* do Kaart van de Kusten thực hiện năm 1754. Trên bản đồ này, mặc dù bao quanh hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vẫn còn đường viền hình lưỡi dao, và tên chung của hai quần đảo này là *Le Paracel*, nhưng các đảo thuộc hai quần đảo này đã được vẽ tách rời và đã phân biệt *Les Lunettes* (nhóm Nguyệt Thiềm) ở phía đông với các đảo còn lại ở phía tây của quần đảo Hoàng Sa.

Tám bản đồ in trong cuốn *Neptune Oriental* của A. de Mannevillele xuất bản năm 1775, được đánh giá là “*đã có nhiều tiến bộ so với các bản đồ của các nhà hàng hải Bồ Đào Nha, tuy nhận thức vẫn chưa có những thay đổi cơ bản*”, do lẽ trên bản đồ này có đoạn ghi chú mô tả khá rõ về quần đảo Hoàng Sa: “*Paracels là một bãi đá lớn, trải rộng ra từ bắc xuống nam ở ngoài khơi bờ biển xứ Đàng Trong. Phần lớn các bản đồ đều ghi là chiều dài của nó khoảng chừng 92 dặm, từ 12°10’ đến 16°45’ vĩ độ Bắc, còn chiều rộng của nó khoảng chừng 20 dặm. Trong vài năm gần đây, người ta đã nhận biết rằng không gian này đã chứa chât đây nhiều hòn đảo to nhỏ khác nhau, với những bãi cát và bãi đá ở rất nhiều nơi*”.

Thế kỷ XIX ghi nhận sự xuất hiện ngày càng nhiều bản đồ liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngoài những bản đồ của Pháp, Đức, Bỉ... thời kỳ này xuất hiện nhiều bản đồ của Anh và Hoa Kỳ, đánh dấu sự trỗi dậy của hai cường quốc này trong việc chinh phục các đại dương trên thế giới. Tiêu biểu là các bản đồ: *An Accurate map of the East Indies* (do Thomas Banke xuất bản tại London năm 1805), *Chart of the East India Islands* (do Longman Hurst Rees & Orme Paternoster Row xuất bản tại Anh năm 1808), *A New Map of the East India Isles* (do J. Carry thực hiện năm 1811), *East India Isles* (do John Thomson thực hiện năm 1817), *East India Islands* (do Samuel Walker xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1834), *An Nam đại quốc họa đồ* (do Giám mục Jean Louis Taberd thực hiện năm 1838), *Ost-Indien* (do Stieler’s Hand-Atlas xuất bản tại Đức năm 1870), *Map of Indo-China* (do Scottish Geographica Magazine xuất bản tại Anh năm 1886), *Asia* (do McNally & Company’s xuất bản tại Hoa Kỳ năm 1887), *Siam and the Malay Archipelago* (do The Times Atlas, Printing House Square xuất bản tại Anh năm 1896). Trên các bản đồ này luôn có hình vẽ quần đảo Hoàng Sa với các tên gọi là *I. de Paracel*, *Paracels*, *Paracel Islands*, *I. Ciampa* (đảo Champa).

Đặc biệt, có hai bản đồ khẳng định chắc chắn quần đảo Hoàng Sa là của Việt Nam được xuất bản trong nửa đầu thế kỷ XIX. Đó là bản đồ *Partie de la Cochinchine* trong bộ *Atlas Universel* (6 tập) do nhà địa lý học người Bỉ Philippe Vandermaelen biên soạn, xuất



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

bản tại Bruxelles (Bi) vào năm 1827 và *An Nam đại quốc họa đồ* do Giám mục Jean Louis Taberd vẽ, in trong từ điển *Latin - Annam* xuất bản năm 1838.

Bản đồ *Partie de la Cochinchine* là tờ bản đồ số 106 trong tập 2 (*Asie*) của bộ *Atlas Universel*. Bản đồ này vẽ vùng bờ biển miền Trung Việt Nam kéo dài từ vĩ tuyến 12 đến vĩ tuyến 16, gồm các vùng: *Bink-Kang* (Bình Khang, tên cũ của tỉnh Khánh Hòa), có các địa danh: *Carmraigne havre* (cảng Cam Ranh), *Nhiatrang* (Nha Trang); *Quin-Hone* (Quy Nhơn), có các địa danh: *Phuyen havre* (cảng Phú Yên), *Cambir B.* (Cù Lao Xanh, nay là xã đảo Nhơn Châu ở thành phố Quy Nhơn), *P. Quinhone* (Quy Nhơn), *Batangan* (mũi Ba Làng An, Bình Sơn, Quảng Ngãi)... ở trên đất liền và ven bờ biển. Bản đồ còn thể hiện một chuỗi đảo ven biển, bắt đầu từ các đảo thuộc vịnh Cam Ranh ở phía nam, chạy lên phía bắc với hơn 20 hòn đảo lớn nhỏ và kết thúc bằng quần đảo *Cham Collac ou Champella* (Cù Lao Chàm) ở ven biển Quảng Nam.

Điểm quan trọng nhất là ở phần chính của bản đồ có hình vẽ quần đảo *Paracels* nằm trong vùng biển có vĩ độ từ 16^o đến 17^o, kinh độ từ 109^o đến 111^o, gồm các đảo: *I. Pattles* (đảo Hoàng Sa), *I. Dccan* (đảo Duncan, tức đảo Quang Hòa), *Tree I.* (đảo Cây), *I. Lincoln* (đảo Lincoln), *Triton* (nhóm đảo Tri Tôn), *Rocher au dessus de l'eau* (khu vực Đá Bông Bay). Vị trí các đảo, đá, nhóm đảo... thuộc quần đảo *Paracels* trên bản đồ này là tương đối chính xác so với tọa độ thực tế hiện nay.

Bên phải hình vẽ quần đảo *Paracels* là ô hình chữ nhật ghi dòng chữ *Empire d'An-nam* (Đế chế An Nam) giới thiệu tóm tắt về vương quốc An Nam bằng tiếng Pháp, theo từng tiểu mục: *Phisique* (Hình thể), *Politique* (Thể chế chính trị), *Statistique* (Thống kê) và *Minéralogie* (Khoáng vật).

Cách đặt tên bản đồ là *Partie de la Cochinchine*, việc thể hiện các địa danh trên đất liền, các đảo ven bờ biển và quần đảo *Paracels* ở ngoài khơi vùng biển Việt Nam cùng với việc giới thiệu vương quốc An Nam trên bản đồ, cũng như việc xếp tờ bản đồ này vào nhóm bản đồ miêu tả hình thể và vị trí địa lý của Việt Nam đương thời trong bộ *Atlas Universel* chứng tỏ tác giả bộ atlas này đã thừa nhận *Paracels* là một phần lãnh thổ của đế chế An Nam lúc đó. Tờ bản đồ này lại nằm trong bộ bản đồ thế giới do một nhà địa lý học của phương Tây biên soạn từ đầu thế kỷ XIX, được Viện Địa lý Hoàng gia Bỉ xuất bản chính thức nên có giá trị khoa học và giá trị pháp lý rất cao.

Cũng lưu ý thêm rằng, từ thế kỷ XVI các nhà địa lý và nhà hàng hải phương Tây, đầu tiên là những người Bồ Đào Nha, đã vẽ bản đồ vùng biển Hoàng Sa và đã định danh *Pracel* (hay *Parcel, Paracels*) trên bản đồ để chỉ cụm đảo mà người Việt gọi là *Bãi Cát Vàng* hay *Hoàng Sa*. Đồng thời, họ cũng định danh vùng bờ biển đối diện với quần đảo *Pracel* (*Parcel, Paracels*) ở phía tây là *Costa de Pracel / Coste de Paracels* (Bờ biển Hoàng Sa). Tuy nhiên vào thời điểm này, vị trí *Paracels* trên các bản đồ phương Tây cũng như vị trí quần



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

đảo Hoàng Sa trên bản đồ cổ Việt Nam chưa được thể hiện chính xác về tọa độ. *Paracels* theo cách hiểu của người phương Tây cũng như quần đảo Hoàng Sa người Việt lúc đó bao gồm cả quần đảo Trường Sa ngày nay, thậm chí cả một số đảo gần bờ ở vùng biển Nam Trung Bộ. Song với tấm bản đồ *Partie de la Cochinchine* thì các đảo ven bờ như: *Cham Collac ou Champella* (Cù Lao Chàm), *Cambir B.* (Cù Lao Xanh), *P. Canton ou Cacitam* (Cù Lao Ré, đảo Lý Sơn)... đã có sự phân biệt rạch ròi với *Paracels* (quần đảo Hoàng Sa) ở giữa Biển Đông.

Sau Philippe Vandermaelen, trong cuốn từ điển *Latin - Annam* xuất bản năm 1838, Giám mục Jean Louis Taberd công bố tờ bản đồ có tên ghi bằng ba ngôn ngữ: Hán - Quốc ngữ - Latin: 安南大國畫圖 / *An Nam đại quốc họa đồ* / *Tabula Geografica Imperii Anamiciti*. Trên bản đồ này có vẽ 9 dấu chấm nhỏ tượng trưng cho quần đảo Hoàng Sa, có tọa độ gần đúng với thực tế, kèm theo dòng chú thích “*Paracel seu Cát Vàng*” (Paracel tức là Cát Vàng). Trong bài viết *Note on the Geography of Cochinchina* in trên tập san *The Journal of the Asiatic Society of Bengal* (Vol. 6, Part II) xuất bản năm 1837, Giám mục Taberd đã viết: “*Paracel, hay Pracel, tức là Hoàng Sa - Côn Vàng, thuộc về Cochinchina (Việt Nam)*”, đồng thời khẳng định vào năm 1816, vua Gia Long đã cho người đến cắm cờ và tuyên bố chủ quyền trên quần đảo này mà không gặp bất cứ ai tranh chấp với ông về việc này.

Cùng với bản đồ *Partie de la Cochinchine* của Philippe Vandermaelen, bản đồ *An Nam đại quốc họa đồ* của Jean Louis Taberd đã khẳng định *Paracels* chính là *Cát Vàng* hay quần đảo Hoàng Sa và thuộc về Việt Nam. Đây là bằng chứng để bác bỏ ý kiến của học giới Trung Quốc khi họ cho rằng *Paracels* chính là *Xisha qundao* (Tây Sa quần đảo) và thuộc về Trung Quốc. Còn quần đảo Hoàng Sa mà Việt Nam tuyên bố chủ quyền chỉ những đảo nhỏ ven bờ như Cù Lao Chàm, Cù Lao Ré... không liên quan gì đến *Paracels*.

Như vậy, ngoài những sự kiện lịch sử đã được chứng thực, cùng với các nguồn tư liệu thành văn được ghi chép bởi nhiều ngôn ngữ khác nhau, thì những tấm bản đồ cổ của phương Tây đã chứng minh từ gần năm thế kỷ trước, Việt Nam đã xác lập chủ quyền quốc gia đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Điều này được ghi nhận trên những tấm bản đồ do nhà bản đồ học, các nhà hàng hải, các nhà phát kiến địa lý phương Tây soạn vẽ và công bố trong các thế kỷ XVI - XIX. Đây chính là nguồn tư liệu quý, góp phần khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

4.2. Bản đồ cổ Trung Quốc chứng minh hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa không thuộc chủ quyền của Trung Quốc

Kể từ khi bắt đầu tranh chấp với chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam vào năm 1909, chính quyền và học giới Trung Quốc bắt đầu tìm kiếm những tư liệu thư tịch và bản đồ cổ của Trung Quốc có liên quan đến địa lý và lịch sử Biển Đông, Hoàng Sa



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

và Trường Sa để chứng minh quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, mà họ gọi là *Xisha Qundao* (Tây Sa quần đảo) và *Nansha Qundao* (Nam Sa quần đảo) thuộc về Trung Quốc.

Tuy nhiên, cả thư tịch cổ và bản đồ cổ mà họ trích cứu từ thời Tần - Hán cho đến thời Minh - Thanh, dài ngót 2.000 năm, đều phản ánh một sự thật là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa chưa bao giờ thuộc về Trung Quốc như họ đã tuyên bố trong mấy chục năm qua.

Đối với nguồn tư liệu bản đồ, nhiều học giả Việt Nam và quốc tế đã dày công nghiên cứu hàng trăm bản đồ quốc gia, dư đồ, địa đồ của các địa phương ở phía nam Trung Quốc do chính quyền và các học giả Trung Quốc soạn vẽ và công bố từ thời Tần - Hán cho đến thời Trung Hoa Dân quốc đều xác nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam không hề xuất hiện trên bản đồ Trung Quốc. Những bản đồ do triều đình phong kiến và các học giả Trung Quốc soạn vẽ từ thời Minh trở về trước thì: hoặc là ghi nhận đảo Hải Nam là cực nam của Trung Quốc và không thể hiện hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm trong cương vực Trung Quốc, hoặc có ghi nhận hai quần đảo này bằng các tên gọi *Vạn Lý Trường Sa*, *Thiên Lý Thạch Đường*... nhưng chú dẫn đó là những đảo thuộc “Phiên quốc” (nước ngoài). Nói cách khác bản đồ cổ Trung Quốc khẳng định hai quần đảo này không thuộc về nước này.

Dưới thời nhà Thanh (1644 - 1911), việc vẽ bản đồ quốc gia và bản đồ các tỉnh của Trung Quốc rất được các vị hoàng đế của triều đại này chú trọng. Bấy giờ Trung Quốc đã áp dụng kỹ thuật đo vẽ bản đồ tiên tiến của phương Tây và đã đạt được những tiến bộ quan trọng trong khảo sát, đo vẽ và in ấn bản đồ của Trung Quốc. Năm 1708, hoàng đế Khang Hi sử dụng các giáo sĩ Dòng Tên đến từ phương Tây để tiến hành khảo sát, đo vẽ bản đồ trên toàn cõi Trung Hoa. Sau gần 10 năm thực hiện thì công việc hoàn thành với kết quả là sự ra đời bộ bản đồ *Hoàng dư toàn lãm đồ* (皇輿全覽圖) vào năm 1717. Đây là bộ bản đồ công phu và hoàn chỉnh nhất về cương giới Trung Quốc cho đến thời điểm bấy giờ do nhà Thanh chính thức ấn hành. Bản đồ có tỉ lệ từ 1: 4000.000 đến 1: 5000.000, in khắc gỗ có 28 tờ bản đồ, có cả bản đồ Mông Cổ và Mãn Châu, nhưng không có bản đồ Tân Cương và Tây Tạng. Trên bộ bản đồ này, cương vực phía đông nam của Trung Quốc thực sự chấm dứt ở đảo Hải Nam.

Năm 1728, nhà Thanh xuất bản bộ bách khoa thư *Cổ kim đồ thư tập thành* (古今圖書集成) một vạn quyển, trong đó tập hợp 216 bản đồ là toàn đồ và bản đồ các tỉnh của Trung Quốc trong suốt diễn trình lịch sử của đế chế này. Vậy nhưng, trong tập bách khoa thư đồ sộ này hoàn toàn không có bản đồ nào ghi nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về Trung Quốc. Quyển 1 trong mục *Chức phương điển* (Sách điển chế về địa đồ các đơn vị hành chính) của bộ bách khoa thư này có các bản đồ: *Chức phương tổng bộ đồ*, *Quảng*



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Đông cương vực đồ, Quỳnh Châu phủ cương vực đồ, là những bản đồ vẽ về phần lãnh thổ phương nam của Trung Quốc đến đời Khang Hi (1661 - 1722) nhà Thanh, đều không ghi nhận các quần đảo xa hơn đảo Hải Nam. Ngoài ra, sách *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập* khi trích in lại địa đồ từ sách *Quảng Đông thông chí* biên soạn đời Gia Tĩnh (1522 - 1566) triều Minh thì phần hải đảo của Trung Quốc chỉ giới hạn ở Quỳnh Châu (tức đảo Hải Nam).

Ngoài các bản đồ trong bộ *Hoàng dư toàn lãm phân đồ* và trong bách khoa thư *Cổ kim đồ thư tập thành*, còn có nhiều bản đồ do nhà Thanh hoặc do chính quyền các tỉnh ở Trung Quốc xuất bản chính thức, không hề ghi nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tiêu biểu là các bản đồ: *Hoàng dư toàn lãm phân tỉnh đồ* (皇與全覽分省圖) ấn hành khoảng năm 1717, *Nhị kinh thập bát tỉnh tổng đồ* (二京十八省圖) và *Quảng Đông toàn đồ* (廣東全圖) trong sách *Thanh nhị kinh thập bát tỉnh cương vực toàn đồ* (清二京十八省疆域全圖) ấn hành năm 1850, *Hoàng dư toàn đồ* (皇輿全圖) ấn hành năm 1899, *Quảng Đông tỉnh* (廣東省) trong sách *Địa dư đồ khảo* (地輿圖考) ấn hành đời Quang Tự (1875 - 1908), *Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ* (皇朝直省地輿全圖) ấn hành năm 1904, *Đại Thanh đế quốc* (大清帝國) trong sách *Thanh đại địa đồ tập* (清大地圖集) ấn hành năm 1905, *Đại Thanh đế quốc* (大清帝國) và *Quảng Đông tỉnh* (廣東省) trong sách *Đại Thanh đế quốc toàn đồ* (大清帝國全圖) ấn hành năm 1908; *Trung Hoa dân quốc phân tỉnh tân đồ* (中華民國分省新圖)... Điểm chung của các bản đồ này là cương giới cực nam của Trung Quốc luôn dừng lại ở đảo Hải Nam.

Mặt khác, sách *Hải quốc đồ chí* do Ngụy Nguyên biên soạn vào năm 1842 có in bức địa đồ *Đông nam dương các quốc diên cách đồ* (東南洋各國延隔圖), trên đó có vẽ khá chi tiết hai quần đảo *Vạn Lý Trường Sa* và *Thiên Lý Thạch Đường*, là hai quần đảo mà học giới Trung Quốc ngày nay cho là *Xisha qundao* và *Nansha qundao* và nhận “vơ” là của Trung Quốc, thì tác giả sách này lại xác nhận hai quần đảo này nằm ngoài cương vực Trung Quốc như cách đặt tên địa đồ này.

Đặc biệt, từ năm 1908 đến năm 1933, triều đình nhà Thanh và sau đó là Chính phủ Trung Hoa Dân quốc đã tổ chức đo đạc, biên soạn và xuất bản bốn atlas rất quy mô và công phu, theo kỹ thuật vẽ bản đồ của phương Tây, tập hợp các bản đồ hành chính và bản đồ bưu chính tất cả tỉnh thành của Trung Quốc để phát hành ra thế giới. Đó là các atlas:

- *Atlas of the Chinese Empire* / 中國地圖 xuất bản bằng tiếng Anh năm 1908. Atlas này gồm một bản đồ tổng thể (Index Map) vẽ lãnh thổ Trung Quốc và 22 bản đồ các tỉnh của Trung Quốc. Các bản đồ đều có kích thước 31 cm x 41 cm. Đây là atlas do phái bộ truyền giáo *The China Inland Mission* có trụ sở ở Thượng Hải (Trung Quốc) biên soạn và in ấn với sự trợ giúp kỹ thuật của một người Anh tên là Edward Stanford. Đây cũng là bộ atlas đầu tiên theo kiểu phương Tây được xuất bản ở Trung Quốc, và được phát hành với sự giúp đỡ của Tổng cục Bưu chính nhà Thanh.



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- *Complete Atlas of the China* / 中國全圖 xuất bản bằng tiếng Anh năm 1917. Đây là ấn phẩm tái bản của *Atlas of the Chinese Empire* / 中國地圖, cũng bao gồm toàn đồ nước Trung Quốc toàn đồ và 22 bản đồ các tỉnh, in cùng kích thước, hình thức, màu sắc như *Atlas of the Chinese Empire* / 中國地圖.

- *Atlas Postal de Chine* / 中華郵政與圖/ *Postal Atlas of China* do Tổng cục Bưu chính thuộc Bộ Giao thông của Trung Hoa Dân quốc xuất bản tại Nam Kinh năm 1919. Atlas được in bằng ba thứ tiếng Trung - Anh - Pháp, gồm một bản đồ tổng thể và 46 bản đồ các tỉnh của Trung Quốc. Các bản đồ đều có kích thước 61 cm x 71 cm.

- *Atlas Postal de Chine* / 中華郵政與圖 / *Postal Atlas of China*, cũng do Tổng cục Bưu chính thuộc Bộ Giao thông của Trung Hoa Dân quốc xuất bản tại Nam Kinh vào năm 1933. Đây là ấn phẩm tái bản có bổ sung của *Atlas Postal de Chine* / 中華郵政與圖 / *Postal Atlas of China* xuất bản lần đầu vào năm 1919. Atlas này cũng in bằng ba thứ tiếng Trung - Anh - Pháp, gồm một bản đồ tổng thể và 29 bản đồ các tỉnh của Trung Quốc, bao gồm cả Tây Tạng và Mông Cổ. Các bản đồ trong atlas này đều có kích thước 61 cm x 71 cm. Tám bản đồ số 23 trong atlas này là bản đồ tỉnh Quảng Đông và đảo Hải Nam, nhưng do kích thước atlas hạn chế nên đảo Hải Nam được in ở góc trái phía trên tám bản đồ tỉnh Quảng Đông.

Các atlas nói trên là sản phẩm của chương trình thiết lập bản đồ do nhà Thanh đề ra vào năm 1906 và được chính phủ Trung Hoa Dân quốc kế tục vào các năm sau đó. Các bản đồ vẽ chi tiết ở từng tỉnh, thể hiện rõ các con đường vận chuyển thư từ, công văn trong các tỉnh thành của Trung Quốc bấy giờ. Nơi nào không thuộc lãnh thổ Trung Quốc thì không được thể hiện trên các bản đồ trong atlas. Vì thế mà cương giới cực nam của Trung Quốc trong các atlas này luôn chỉ giới hạn đến đảo Hải Nam, không hề có hình vẽ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Cuối các atlas này đều có phần *Index* rất chi tiết, liệt kê các địa danh của Trung Quốc từ cấp hương, trấn đến cấp phủ, tỉnh và kinh sư nhưng không có địa danh nào tên là *Xisha qundao* hay *Nansha qundao*. Điều này chứng tỏ cho đến khi nhà Thanh ấn hành *Atlas of the Chinese Empire* / 中國地圖 vào năm 1908 và sau đó Chính quyền Trung Hoa Dân quốc tái bản *Complete Atlas of the China* / 中國全圖 vào năm 1917, đồng thời tiếp tục biên soạn và xuất bản *Atlas Postal de Chine* / 中華郵政與圖 / *Postal Atlas of China* vào các năm 1919 và 1933, thì hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, mà Trung Quốc gọi là *Xisha qundao* và *Nansha qundao*, vẫn nằm ngoài cái gọi là “chủ quyền lịch sử” phi pháp do họ mới bịa ra trong mấy chục năm trở lại đây.

Năm 2016, trong quá trình tìm kiếm tư liệu ở Mỹ, tôi đã tìm thêm một số tập bản đồ do Trung Quốc xuất bản từ cuối thế kỷ XIX, cũng chỉ vẽ lãnh thổ Trung Quốc đến đảo Hải Nam mà thôi. Đó là:



HỘI THẢO

BIÊN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

- *Atlas von China* (Tập bản đồ Trung Quốc) gồm 2 tập, do Nxb Verlag von Dietrich Reimer xuất bản tại Berlin năm 1885 (kích thước 55 cm x 45 cm). Hai tập của bộ atlas này có 16 trang diễn giải bằng tiếng Đức và 55 bản đồ in màu, là những bản đồ hành chính và bản đồ địa hình vẽ kinh đô Bắc Kinh và 26 phủ ở Trung Quốc dưới triều hoàng đế Quang Tự (1875 - 1908) trị vì. Bản đồ đầu tiên trong tập I của bộ *Atlas von China* là bản đồ tổng thể Trung Quốc lúc đó. Phần cực nam của bản đồ này chỉ vẽ đến đảo Hải Nam.

- Tập bản đồ *Càn Long thập tam bài đồng bản dư địa đồ* (1760), gồm khoảng 200 tờ bản đồ được in theo kỹ thuật “đồng bản họa”. Các bản đồ này vẽ chi tiết địa hình toàn bộ lãnh thổ Trung Hoa vào dưới triều Càn Long (1735 - 1796), từ đại lục đến hải đảo và các vùng biển bao quanh Trung Hoa. Trong gần 200 tờ bản đồ thuộc bộ dư địa đồ này, không có tờ nào vẽ hay đề cập đến hai địa danh “Tây Sa quần đảo” và “Nam Sa quần đảo”. Đáng chú ý là tờ bản đồ gần cuối của tập dư địa đồ này, vẽ vùng biển đảo cực nam của Trung Quốc đương thời, thì chỉ vẽ đến đảo Hải Nam. Phần diện tích phía dưới đảo Hải Nam cũng như toàn bộ tờ bản đồ cuối cùng đều để trống, chỉ kẻ những đường ngang và dọc, thể hiện tọa độ của vùng biển phía nam Trung Hoa mà thôi.

Như vậy, từ thư tịch, đến bản đồ cổ do Trung Quốc xuất bản từ trước đến nay, cũng như những dấu tích ở trên thực địa đều nhất quán xác nhận rằng, cương giới cực nam của Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam, và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là thuộc chủ quyền của Việt Nam, không thuộc chủ quyền Trung Quốc như họ đang yêu sách và tranh chấp với Việt Nam hiện nay.

KẾT LUẬN

Các nguồn thư tịch và bản đồ cổ do Việt Nam, các nước phương Tây và Trung Quốc biên soạn, in ấn và lưu hành trong các thế kỷ XVI - XIX đều khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; hoặc ghi nhận Việt Nam có mối liên hệ mật thiết với hai quần đảo này từ nhiều thế kỷ trước.

Những tư liệu và bản đồ cổ này đã phản ánh một thực tế khách quan là người Việt Nam đã phát hiện, khai phá, xác lập và thực thi chủ quyền tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ rất lâu, đã được người phương Tây và người Trung Quốc ghi nhận trong các thư tịch và bản đồ của họ. Đó là những sử liệu quý, là nguồn tư liệu bổ sung những thông tin xác thực, có giá trị lịch sử và pháp lý chứng minh chủ quyền lâu đời của Việt Nam đối với hai quần đảo này cũng như nhiều vùng biển đảo khác của Việt Nam.

T.Đ.A.S.



HỘI THẢO
BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



**LUẬT QUỐC TẾ NHƯ LÀ MỘT THÀNH PHẦN TRANH LUẬN
TRONG CÁC TRANH CHẤP LIÊN QUAN QUYỀN LỰC ĐẾ QUỐC**

GS TSKH Marek Jan Wasinski
Đại học Tổng hợp Lodz
e-mail: mwasinski@wpia.uni.lodz.pl

Bài trình bày này tìm hiểu vai trò của luật pháp quốc tế trong các tranh chấp giữa các nước đế quốc, cường quốc và các nước phi đế quốc. Nó thách thức nhận thức nhị nguyên cho rằng quan hệ quốc tế chỉ thông qua lăng kính quyền lực chính trị hoặc trật tự quy phạm.

Rút ra từ lý thuyết Kant, lập luận rằng việc giải thích pháp luật liên quan đến sự phán xét và thuyết phục hơn là sự thật khách quan. Mặc dù các lập luận pháp lý rất quan trọng nhưng chúng chỉ là một khía cạnh của một loạt các lập luận phức tạp, bao gồm kinh tế, đạo đức và lịch sử cân nhắc. Bài thuyết trình nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thuyết phục thính giả bằng cách kêu gọi các giá trị đạo đức và chính trị cơ bản của họ. Cuối cùng, nó gợi ý rằng bất chấp những thách thức, việc đưa ra những lập luận pháp lý hiệu quả vẫn là điều cần thiết, ngay cả khi phải đối mặt với các cường quốc đế quốc trong các tranh chấp chủ quyền nhạy cảm. Quan điểm này tìm cách vượt ra ngoài sự phân đôi truyền thống và thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn về vai trò của Luật quốc tế trong các vấn đề toàn cầu.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



XÂY DỰNG QUÂN SỰ Ở BIỂN ĐÔNG GÓC NHÌN VỀ TƯƠNG LAI AN NINH CỦA VIỆT NAM

TS Robert Czulda

Đại học Tổng hợp Lodz

e-mail: robert.czulda@uni.lodz.pl

Tóm tắt nội dung

Từ góc độ không chỉ của các nước trong khu vực như Việt Nam, Philippines, Malaysia, Singapore hay Đài Loan mà còn từ góc nhìn rộng hơn, việc duy trì an ninh, ổn định và tự do hàng hải trong và xung quanh Biển Đông là mục tiêu then chốt chính sách của họ. Những quốc gia này, phụ thuộc vào vận tải hàng hải, thấy mình đang ở trong một tình huống đặc biệt khó khăn, nhưng vấn đề này cũng tác động đến các quốc gia khác, khi những diễn biến ở Biển Đông ảnh hưởng đến các khu vực, bao gồm cả phương Tây. Thật không may, trong những năm gần đây, các xu hướng đáng lo ngại đã xuất hiện, bao gồm các hành động khiêu khích leo thang, các hoạt động quân sự và hành động đối đầu, cũng như việc tăng cường trang bị vũ khí. Điều này phản ánh những lo lắng của các quốc gia trong khu vực.

Mục đích của bài trình bày này là phân tích các xu hướng chính của việc xây dựng quân đội trong những năm gần đây, bao gồm các hành động gây ra mối đe dọa cho sự ổn định trong khu vực. Những hiện tượng này sẽ được thảo luận từ góc nhìn của Việt Nam, quốc gia đang đóng vai trò chủ chốt ở Đông Nam Á và Biển Đông. Để đạt được điều này, các sáng kiến và thách thức hiện đại hóa mà Việt Nam phải đối mặt cũng sẽ được trình bày.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG - HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



NGHIÊN CỨU ĐỊA CHẤT CỦA CÁC NHÀ KHOA HỌC BA LAN TẠI VIỆT NAM LỊCH SỬ VÀ TRIỂN VỌNG

GS TSKH Wysocka Anna

Viện Khoa học Địa chất, Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan;

Khoa Địa chất, Đại học Tổng hợp Warsaw

e-mail: anna.wysocka@uw.edu.pl

Hợp tác giữa Ba Lan và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có truyền thống lâu đời. Nó được khởi đầu từ những năm 1950, khi Ba Lan bắt đầu đào tạo nhân sự cho Việt Nam và quan hệ ngoại giao được thiết lập giữa hai nước. Trong những năm qua, các nhà khoa học Ba Lan và Việt Nam đã đưa ra nhiều ấn phẩm, dự án và sáng kiến chung. Một trong những dự án này là tái thiết môi trường trầm tích của các bồn tích tụ gắn liền với đới đứt gãy sông Hồng. Có ít nhất hơn chục các bồn trũng nhỏ hẹp được lấp đầy các trầm tích Paleogen và Neogen lộ ra ở miền Bắc Việt Nam. Trong hầu hết các trường hợp, đây là những mảnh vá nhỏ, tàn dư của hệ thống trầm tích lục nguyên rộng lớn. Chỉ một số ít trong số đó đủ lớn để được coi là bồn trũng với các mặt cắt trầm tích phát triển đầy đủ. Trong số này, các trũng Cao Bằng, Na Dương và trũng Hoàn Bồ, nơi được lấp đầy các trầm tích lục địa tuổi Eocen muộn-Oligocen sớm, đáng được quan tâm đặc biệt. Ngoài ra, các nghiên cứu về trầm tích phun trào núi lửa ở miền Trung Việt Nam đã bắt đầu được



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG - HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

thực hiện trong những năm gần đây. Năm 2023, Hội nghị khoa học Ba Lan-Việt Nam „KHỞI ĐẦU MỚI” được tổ chức tại Hà Nội. Với sự tham dự của hơn 250 người từ Việt Nam và Ba Lan. Cũng trong năm 2023, Trạm Nghiên cứu Nhiệt đới Ba Lan-Việt Nam với sự hợp tác của Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (VIGMR) đã được khai trương. Sự hợp tác đang diễn ra và phát triển mạnh mẽ. Kết quả là hội thảo “Lịch sử và Triển vọng hợp tác nghiên cứu Ba Lan-Việt Nam” đã được tổ chức tại Hà Nội vào tháng 4 năm 2024 và một bộ phim về hợp tác khoa học Ba Lan-Việt Nam trong lĩnh vực địa chất, khảo cổ học và bảo tồn di sản đang được sản xuất.



HỘI THẢO
BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



**CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC NGHIÊN CỨU GIỮA BA LAN VÀ VIỆT NAM
VỀ RẠN SAN HÔ Ở BIỂN ĐÔNG VIỆT NAM**

**GS TSKH Jarosław Stolarski,
TSKH Przemysław Gorzelak**

Viện Trưởng Viện Cổ sinh vật học, Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan

Phó trưởng đoàn các nhà Khoa học Ba Lan hợp tác với Việt Nam

Viện Cổ sinh vật học, Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan

email: stolacy@twarda.pan.pl

Tóm Tắt

Môi trường rạn san hô ngày nay nằm trong số những hệ sinh thái biển dễ bị tổn thương nhất khi phải đối mặt với tác động của sự thay đổi điều kiện khí hậu. Các dự báo từ các mô hình biến đổi khí hậu, tính đến nồng độ CO₂ trong khí quyển tăng lên, vẽ ra một bức tranh nghiệt ngã, dự đoán sự tuyệt chủng của một phần đáng kể các rạn san hô nước nông hiện nay và các quần thể sinh vật rạn san hô khác vào cuối thế kỷ, do quá trình axit hóa và nhiệt độ nước bề mặt leo thang. Tuy nhiên, giữa sự u ám này, bằng chứng thuyết phục xuất hiện, cho thấy sự thích nghi sinh lý đặc trưng của từng taxon tạo ra những phản ứng mang nhiều sắc thái hơn và nâng cao khả năng phục hồi ở một số taxon chọn lọc trước các tác nhân gây căng thẳng như axit hóa đại dương, sự nóng lên và những xáo trộn cục bộ.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

Mở khóa sự phức tạp của những thích nghi này và nhận ra tiềm năng sống sót của các loài phân loại rạn san hô đòi hỏi phải khám phá kỹ lưỡng về lịch sử tiến hóa của chúng. Mệnh lệnh này tạo thành điểm mấu chốt của chương trình nghiên cứu rạn san hô hợp tác dài hạn, gồm ba phần được đề xuất giữa Ba Lan và Việt Nam. Chương trình bao gồm ba gói tích hợp:

1. Gói cổ sinh vật học đi sâu vào quá trình tiến hóa Holocene của khí hậu gió mùa dọc bờ biển Việt Nam, tận dụng các hóa thạch và các bộ xương hiện đại của san hô và sinh vật rạn san hô. Ví dụ, các bộ xương san hô được bảo quản tốt sẽ được xem xét kỹ lưỡng để làm sáng tỏ xu hướng về hiệu suất vôi hóa, tốc độ giãn nở và trạng thái bão hòa aragonit theo thời gian.

2. Gói sinh học bao gồm các đánh giá toàn diện về hình thái và phân loại phân tử, cùng với việc nghiên cứu các cơ chế thích nghi của các sinh vật rạn san hô, đặc biệt là san hô, trong các điều kiện cảnh quan biển khác nhau.

3. Hợp phần sinh học thực nghiệm nhằm mục đích đánh giá tác động của quá trình axit hóa đại dương và phơi nhiễm nano/vi nhựa đối với sự phát triển của quần thể sinh vật rạn san hô, sử dụng các cơ sở thủy cung thử nghiệm.

Một triển vọng thú vị để củng cố tính lâu dài và hiệu quả của chương trình nghiên cứu nằm ở việc thành lập một trạm nghiên cứu biển chung Ba Lan - Việt Nam ở miền Trung Việt Nam. Khảo sát bước đầu xác định Khu vực Ba Làng An là địa điểm tiềm năng. Hợp tác với các đối tác nước ngoài, tận dụng chuyên môn sâu của họ, làm tăng thêm tính bền vững của chương trình. Hơn nữa, sự tham gia tích cực với các đối tác Việt Nam hứa hẹn sẽ thúc đẩy việc phổ biến kiến thức khoa học và thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn về các rạn san hô trong cộng đồng xã hội Việt Nam.



HỘI THẢO

BIỂN ĐÔNG – HỢP TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



fot. Monika Rogozińska

KHẢO CỔ VÀ PHỤC CHẾ, TRÙNG TỪ VÀ BẢO TỒN DI SẢN

GS TSKH Mariusz Ziółkowski

Giám đốc đời sống Trung tâm nghiên cứu An-đi, ĐHTH Vác-sa-va

Trưởng Đoàn các nhà khoa học Ba Lan hợp tác với Việt Nam

e-mail: mziolkowski@uw.edu.pl

Phim "**Chống lại Thời gian**" –

Thành tựu của Ba Lan về Khảo cổ, Trùng tu và Bảo tồn Di sản Văn hóa

<https://drive.google.com/file/d/1qUFL-RL3CwexVdi3ZyVxOykIRvwtY-wG/view?usp=sharing>

<https://drive.google.com/file/d/1qUFL-RL3CwexVdi3ZyVxOykIRvwtY-wG/view?usp=sharing>